



SAVE THE ELEPHANTS

拯救大象



**TÌNH TRẠNG BUÔN BÁN NGÀ VOI
TRÁI PHÉP Ở VIỆT NAM LÀ MỐI ĐE DỌA
TỚI LOÀI VOI Ở CHÂU PHI**

LUCY VIGNE và ESMOND MARTIN



TÌNH TRẠNG BUÔN BÁN NGÀ VOI TRÁI PHÉP Ở VIỆT NAM LÀ MỐI ĐE DỌA TỚI LOÀI VOI Ở CHÂU PHI

LUCYVIGNE và ESMOND MARTIN



SAVE THE ELEPHANTS
PO Box 54667
Nairobi 00200, Kenya

2016

© Lucy Vigne và Esmond Martin, 2016

Bản quyền đã được bảo hộ

ISBN 978-9966-096-76-0

Bìa trước:

Một lượng lớn ngà voi thô từ Châu Phi đang trong quá trình chế tác tái phép tại miền bắc Việt Nam.

Trang tiêu đề:

Các sản phẩm trang sức trong ảnh là loại thường được sản xuất dành riêng cho khách Trung Quốc đại lục.

Bìa sau:

Một lượng lớn các sản phẩm ngà voi đang được bày bán tại miền bắc Việt Nam, bao gồm các sản phẩm bán lẻ ở phía trên và các loại sản phẩm bán buôn nằm trong từng túi ở phía dưới.

Hình ảnh:

Lucy Vigne:

Bìa trước, trang tiêu đề, các trang 6, 8, 10 (ảnh bên phải), 12, 14-16, 18, 20-21, 22 (ảnh bên phải), 24-27, 29-34, 36-44, 46-58, 61-64, 65 (ảnh bên phải), 66, 67 (ảnh dưới), 68 (ảnh dưới), 70-71, 82, 84, bìa sau

Esmond Martin:

Các trang 9, 10 (ảnh bên trái), 19, 22 (ảnh bên trái), 28, 35, 45, 65 ảnh bên trái, 67 (ảnh trên)

Daniel Stiles: Các trang 11, 59-60

Karl Ammann: Trang 68 (ảnh trên)

Xuất bản:

Save the Elephants, PO Box 54667, Nairobi 00200, Kenya



Nội dung

07	Tóm tắt
09	Lược sử ngà voi ở Việt Nam
13	Giới thiệu về nghiên cứu
13	Phương pháp nghiên cứu
13	Quy định của pháp luật về buôn bán ngà voi ở Việt Nam
17	Kết quả điều tra
17	<i>Nguồn gốc và giá bán buôn ngà voi thô tại Việt Nam</i>
18	<i>Thành phố Hồ Chí Minh</i>
18	Bối cảnh
18	Phân xưởng và thợ chạm khắc ngà voi
19	Cửa hàng bán lẻ, mặt hàng và giá ngà voi
21	Người bán và người mua
23	<i>Buôn Ma Thuật</i>
23	Bối cảnh
25	Phân xưởng và thợ chạm khắc ngà voi
28	Cửa hàng bán lẻ, mặt hàng và giá ngà voi
29	Người bán và người mua
30	<i>Làng du lịch ở Tây Nguyên</i>
30	Bối cảnh
30	Phân xưởng và thợ chạm khắc ngà voi
31	Cửa hàng bán lẻ, mặt hàng và giá ngà voi
31	Người bán và người mua
32	<i>Hà Nội</i>
32	Bối cảnh
32	Phân xưởng và thợ chạm khắc ngà voi
33	Cửa hàng bán lẻ, mặt hàng và giá ngà voi
34	Người bán và người mua
35	<i>Làng nghề quanh Hà Nội</i>
35	Bối cảnh
36	<i>Ngôi làng thứ nhất</i>
36	Phân xưởng và thợ chạm khắc ngà voi
40	Cửa hàng bán lẻ, mặt hàng và giá ngà voi
43	Người bán và người mua
45	<i>Ngôi làng thứ hai</i>
45	Phân xưởng và thợ chạm khắc ngà voi
46	Cửa hàng bán lẻ, mặt hàng và giá ngà voi
46	Người bán và người mua
47	<i>Ngôi làng thứ ba</i>
47	Phân xưởng và thợ chạm khắc ngà voi
49	Cửa hàng bán lẻ, mặt hàng và giá ngà voi
49	Người bán và người mua
50	<i>Ngôi làng thứ tư</i>
50	Phân xưởng và thợ chạm khắc ngà voi
50	Cửa hàng bán lẻ, mặt hàng và giá ngà voi
50	Người bán và người mua
51	<i>Ngôi làng thứ năm</i>
51	Phân xưởng và thợ chạm khắc ngà voi

52	Cửa hàng bán lẻ, mặt hàng và giá ngà voi
52	Người bán và người mua
53	<i>Ngôi làng thứ sáu</i>
53	Phân xưởng và thợ chạm khắc ngà voi
53	Cửa hàng bán lẻ, mặt hàng và giá ngà voi
53	Người bán và người mua
55	<i>Nguyên liệu thay thế ngà voi ở Việt Nam=</i>
59	Xu hướng sử dụng ngà voi theo thời gian và địa điểm
59	<i>Những xu hướng buôn bán ngà voi tại Việt Nam</i>
62	<i>Xu hướng buôn bán ngà voi tại Việt Nam trong năm 2015</i>
65	<i>So sánh tình trạng buôn bán ngà tại Việt Nam và Trung Quốc đại lục năm 2015</i>
69	Thảo luận
71	Kết luận
72	Bảng biểu
82	Lời cảm ơn
83	Tài liệu tham khảo

Các từ viết tắt

BMT	Buôn Ma Thuột
CITES	Công ước về buôn bán quốc tế các loài động thực vật nguy cấp
ETIS	Hệ thống Thông tin về Buôn bán Voi
TP HCM	Thành phố Hồ Chí Minh
Hoa Kỳ	Hợp chúng quốc Hoa Kỳ
USD	đô la Mỹ
Kg	Ki-lô-gram/ Cân







Vietnamese carvers can be skilful at producing ivory items, especially for Chinese and Vietnamese demand.

Tóm tắt

- Việt Nam hiện là một trong những quốc gia có nạn buôn bán ngà voi trái phép diễn ra nghiêm trọng nhất trên thế giới.
- Trong số các quốc gia Châu Á có buôn bán ngà voi, số lượng thợ chạm khắc ở Việt Nam đã gia tăng lên đáng kể về số lượng và các sản phẩm từ ngà voi đang được sản xuất với tốc độ lớn nhất kể từ năm 2008.
- Đa số ngà voi buôn lậu vào Việt Nam có nguồn gốc từ Châu Phi, chỉ một lượng nhỏ được lấy từ voi nuôi và voi hoang dã ở Lào và Việt Nam.
- Đầu năm 2015, Hải Phòng là nơi có số lượng ngà voi bị bắt giữ chính thức lớn nhất, đến nửa sau năm 2015, Đà Nẵng trở thành điểm nóng trong buôn bán ngà voi.
- Năm 2015, giá bán buôn ngà voi thô ở Việt Nam vẫn giữ mức tương tự như giá bán tại Trung Quốc đại lục, khoảng 1.100 USD/ kg đối với loại ngà có trọng lượng 1–3 kg.
- Trong lịch sử, chạm khắc ngà voi vốn không phải là một hình thức nghệ thuật quan trọng ở Việt Nam.
- Trong khi số thợ chạm khắc Việt Nam đã tăng lên đáng kể, chúng tôi chưa ghi nhận được trường hợp người nước ngoài nào làm việc tại đây.
- Thợ chế tác ngà voi, trung bình, kiếm được 260 USD mỗi tháng, ít hơn nhiều so với thu nhập của thợ thủ công tại Trung Quốc.
- Chúng tôi đã trò chuyện với những người chế tác ngà voi ở thành phố Hồ Chí Minh (TP HCM), Buôn Ma Thuột và tại ba ngôi làng thuộc miền bắc, những người này cảm thấy rất lạc quan về công việc kinh doanh của mình.
- Hệ thống pháp luật tại Việt Nam nghiêm cấm buôn bán ngà voi nhưng các văn bản quy định lại chưa quy định rõ ràng. Một lỗ hổng khá lớn trong hệ thống văn bản quy phạm pháp luật hiện tại đó là việc cho phép các loại sản phẩm mỹ nghệ ngà voi được sản xuất trước năm 1992 được buôn bán hợp pháp tại Việt Nam. Với năng lực thực thi pháp luật còn yếu, không ai nhắc đến điều này khi nói chuyện với chúng tôi, cũng như không chủ buôn nào đề cập đến việc xuất khẩu ngà voi là phi pháp.
- Khi ở Việt Nam, chúng tôi không quan sát được bất kỳ áp-phích tuyên truyền hay khuyến cáo công cộng nào về việc buôn bán ngà voi là bất hợp pháp.
- Tại TP HCM, Hà Nội, một thị trấn và một ngôi làng tại Tây Nguyên, và hai ngôi làng ở miền bắc, chúng tôi đã đếm được tổng cộng 242 đại lý/ cửa hàng bày bán 16.099 sản phẩm ngà voi cho khách mua lẻ.
- Có 9.893 (hay 61%) trong số các sản phẩm trên được thấy tại một ngôi làng ở miền bắc mà trong một nghiên cứu trước đây đã không đề cập.
- Đa số sản phẩm ngà voi bán ở thị trường Việt Nam là hàng mới hoặc được chạm khắc gần đây và do đó, là các sản phẩm bất hợp pháp.
- Việt Nam là một trong những quốc gia có số sản phẩm mỹ nghệ ngà voi mới sản xuất được bày bán công khai cho khách mua lẻ lớn nhất thế giới.
- Hầu hết các sản phẩm đều là mặt dây chuyền và các sản phẩm nhỏ khác, chủ yếu là trang sức.
- Có một số ít đồ cổ được làm từ ngà voi, chủ yếu quan sát được tại TP HCM, mặt hàng này rất phổ biến với khách Trung Quốc.
- Gần như không có sản phẩm ngà đắt tiền nào được bán lẻ theo quan sát của nghiên cứu này. Sản phẩm mới có giá thành cao nhất là một tượng hình người cao khoảng 17 cm có giá 2.500 USD tại TP HCM. Món đồ cổ cao cấp nhất là một chiếc ngà được chạm khắc và một chiếc bình có giá 20.000 USD mỗi chiếc tại một hiệu đồ cổ tại TP HCM.
- Sản phẩm ngà voi có giá thấp nhất là loại nhẫn mảnh có giá 2 USD tại một ngôi làng miền bắc Việt Nam.
- Giá bán lẻ ngà voi đối với các sản phẩm tương tự nhau ở Bắc Kinh và Thượng Hải cao hơn gấp ba lần giá bán ở TP HCM và Hà Nội và gấp bảy lần so với giá của ngôi làng bán nhiều sản phẩm ngà voi nhất ở Việt Nam mà chúng tôi quan sát trong phạm vi nghiên cứu này. Nguyên nhân là do giá nhân công ở Việt Nam rẻ hơn, có ít khoản phải thanh toán hơn và gần như toàn bộ các sản phẩm ngà voi được bán trái phép không cần giấy tờ chứng minh.
- Có vẻ như hoạt động thực thi pháp luật ở Việt Nam ít chú ý tới các phân xưởng và cửa hàng buôn bán

ngà voi trái phép, đặc biệt là tại các cơ sở nhỏ có ít khách phương Tây ghé thăm.

- Đa số khách hàng mà chúng tôi bắt gặp mua sắm ngà voi là người đến từ Trung Quốc đại lục; họ đặc biệt thích đến các khu làng phía bắc Việt Nam để mua ngà, đối với cả bán buôn và bán lẻ bởi giá cả ở đây rẻ hơn đáng kể so với bất kỳ nơi nào khác tại Việt Nam.
- Khả năng khách Trung Quốc bị bắt vì vận chuyển trái phép ngà voi qua biên giới Việt Nam – Trung Quốc là cực kỳ nhỏ bởi thực thi pháp luật chưa hiệu quả.
- Càng ngày càng có nhiều ngà voi bị buôn bán trực tuyến giữa người Việt và người Hoa đại lục.
- Các sản phẩm ngà voi khác được bán buôn và bán lẻ tại Việt Nam, đặc biệt tại khu vực phía tây, gần biên giới Lào và Cam-pu-chia. Các sản phẩm bao gồm xương, lông, thịt, răng hàm, da và đuôi.
- Chúng tôi không thấy có sản phẩm ngà voi ma-mút nào được bày bán ngoài trừ duy nhất một mặt dây chuyền làm từ chất liệu này.

- Năm 2008, một điều tra chi tiết tại Việt Nam đã đếm được 2.444 sản phẩm mỹ nghệ ngà voi được bày bán. Năm 2015, nghiên cứu của chúng tôi đã đếm được số lượng cao gấp 6.6 lần kết quả trên. Một trong những nguyên nhân chính là sự mở rộng quy mô buôn bán và chạm khắc ngà voi tại một ngôi làng ở miền bắc nhằm đáp ứng nhu cầu khách Trung Quốc và một nguyên nhân khác đó là số sản phẩm ngà voi ở Buôn Ma Thuật, Tây Nguyên đã tăng lên để thỏa mãn lượng du khách Châu Á ngày càng đông tới đây.
- Trong khi buôn bán sừng tê giác ở Việt Nam đang bị lên án nặng nề, sự bùng nổ của thương mại ngà voi gần đây vẫn bị xem nhẹ do thiếu thông tin.
- Nạn tham nhũng và thiếu sự quản lý chặt chẽ tại Việt Nam đã tiếp tay cho sự mở rộng và phát triển của ngành thương mại phi pháp này, cho phép các quầy bán lẻ bày bán công khai và tạo điều kiện cho buôn lậu nhiều sản phẩm mỹ nghệ ngà voi mới chế tác tại Việt Nam sang Trung Quốc đại lục.



Các hình mặt 12 con giáp là một trong những sản phẩm ngà voi phổ biến n



Cho đến thế kỷ thứ 19, những vật dụng được chạm khắc ngà voi như chiếc khay này mới phổ biến ở Việt Nam

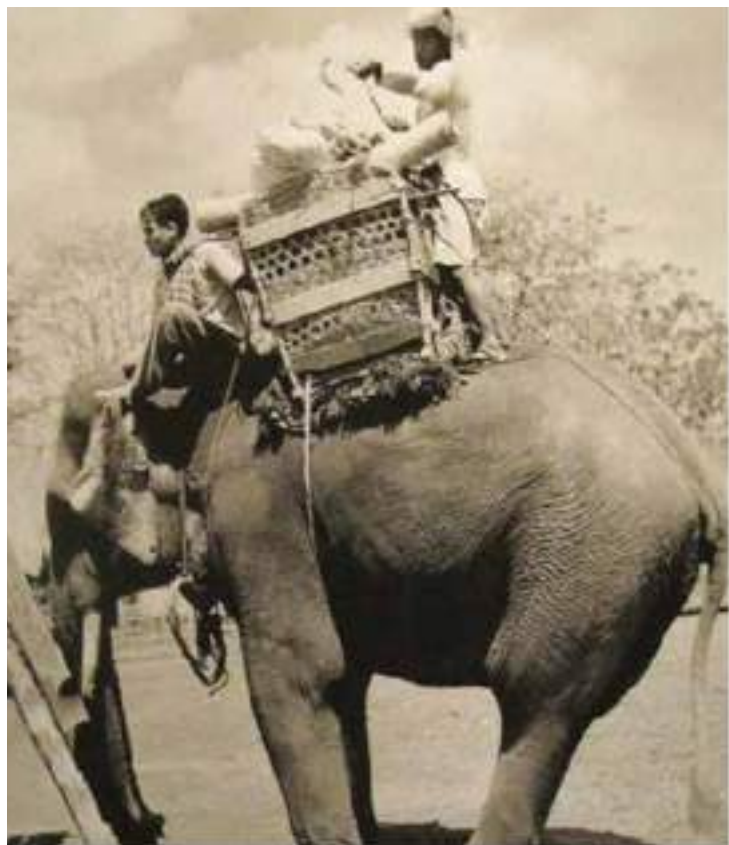
Lược sử ngà voi ở Việt Nam

Các nhà nghiên cứu lịch sử mỹ thuật cho đến nay vẫn chưa rõ từ khi nào người Việt bắt đầu sử dụng nhiều ngà voi. Một vài bộ lạc thiểu số có truyền thống lấy ngà từ những đàn voi sinh sống tại khu vực rừng rậm xung quanh, hoặc từ những cá thể voi mà họ bắt và thuần dưỡng được. Bộ lạc M'Nong là một ví dụ, lịch sử biết đến họ với những chiếc hoa tai làm từ ngà voi mà nhiều trong số đó vẫn đang được bày bán tại các quầy đồ cổ ở những thành phố lớn. Tuy nhiên, trang sức bằng bạc như vòng cổ hay vật trang trí trên đầu mới được coi là biểu tượng cho của cải vật chất tại nhiều bộ lạc vùng cao trong khu vực. So sánh với lượng trang sức bằng bạc, không có nhiều sản phẩm có nguồn gốc từ ngà voi. Các loại ngà dạng thô vẫn được vận chuyển qua Việt Nam tới Trung Quốc hàng trăm năm nay. Đầu thế kỷ thứ 15, Vua Lê Lợi đã gửi bốn chiếc ngà sang Trung Quốc trong một phần của Hiệp ước hòa bình (Nguyen-Long 2013). Dọc theo chiều dài lịch sử Việt Nam hơn 1000 năm qua, thợ thủ công nước này có truyền thống chạm khắc đá, gỗ và các vật liệu khác. Tuy vậy, các nhà nghiên cứu vẫn chưa tìm được tài liệu nào nhắc tới chạm khắc ngà voi cho đến tận thế kỷ thứ 19. Đa phần các nghiên cứu về ngà voi như các nghiên cứu của Maskell (1905), Kunz (1916) hay St Aubyn (1987) đều bỏ qua Việt Nam. Thay vì thế, họ tập trung mô tả công đoạn sản xuất ngà voi tại Nhật Bản, Trung Quốc,

Philippin, Thái Lan, Burma (Miến Điện), In-đô-nê-xi-a, Ấn độ và Ceylon (Sri Lanka).

Ấn bản đầu tiên về đến chạm khắc ngà voi ở Việt Nam mà chúng tôi có thể tìm được nhắc tới một dạng nội thất thường được gọi là *sập*, được khảm ngà tinh tế vào những thập kỷ đầu của thế kỷ thứ 19 (Nguyen-Long 2013). Năm 1991, Viện Bảo tàng Lịch sử thành phố Hồ Chí Minh (TP HCM) trưng bày các sản phẩm từ ngà voi được sản xuất tại Việt Nam vào thế kỷ thứ 19 như giường, hài gỗ khảm ngà, thìa, khay gỗ có viền bằng ngà và một chiếc đàn tam thập lục khảm ngà (theo khảo sát chưa công bố của Esmond Martin, 1991).

Cuối năm 2015, Viện Bảo tàng Mỹ thuật Việt Nam tại Hà Nội chỉ trưng bày hai mẫu vật ngà voi từ thế kỷ thứ 19 – một khay trà khảm ngà và một chiếc tủ khảm trai và ngà do người Kinh tại tỉnh Thừa Thiên – Huế chế tác. Viện Bảo tàng Lịch sử tại Hà Nội trong năm 2015 cũng có một vài mẫu dấu tên bằng ngà voi từ thời pháp thuộc, ngoài ra không có mẫu vật nào khác bằng ngà voi. Các sản phẩm ngà voi khác được nhắc đến trong văn học thế kỷ thứ 19 bao gồm các loại rương có nắp và hộp trầu cốt gỗ khảm ngà (Nguyen-Long 2013). Những vật dụng trên chủ yếu dành cho hoàng cung, quý tộc và các gia tộc giàu có khác. Do đó, có vẻ như ngà voi chỉ chiếm một tỷ trọng nhỏ trong nền văn hóa và nghệ thuật cổ truyền Việt Nam.



Trong một thời gian dài, voi Việt Nam được thuần hóa để thực hiện việc chuyên chở, trong tranh bên phải, đàn voi đang phục vụ Vua trong kinh thành Huế

Chính quyền thực dân Pháp (1883–1954) đã tạo điều kiện cho nền nghệ thuật và thủ công mỹ nghệ Việt Nam phát triển. Năm 1887, triển lãm nghệ thuật Việt Nam đã được tổ chức lần đầu tại Hà Nội, trưng bày nhiều mẫu vật có nguồn gốc từ ngà voi (Nguyen-Long 2013). Vào những năm 1920, nhiều sản phẩm ngà voi mang tính tôn giáo được sản xuất theo mong muốn của chính quyền Pháp (Stiles 2004), và giới thượng lưu Trung Quốc sinh sống tại Việt Nam cũng mua nhiều sản phẩm ngà voi tại đây.

Sau khi đánh bại thực dân Pháp tại Điện Biên Phủ năm 1954, Việt Cộng đã giành lại được miền bắc Việt Nam và quốc hữu hóa nền kinh tế. Tuy nhiên, một vài thợ chế tác ngà voi vẫn tiếp tục theo đuổi công việc của mình. Năm 1990, người thực hiện nghiên cứu Esmond Martin đã có dịp trò chuyện với một nhà chạm khắc 70 tuổi tại Hà Nội, có kinh nghiệm với ngà voi từ năm 1933. Ông cho biết mình đã được cha truyền nghề và vào đầu những năm 1950, ông đã thuê rất nhiều thợ để chạm khắc, gia công khoảng 6000 kg ngà mỗi năm. Nhưng kể từ khi chính phủ mới lên nắm quyền và quốc hữu hóa hầu hết nền kinh tế, cộng với số lượng du khách nước ngoài ít ỏi, ông đã gần như phá sản. Cho tới năm 1990, số ngà voi mà

ông sử dụng chỉ khoảng 100 kg mỗi năm, có nguồn gốc từ Lào và Việt Nam (Martin 1992a,b).

Tại miền nam Việt Nam, Việt Cộng đã không thể nắm quyền cho tới năm 1975, khi quân Mỹ rút khỏi đất nước. Ngay sau đó, chính quyền mới lại giành quyền sở hữu đa số ngành kinh tế, nhiều thương nhân phải rời bỏ đất nước. Các cửa hàng bán đồ lưu niệm, bao gồm cả ngà voi trên đường Đồng Khởi đều bị quốc hữu hóa từ năm 1975 đến 1986 và kết quả là đã không làm ăn phát đạt. Sau đó, nhờ công cuộc cải cách nền kinh tế, cho phép sở hữu tư nhân đối với nhiều ngành nghề. Đến năm 1989, các quầy hàng lưu niệm đã bắt đầu mở lại trên đường Đồng Khởi. Một năm sau đó, một số khách sạn cổ cũng được phục hồi. Các số liệu chính thức cho thấy, vào năm 1990, có 100.627 du khách quốc tế ghé chân tới TP HCM (Thông tấn xã Việt Nam, 1991). Tuy vậy, Việt Nam vẫn còn là một quốc gia nghèo. Cũng trong năm 1990, thu nhập bình quân đầu người chỉ đạt khoảng 98 USD một năm (Duc, 2015). Vào thời điểm này, thương nhân cùng chính quyền Việt Nam đã bắt đầu khai thác tài nguyên thiên nhiên của đất nước một cách ồ ạt, nạn săn bắn voi diễn ra nghiêm trọng và một vài người đã bắt đầu kiếm lời từ các hoạt động này (Martin 1992a; Stiles và Martin 1995). Đây chính là khởi đầu cho giai

đoạn khai thác bừa bãi tài nguyên thiên nhiên ở Việt Nam đến tận bây giờ.

Năm 1989, ông chủ tiệm bán các sản phẩm ngà voi lớn nhất trên đường Đồng Khởi, đầu mỗi cung cấp sản phẩm ngà voi tới các cửa hàng các trên cùng tuyến phố, có tới sáu thợ chạm khắc ngà voi. Đến năm 1991, số lượng thợ đã lên tới 17 người, tất cả đều là họ hàng của người chủ tiệm. Bên cạnh đó, ông còn thuê tới 60 thợ điêu khắc gỗ. Có ít nhất 10 người trong số thợ chế tác ngà voi làm việc tại Quận 1. Ông cho biết mình đã bén duyên với ngà voi hơn 40 năm qua và với gia đình ông là 100 năm. Ông thu mua ngà thô từ nguồn tồn kho cá nhân và khu vực rừng quanh Buôn Ma Thuột, qua các thương nhân miền tây Buôn Ma Thuột. Ông chỉ trả 100 USD để mua 1 kg ngà vào những năm 1990. Đến năm 1991, đơn giá đã lên tới 150 USD đối với các loại ngà nặng từ 2-3 kg. Thợ chạm khắc ngà được trả theo sản phẩm, không có lương tháng; trung bình họ kiếm được 1.500.000 VND (tương đương 220 USD) mỗi tháng (theo tỷ giá ngân hàng tại thời điểm đó), trong khi chạm khắc gỗ chỉ kiếm được một triệu đồng mỗi tháng (tương đương 147 USD). Họ làm việc năm ngày mỗi tuần, từ 7 giờ sáng đến 4 giờ chiều để tận dụng ánh sáng mặt trời tối đa. Khách hàng chủ yếu là người Đài Loan và các đại sứ đến từ nhiều quốc gia khác có sở thích mua những cặp ngà nhỏ, nặng khoảng 3 kg được đánh bóng để có thể dễ dàng vận chuyển. Ông chia sẻ, việc kinh doanh của mình kiếm lời cao hơn nhiều trước thời điểm Đảng Cộng sản giành được Sài Gòn vào năm 1975 do có nhiều du khách quốc tế và trước năm 1989, thời điểm ban hành CITES, nghiêm cấm các nước thành viên cấp phép cho nhập khẩu và xuất khẩu ngà thương mại kể từ năm 1990. Cho tới năm 1994, Việt Nam mới trở thành thành viên CITES, do đó, buôn bán ngà voi quốc tế vẫn hợp pháp trong giai đoạn này. Người chủ tiệm này, từ năm 1991, đã quen biết nhiều thợ chế tác ngà ở khu vực Hà Nội, TP HCM, và duy nhất một người tại thành phố biển Vũng Tàu, thành phố nằm ở phía đông nam của Sài Gòn.

Vũng Tàu là điểm du lịch cuối tuần của người Pháp trong thời kỳ thuộc địa, và cho đến tận năm 1991, đây vẫn là một khu nghỉ dưỡng biển hấp dẫn đối với người nước ngoài sinh sống tại Việt Nam.

Người thợ chạm khắc ngà voi duy nhất tại đây đã hành nghề từ năm 1972. Năm 1991, khi được phỏng vấn, ông cho hay mỗi kg ngà thô có giá 150 USD năm 1989, 200 USD năm 1990 đối với loại ngà nặng 2-3 kg và 30 USD năm 1991 đối với loại ngà vụn để sản xuất những sản phẩm kích thước nhỏ. Nguồn lấy ngà thô chủ yếu là Buôn Ma Thuột và Campuchia, ngay phía bên kia biên giới. Các sản phẩm mà ông sản xuất gồm có vòng, hoa tai, tượng, nhẫn và các loại khác, được bán buôn với giá 11 USD (tượng phật 2-3 cm), 4 USD (nhẫn), 10 USD (vòng mảnh) và 26 USD (vòng lớn) tới các cửa hàng bán đồ lưu niệm trong thành phố. Tuy nhiên, đến năm 1991, lượng khách hàng nước ngoài mua ngà sụt giảm do các lệnh cấm quốc tế đã khiến việc kinh doanh của ông giảm sút theo (theo nghiên cứu thực địa của Martin, 1990 và 1991; Martin 1992a).

Nghiên cứu tiếp theo về kinh doanh ngà voi được thực hiện bởi Dan Stiles năm 2001, trong đó, lần đầu tiên các nhà nghiên cứu đã đếm số lượng cửa hàng và số sản phẩm có nguồn gốc từ ngà voi được bày bán (Martin và Stiles 2002). Giá mua ngà voi đã tăng mạnh lên 300-500 USD một kg. Mức nhay vọt này đã gây ảnh hưởng dây chuyền lên giá bán lẻ các thành phẩm. Ví dụ, tẩu và đũa ngà đều đắt hơn gấp đôi, lên 36-95 USD; các loại nhẫn mảnh đắt hơn gấp bảy lần, từ 10-20 USD; trong khi đó, giá của một đôi bông tai nhỏ đắt hơn tới 25 lần: 25 USD. Người mua chủ yếu đến từ các nước Châu Âu, Nhật Bản và Đài Loan để vận chuyển trái phép về nước. Nhu cầu đối với các sản phẩm nhỏ gia tăng trong khi đó, nhu cầu với các sản phẩm có kích thước lớn bởi khó vận chuyển. Năm 2001, một nghiên cứu đã công bố kết quả quan sát, gồm 2.262 sản phẩm có nguồn gốc từ ngà voi bày bán tại 37 cửa hàng ở TP HCM và 777 sản phẩm tại 13 đại lý ở Hà Nội.

Một nghiên cứu sau đó, vẫn do tác giả Stiles thực hiện (2004), vào năm 2003 đã phát hiện giá ngà thô tại Hà Nội giảm nhẹ xuống 350 USD/ kg. Đa số ngà voi có nguồn gốc từ Angola, do người Việt ở Angola mang về dưới dạng mảnh nhỏ. Nhà nghiên cứu Stiles kết luận, kinh doanh ngà voi đang có dấu hiệu sụt giảm ở Hà Nội. Số cửa hàng bán ngà voi đã giảm xuống chỉ còn tám và số sản phẩm ngà voi trung bình được bày bán cũng giảm sút.

Đến năm 2008, giá ngà thô lại tăng mạnh lên 500–1.500 USD/ kg ở Việt Nam (Stiles 2008, 2009). Theo tác giả, đây là mức giá cao nhất trên thế giới ở thời điểm này, gián tiếp khuyến khích thợ săn tìm giết voi lấy ngà (Stiles 2008). Số ngà voi có nguồn gốc chủ yếu từ Lào và một phần nhỏ từ Việt Nam và Campuchia. Tại TP HCM, có 49 đại lý bán tới 251 sản phẩm; còn tại Hà Nội có 10 đại lý, số sản phẩm bày bán là 407. Một chiếc vòng mảnh có giá 50–95 USD, nhẫn mảnh có giá 10–15 USD và các loại mặt nhỏ 1–5cm có giá 20–181 USD, chủ yếu bán cho khách Trung Quốc, Thái Lan và Việt kiều Mỹ.

Một nghiên cứu năm 2014 tại 21 địa điểm ở Việt Nam (Nguyen và Willemsen 2015) đã chỉ ra 85 đại lý bán ngà voi với số lượng sản phẩm bày bán là 2.300. Tuy không kết luận được giá bán buôn ngà voi, giá bán lẻ theo ghi nhận đã tăng đáng kể so với thời điểm 2008; ví dụ, giá của một mẫu vòng mảnh là 95–189 USD, nhẫn mảnh là 5–112 USD, và tượng nhỏ hơn 5 cm là 71–1.500 USD. Người mua chủ yếu là người Việt và du khách nước ngoài, trong đó có cả người Trung Quốc do có một số sản phẩm được niêm yết bằng tiền Trung Quốc. Nghiên cứu này đã chỉ ra rằng số lượng sản phẩm ngà voi sẵn có ở Việt Nam có vẻ như đang giảm sút và tổng số sản phẩm ngà voi được bày bán ít hơn so với những nghiên cứu trước. (Nguyen và Willemsen 2015). Kết luận này trái ngược hẳn với kết

quả của các nghiên cứu khác cùng thực hiện năm 2015 (Liu 2015). Trong năm 2015, nhà nghiên cứu Lưu Hồng Kiều đã thực hiện điều tra về ngà voi ở nhiều ngôi làng miền bắc Việt Nam (Liu 2015). Ông nhận thấy kinh doanh trái phép ngà voi ở Việt Nam đang mở rộng quy mô chóng mặt khi phát hiện ra một mạng lưới tinh vi giữa những hướng dẫn viên du lịch nói tiếng Hoa, chủ buôn và những tay buôn lậu ngà voi tại một số trong những khu làng kể trên và họ đều ‘hoạt động công khai, như thể toàn bộ hoạt động này không phạm pháp’. Ông lưu đã thu thập dữ liệu về giá ngà thô trong năm 2015 là 845–1,032 USD/ kg, còn giá của một chiếc vòng tay là 150–200 USD. Ông cũng dành thời gian điều tra đường dây buôn bán từ các khu làng tới biên giới Trung Quốc và phát hiện ra rằng các cán bộ hải quan ở cả hai bên đều ‘không quan tâm lắm đến những sản phẩm nhỏ có nguồn gốc từ động vật hoang dã như vòng tay.’ Ông Lưu nghi vấn tại sao ‘chưa bao giờ có tổ chức bảo tồn quốc tế nào công khai báo cáo về điều tra thị trường mở ở Việt Nam.’



Vào năm 2001, số lượng và mẫu mã các sản phẩm được bày bán tại Hà Nội đa dạng hơn thời điểm hiện tại, bao gồm tranh sơn mài và la bàn ngà

GIẤY KIỂM ĐỊNH ĐÁ QUÝ
GEM REPORT

ID (Number): Q2405117

129, LACOM, PHU THUAN (HANOI) VIETNAM

SJC G4334

Description	NGÀ VOI (Ivory)	
Trạng thái (condition)	Mặt dây chuyền (Pendant)	Dây đeo cổ (Necklace)
Loại cắt mài (cut & shape)	Tượng (Statue)	Cầu gần tròn (Near-spherical)
Màu sắc (color)	Trắng ngà (Ivory white)	Trắng ngà (Ivory white)
Số lượng (viên) (quantity (pieces))	01	110
Kích thước (mm) (dimension (mm))	23.5 x 42.3	1 - 4.5
Trọng lượng (g) (weight (g))	9.81	10.3
Số gắn kèm (viên) (stone (piece))	20	



ĐẶC ĐIỂM BÊN TRONG: Cấu trúc vân gợn sóng
Characteristics : Wavy structure lines.

GIÁM ĐỐC
DIRECTOR

CHUYÊN VIÊN KIỂM ĐỊNH
EXPERT

[Handwritten signature]

[Handwritten signature]

GỖ VĂN NÊN

Giới thiệu về nghiên cứu

Sau nhiều quan ngại của du khách đến Việt Nam về tình trạng gia tăng kinh doanh ngà voi, và trong bảy năm qua không có điều tra thị trường nào được thực hiện, tổ chức Save the Elephant (tạm dịch: Bảo tồn Voi) đã tài trợ các tác giả thực hiện nghiên cứu thực địa tại Việt Nam cuối năm 2015, để biết được giá bán ngà voi, tìm hiểu về các đại lý bán lẻ và các sản phẩm ngà được bày bán trong các khu vực trọng điểm của kinh doanh sản phẩm ngà voi.

Số lượng các vụ bắt giữ ngà số lượng lớn chuyển tới Việt Nam, theo mô tả trong phần sau của báo cáo, đã gia tăng đáng kể trong năm 2015 – càng chứng tỏ Việt Nam là một điểm nóng trong kinh doanh ngà voi. Trước khi

Phương pháp nghiên cứu

Chúng tôi thực hiện điều tra về tình trạng buôn bán ngà voi ở Việt Nam từ ngày 23/11 đến ngày 14/12/2015 tại TP HCM (Sài Gòn), thành phố Buôn Ma Thuột (Tây Nguyên), Hà Nội và các khu làng xã xung quanh, bằng cách phỏng vấn chủ xưởng, thợ chế tác ngà voi, chủ buôn, khách hàng, cán bộ hoặc cựu cán bộ nhà nước để hiểu về tình hình kinh doanh ngà voi ở Việt Nam. Chúng tôi còn thu thập thông tin về nguồn lấy ngà thô, các tuyến vận chuyển ngà từ người bán đến thợ chạm khắc ở Việt Nam, giá bán buôn ngà thô, phân xưởng, thợ thủ công, thu nhập của họ và các loại sản phẩm ngà voi cũng như xu hướng thị trường. Chúng tôi đã thực hiện điều tra các cửa hàng, đếm số đại lý bán lẻ trong thành phố và khu vực làng xã xung quanh, số lượng và các loại sản phẩm bày bán và kiểm tra xem những sản phẩm đó là đồ cổ hay mới được sản xuất (theo lời người bán hay dựa vào đặc điểm bên ngoài), nguồn gốc của sản phẩm và giá bán.

Chúng tôi cũng trò chuyện với người bán về việc kinh doanh và khách hàng của họ, cũng như nói chuyện với

tới Việt Nam, chúng tôi đã biết có nhiều làng tập trung sản xuất đồ thủ công mỹ nghệ và đang mở rộng sang ngà voi (Karl Ammann, pers. comm. May 2015). Nhiều nghiên cứu thực hiện trước đây đã kể tên được những khu vực cụ thể bán ngà voi. Chúng tôi cũng thực hiện điều tra những địa điểm này để so sánh về xu hướng. Tuy nghiên cứu thực địa tại Việt Nam của chúng tôi được lên kế hoạch từ trước, nhưng khi biết đến hai nghiên cứu gần đây của Nguyen và Willemssen 2015; Liu 2015, mà kết quả lại được công bố sau nghiên cứu này, chúng tôi đã tham khảo bản nghiên cứu trước khi công bố khi bay tới Việt Nam để thực hiện điều tra.

người mua ngà để có thông tin về cả hai đối tượng. Chúng tôi dựa vào phương pháp nghiên cứu của các điều tra trước để có thể so sánh dữ liệu và tập trung đến những khu vực trọng tâm. Khi tới thăm những ‘khu kinh doanh’, chúng tôi chú ý hơn tới các đại lý bán lẻ có nhiều lợi nhuận từ bán các sản phẩm có nguồn gốc từ ngà voi. Chúng tôi đã nghiên cứu các ấn phẩm trước đây về lịch sử và pháp chế về ngà voi ở Việt Nam và chụp hình tất cả những phân xưởng bất cứ khi nào có thể và các đại lý bán lẻ có trưng bày các vật phẩm lớn để có thể kiểm đến chính xác nhất số lượng và xác định đúng nhất loại sản phẩm. Chúng tôi cũng trò chuyện với những người đã từng thu thập dữ liệu về ngà voi ở Việt Nam, đặc biệt là các nhà nghiên cứu Karl Ammann, Tom Milliken và Dan Stiles. Trong báo cáo này, chúng tôi sẽ không nêu tên các khu làng xã được phát hiện đang tham gia vào sản xuất và kinh doanh ngà voi mà chúng tôi đã tới. Tuy vậy, các học giả quan tâm có thể liên hệ với chúng tôi để biết thêm thông tin.

Quy định pháp luật về kinh doanh ngà voi ở Việt Nam

Năm 1994, Việt Nam tham gia CITES, công ước nghiêm cấm việc kinh doanh quốc tế ngà voi. Trước đó, chính quyền đã đưa ra nhiều nghị định và quy định về loài vật hoang dã nguy cấp này cũng như nghiêm cấm săn bắn, vận chuyển, buôn bán, sản xuất và sử dụng các sản phẩm có nguồn gốc từ voi hoang dã. Tuy nhiên, có một quy định cho phép buôn bán các loại ngà được sản xuất từ trước năm 1992 (Martin và Stiles 2002; Stiles 2008).

Tại Hội nghị các nước thành viên CITES lần thứ 16 tại Bangkok vào tháng 03/2013, các nước thành viên, Ban

thư ký và Hệ thống Thông tin về Buôn bán Voi (ETIS) đều bày tỏ quan ngại về Việt Nam với vai trò là quốc gia chuyển tiếp trong đường dây buôn bán ngà voi. Do đó, Việt Nam đã được yêu cầu đưa ra Kế hoạch hành động quốc gia về buôn bán ngà voi và nộp lên Ban quản lý CITES trước 15/05/2013 (Milliken 2013), và chính quyền Việt Nam đã thực hiện việc này. Kể từ đó, Việt Nam nằm một phần trong quy trình giám sát của CITES và sẽ bị giám sát tuân thủ với các quy định của CITES.



Miếng ngà voi thô này được bán ở Việt Nam, có dấu 'thanh tra' ở phần thân, không rõ nguồn gốc

Trong nước, chính quyền Việt Nam đã đưa ra nhiều nghị định và chỉ thị để thắt chặt quản lý buôn bán ngà voi trái phép. Ví dụ, trong tháng 03/2014, thủ tướng đã phát hành một chỉ thị để chính phủ nỗ lực hơn trong các hoạt động chống lại nạn săn bắn và buôn lậu ngà voi (Nguyen và Willemsen, 2015).

Hoạt động trên bao gồm động thái cải thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật và đưa ra nhiều lệnh cấm đối với buôn bán ngà voi và sừng tê giác. Trong năm 2014, chính phủ đã phê duyệt một nghị định chung về động vật hoang dã, tăng mức phạt lên tới 25.000 USD đối với tội phạm săn bắn, khai thác, buôn bán, gia công và tàng trữ động vật hoang dã (CITES 2016).

Tuy pháp luật nghiêm cấm các hành động xuất nhập khẩu ngà voi cũng như buôn bán ngà voi trong nước đối với các sản phẩm được chế tác kể từ sau 1992, Việt Nam vẫn tiếp tục là một trong những nước xuất khẩu nhiều ngà voi trái phép nhất, hỗ trợ đường dây chế tác, gia công và chạm khắc ngà voi trái phép khổng lồ ở nước này. Các vụ bắt giữ ngà voi chính thức liên quan đến Việt Nam đã gia tăng trong năm 2015 theo báo cáo. Ngà voi vẫn bị nhập khẩu trái phép với số lượng lớn, bao gồm: ngà thô, sơ chế, và thành phẩm đều đang trên đường tới Việt Nam, tại cửa khẩu Hải quan và trong Việt Nam. Ví dụ, vào tháng 07/2015, cảnh sát biên phòng đã bắt được một xe tải chở 387 kg ngà voi từ Cam-pu-chia vào Việt Nam tại cửa khẩu quốc tế Hà Tiên (Tin Việt Nam, 2015). Tháng 08/2015, 593 kg ngà voi (và 142 kg sừng tê giác) từ Mô-dăm-bích đã bị thu giữ tại cửa khẩu Đà Nẵng (Saturday Nation 2015; AFPa 2015). Sau đó, cùng tháng 08/2015, cảnh sát và hải quan còn bắt giữ

được hơn 2.000 kg ngà voi trên một công-te-nơ chở gỗ đến từ Ni-giê-ri-a tại Đà Nẵng (Tu, 2015).

Vụ bắt giữ thứ ba cùng tháng tại Đà Nẵng được báo cáo gồm có 1.023 kg ngà voi, nguồn gốc không được tiết lộ (TRAFFIC 2015). Đà Nẵng đã trở thành một điểm nóng trong thu giữ ngà voi thay cho Hải Phòng. Trong tháng 11/2015, 860 kg ngà voi đang chuyển tiếp qua Việt Nam từ Đài Loan đã bị bắt tại cửa khẩu Hoàn Mỹ, được giấu trong 1.300 hộp giữ nhiệt cùng đầu cá. Số hàng này đang trên đường chuyển trở sang nước thứ ba (Báo Thanh Niên, 2015). Trong tháng 12/2015, Hải quan Hải Phòng đã bắt được 2.200 kg ngà voi (835 mảnh) được chuyển đến từ Mô-dăm-bích (AFPb 2015). Cũng vào tháng 12/2015, một lần nữa, một nhóm buôn lậu sản phẩm có nguồn gốc từ động vật hoang dã đã bị bắt ngay gần biên giới phía Trung Quốc tại cảng Phong Thành, đang vận chuyển 307 kg ngà voi từ Việt Nam (Tân Hoa xã, 2015).

Nhiều quan chức và cán bộ điều tra tại Việt Nam và Trung Quốc tin rằng đường biên giới 700 km giữa hai quốc gia chính là tuyến đường chính mà tội phạm buôn lậu động vật hoang dã thường sử dụng để vận chuyển hàng từ Đông Nam Á sang Trung Quốc và cho rằng tình trạng buôn bán trái phép này diễn ra rầm rộ là bởi năng lực quản lý yếu kém của ngành hậu cần, bùng nổ buôn bán trên mạng, và thiếu sự phối hợp giữa các cán bộ chức năng ở Việt Nam và Trung Quốc (Tân Hoa xã, 2015). Vấn đề thực thi pháp luật đối với nạn buôn bán ngà voi trái phép vẫn còn yếu kém theo quan sát của một số nhà nghiên cứu (Milliken 2013; Vira et al. 2014; Liu 2015). Cửa khẩu Hữu Nghị là cửa khẩu hải quan chính trong đường dây (Liu 2015).



Khách phương Tây từng là người mua chính đối với các sản phẩm ngà voi tại Hà Nội, trước khi lệnh cấm vận quốc tế được ban hành. Ngày nay, họ không còn mặn mà với mặt hàng này.



Ngà voi dạng thô ở Việt Nam được định giá dựa vào cân nặng và chất lượng, loại mảnh cắt như trên hình cũng có giá thấp h

Kết quả điều tra

Nguồn gốc và giá bán buôn ngà voi thô ở Việt Nam

Hầu hết số ngà voi đưa vào Việt Nam ngày nay đều có nguồn gốc từ Châu Phi và buôn bán số ngà voi này là phạm pháp. Trong năm 2015, kết hợp thông tin từ 10 người mua và bán ngà ở Việt Nam, chúng tôi nhận thấy giá bán buôn ngà voi thô đối với loại ngà 3-4 kg từ 889 USD đến 1.334 USD hoặc khoảng 1.100 USD mỗi kg.

Tại **TP HCM**, một thợ chạm khắc ngà voi cho chúng tôi biết, năm 2015, ông mua ngà thô với giá mua theo lô là 20 triệu đồng/ kg (889 USD), nhưng mức giá cao thấp tùy vào chất lượng và mỗi kg có thể lên tới 40 triệu đồng (1.777 USD). Với loại ngà chất lượng thấp hơn, ông bán với giá 28 triệu đồng/ kg (1.244 USD). Giá bán buôn đã không biến động trong năm vừa qua. Ông mua ngà từ một thương nhân ở 'Sài Gòn', người này buôn lậu hàng từ Châu Phi. Đa số ngà voi có kích thước nhỏ hoặc bị cắt thành nhiều mảnh 1-3 kg để dễ vận chuyển lậu.

Tại **Buôn Ma Thuột**, ngà voi thô từ Lào được một thợ chạm khắc Việt Nam mua lại với giá 34 triệu đồng (1.743 USD) một cân vào năm 2010. Đến năm 2014, ông phải trả 27 triệu đồng (USD 1,262) để mua một kg và cuối năm 2015, giá mua vào mỗi kg là 24 triệu đồng (1.067 USD) đối với ngà có kích thước trung bình, khoảng 3-4 kg. Ông nói, ngà voi có thể được bán với giá buôn ở Việt Nam là 29-30 triệu đồng/ kg (1.289-1.333 USD), và với kích thước nhỏ hơn, giá là 24-25 triệu đồng/ kg (1.067-1.111 USD), hoặc đối với các miếng được cắt hình chữ nhật, giá là 10 triệu đồng/ kg (444 USD). Một người bán đồ trang sức tại Buôn Ma Thuột cho biết giá ngà voi thô là 25 triệu đồng/ kg (1.111 USD).

Tháng 12/2015, tại **một ngôi làng du lịch gần Buôn Ma Thuột**, một người huấn luyện voi đã bán 4kg ngà voi thô cắt từ số voi gây nuôi trong làng (người này cắt và đem bán ba năm một lần) với giá 30 triệu đồng hoặc tương đương 1.333 USD/ kg. Phần chóp ngà voi có giá trị cao vì thường cứng, do đó, người này bán được với giá 25 triệu đồng từ bốn năm trước, tương đương 1.989 USD/kg.

Tại **ngôi làng đầu tiên gần Hà Nội** mà chúng tôi ghé qua, chúng tôi đã hỏi mua ngà voi thô tại phân xưởng đầu tiên mình gặp. Nguồn gốc của chúng chủ yếu từ Châu Phi, đôi khi qua Lào, Thái Lan và một số (ngà cũ) đến từ Châu Âu. Những phân xưởng này lấy ngà từ chủ

buôn và không được tiết lộ về nguồn gốc chính xác của số ngà. Tháng 12/2015, giá mua giảm từ 24 triệu đồng còn 20 triệu đồng (889 USD) so với năm trước. Đó là mức giá dành cho loại hồng ngà được cho là có chất lượng cao, lấy từ voi rừng mới chết (đồng nghĩa với voi bị săn bắn trái phép). Ngà voi cổ có giá rẻ hơn, ngà nhỏ hơn 18 cm có giá 18-20 triệu đồng/ kg (800-899 USD) vào cuối năm 2015. Đối với loại ngà lớn còn nguyên, giá bán buôn là 26 triệu đồng (1.156 USD) - nhưng phần chóp sẽ bị tính giá cao hơn, 30-35 triệu đồng (1.333-1.556 USD) mỗi kg. Hai đến ba năm trước, một mảnh ngà nguyên vẹn có giá 30-35 triệu đồng/ kg (1.431-1.669 USD) và loại cao cấp nhất có giá 40 triệu đồng/ kg (1.669 USD).

Chúng tôi cũng quan sát được ba mảnh chóp ngà dài 20 cm được cắt từ các miếng ngà lớn tại một phân xưởng khác. Chóp ngà ở đây được bán với giá 30-35 triệu đồng (1.333-1.556 USD) (từ 40 triệu đồng hay 1.921 USD ba năm trước). Đắt hơn giá của một mảnh ngà nguyên vẹn dài 18 cm của voi ít tuổi hơn (USD 800-889) bởi chóp của tấm ngà lớn nặng hơn và có chu vi lớn hơn.

Một chủ buôn cho biết giá ngà voi là 26 triệu đồng (1.156 USD) một kg. Ba năm trước, giá đã lên tới 40 triệu đồng và trung bình là 30-35 triệu đồng/ kg (1.440-1.681 USD). Một chủ buôn khác mà chúng tôi phỏng vấn được đã nói giá mua là 26 triệu đồng/ kg (1.156 USD). Hai năm trước, giá là 30 triệu đồng/ kg (1.421 USD).

Tuy nhiên, một chủ buôn ngà voi/ thợ gia công ngà voi ở làng khác lại cho biết giá ngà voi giờ là 25 triệu đồng (1.111 USD) một kg, nhưng cũng có thể mua ngà chất lượng thấp với giá 7-8 triệu đồng (311-356 USD) một kg. Theo những gì phỏng vấn được, giá ngà voi đã giảm trong hai đến ba năm qua và nguồn cung từ Châu Phi cũng đột ngột tăng mạnh.

Một thợ thủ công/ chủ buôn khác cho hay giá ngà voi hai năm trước cao hơn bây giờ. Người này giải thích rằng ngà lớn thì cứng và tốt hơn, đặc biệt khi cắt đến phần màu hồng gần phía chóp.

Tại **ngôi làng thứ ba gần Hà Nội**, chúng tôi đã được quan sát thợ chạm khắc ngà làm việc và biết được rằng giá các loại hàng cao cấp nhất là 30 triệu đồng/ kg (1.333 USD) với mức giá trung bình là 20 triệu đồng/ kg (889 USD) với loại có kích thước trung bình.

Thành phố Hồ Chí Minh

Bối cảnh

TP HCM có 8,2 triệu dân, là thành phố lớn nhất trên cả nước. Trong nhiều thế kỷ, Sài Gòn, tên gọi cũ của TP HCM, là một phần của Vương quốc Cam-pu-chia. Năm 1862, thành phố đã được nhượng cho Pháp. Sau đó, người Pháp đã xây dựng cầu cảng, đường xe lửa, các tuyến đường bộ và nhiều tòa nhà kiểu Pháp, trong đó có một nhà hát opera và nhiều trường đại học. Chính quyền bù nhìn được dựng lên để cai trị và sau đó, Đảng Cộng sản đã giành lại quyền kiểm soát vào năm 1975, khi đó, Sài Gòn chính thức

Phân xưởng và thợ chế tác ngà voi

Một thợ chế tác ngà voi đã không ngần ngại thừa nhận với chúng tôi rằng những thợ điêu khắc khác trong thành phố vẫn tiếp nhận những lô ngà voi mới mang về từ Châu Phi mặc dù biết điều đó là bất hợp pháp. Mặt hàng chính mà họ sản xuất là đồ trang sức, đặc biệt là mặt dây chuyền nhỏ hình Đức Phật và Phật bà Quan âm có độ cao khoảng 2.5 cm hay mặt hình tròn hoặc hình chữ nhật lớn hơn, khắc hình hoa hay biểu tượng Phật giáo cao khoảng 5 cm. Những đồ trang sức ngà có kích thước rất nhỏ và thường được chế tác lại từ những mẫu ngà bỏ đi trong quá trình chế tác các sản phẩm từ ngà lớn hơn. Một số cửa hàng đồ trang sức ở khu phố Tàu (hay còn được gọi là Chợ Lớn) còn cung cấp cả những mảnh ngà voi thô để khách hàng chọn và khắc theo yêu cầu. Một cửa hàng bày ra một túi ni-lông chứa bảy mảnh ngà voi cho chúng tôi chọn và có thể yêu cầu chạm thành một hình thánh giá. (Người bán hàng mời chào hình này vì cô ta chỉ trưng bày mặt dây chuyền hình xương chéo). Những mẫu ngà voi thô này là các mảnh thừa sau khi chạm khắc một sản phẩm khách hàng đã đặt trước đó.

Một cửa hàng đồ cổ ở trong khu du lịch của Quận 1, nơi chủ yếu bán các sản phẩm chạm khắc từ gỗ và xương động vật có hẳn một phân xưởng chế tác của gia đình. Tuy vậy, do vị trí của cửa hàng mà không một đồ vật bằng ngà voi nào được trưng bày.

Chúng tôi đến một xưởng chế tác ngà voi ở TP HCM. Người thợ chạm khắc có một gian hàng bán lẻ các mặt hàng từ ngà voi, vỏ động vật, đá và gỗ được chế tạo tại đây. Tiếng khoan cắt và những đám bụi trắng có mùi điển hình của ngà voi mới khắc phía sau cửa hàng thu hút chúng tôi, nơi mà một người đàn ông trẻ đang mài mịn một chiếc vòng ngà lớn. Hai tay của anh ta và bàn làm việc phủ đầy một chất bột màu trắng. Khi nhìn thấy chúng tôi, anh ấy dừng lại và bỏ chiếc vòng vào ngăn kéo. Anh ta là người Việt Nam, tuy mới chỉ có 38 tuổi nhưng được truyền nghề chế tác từ cha và đã có 15 năm tuổi nghề. Hai người con trai nhỏ của anh ta và vợ là người Trung Quốc trở về từ trường

trở thành TP HCM, chính phủ mới kiểm soát các ngành kinh tế trước đây thuộc sở hữu tư nhân. Nền kinh tế của thành phố đã gặp không ít khó khăn cho tới giữa thập niên 80. Khi ấy, các nhà đầu tư nước ngoài được khuyến khích đổ tiền vào Việt Nam và khách du lịch bắt đầu trở lại quốc gia này lần nữa. Thành phố này, kể từ đó đã lấy lại đà phát triển, tuy nhiên, sự khác biệt giàu nghèo vốn đã lớn lại càng gia tăng.

học khi chúng tôi ở đó (khu xưởng và cửa hàng ở ngay phía trước nhà của họ, kiểu điển hình ở Việt Nam); đưa con út đeo một chiếc vòng bằng ngà voi.

Anh ta nói rằng cần phải mất hai ngày để làm một mặt dây chuyền ngà voi có kích thước 4,5 x 6 cm và một tuần để chạm một hình Đức Phật nặng 300 g. Những đơn đặt hàng như vậy khá thường xuyên. Anh ta còn chạm những hình mặt chuyền cơ bản và những mặt hàng ưa thích khác để bán buôn cho các cửa hàng trang sức trong khu vực. Nếu khách trực tiếp đến đây thì sẽ mua được với giá tốt hơn so với việc mua ở các cửa hàng trang sức.

Công việc kinh doanh của anh vẫn vậy trong những năm vừa qua. Mặc dù không biết có bao nhiêu thợ chế tác ngà voi đang hoạt động trong thành phố nhưng người này tin con số đó đang ngày một tăng. Anh giải thích rằng thợ chạm khắc ngà voi là người Việt; họ trực tiếp đem sản phẩm bán cho một số nguồn cung nhất định trong khi thương lái cũng tìm đến họ để mua các vật phẩm ngà voi.

Thợ chạm khắc ngà voi ở Việt Nam có thu nhập khoảng 200 - 400 USD một tháng; tương đương với thu nhập của thợ điêu khắc gỗ vì đây là một công việc cần được đào tạo và đòi hỏi kỹ năng. Mức thu nhập tối thiểu cho những công việc không cần kỹ năng là khoảng 120 USD một tháng.



Một người thợ ở TP HCM dùng chiếc máy cắt này để xẻ miếng ngà voi để tác mặt dây chuyền



Xe máy là phương tiện di chuyển chính trong khu phố Tàu ở TP HCM, nơi mà những sản phẩm bằng ngà voi được vận chuyển dễ dàng

Cửa hàng bán lẻ, mặt hàng và giá ngà voi

Chúng tôi đếm được 116 đại lý trong trung tâm thành phố hiện đang bày bán 3.098 sản phẩm từ ngà voi. Trong đó có 78 cửa hàng đồ trang sức, 28 tiệm đồ cổ, 4 gian hàng thuốc cổ truyền và 4 tiệm bán vật dụng tôn giáo. Trung bình mỗi một cửa hàng có 27 đồ vật làm từ ngà voi, 67% điểm bán các mặt hàng từ ngà voi là cửa hàng trang sức, 24% là tiệm đồ cổ (Bảng 1). Số lượng mặt hàng từ ngà voi trong mỗi cửa hàng dao động từ 1 tới 404.

Ở khu bán đồ lưu niệm trong và quanh chợ Bến Thành, chúng tôi tới thăm 130 gian hàng đồ trang sức, vàng và đá quý được bày biện cẩn thận sau lớp kính. 54 cửa hàng trong số đó có các sản phẩm nhỏ từ ngà voi được trưng bày ở nơi sáng nhất dành cho trang sức. Đa số là mặt dây chuyền hình Đức Phật cao khoảng 2,5 cm. Chúng tôi cũng tới chợ An Đông và các con đường liền kề ở khu phố Tàu và thấy những mặt dây chuyền tương tự, cũng như các mặt hàng trang sức bằng ngà voi khác ở 31 trong 119 cửa hàng. Một số lượng lớn mặt hàng bằng ngà voi được bày bán công khai ở đây. Ở các khu phố quanh chợ chính, có 10 trên 52 cửa hàng bán đồ từ ngà voi bao gồm cả những quầy hàng di động trên vỉa hè với những mặt hàng nhỏ bày trong tủ kính. Khi ngồi ngang với mặt kệ bày mặt dây chuyền, chúng tôi có thể thấy ngay sản phẩm nào được chế tác điển hình từ ngà voi, khác so với từ xương động vật mà không cần phải đem đi kiểm chứng. Một vài mặt hàng còn được bọc thêm

vàng hoặc bạc. Một cái khóa gài bằng bạc cho một mặt dây chuyền dài 2,5 cm sẽ tốn thêm 600.000 đồng (27 USD), nếu bằng vàng trắng thì giá sẽ thêm 2,1 triệu đồng (93 USD) còn bằng vàng thì tốn thêm 2,7 triệu đồng (120 USD). Cũng có đồ giả từ xương hoặc nhựa có kết cấu tương tự, thường được bọc bằng thép không gỉ.

Hầu hết các tiệm đồ cổ mà chúng tôi thấy bán đồ vật từ ngà voi nằm hai bên đường Lê Công Khiên, nơi mà 27 trên 45 cửa hàng trưng bày các sản phẩm cổ từ ngà voi. Ngoài ra một cửa hàng đồ cổ ở chợ An Đông của khu phố Tàu cũng đang bán những mặt hàng này. Một loại cửa hàng nữa cũng nằm ở chợ An Đông của khu phố Tàu là tiệm đồ gỗ chạm khắc. Có 4 trong số 20 cửa hàng chúng tôi đến là có bày bán các mặt hàng từ ngà voi. Gần đó cũng có 2 tiệm bán đồ phong thủy và vật dụng Phật giáo làm từ ngà voi. Tuy nhiên, không sản phẩm chế tác từ bộ ngà lớn nào có ở những tiệm kể trên.

Khu phố Tàu là một dải phố chính dài rộng với hai bên đường là rất nhiều tiệm thuốc nam và thuốc bắc chen nhau. Nhiều cửa hàng bán buôn với các bao tải thảo mộc nằm tràn trên vỉa hè, và dựng sát tường những tủ thuốc đông y thường thấy. Có 4 trên 20 cửa hàng chúng tôi đến là có bày bán vật dụng bằng ngà voi cỡ nhỏ nhưng với số lượng lớn. Chúng thường được đặt trong những túi nhựa trong suốt để bán buôn hoặc bán cho khách lẻ với số lượng nhỏ.



Các sản phẩm mang tính tôn giáo ngày nay chủ yếu là đồ nữ trang nhỏ rẻ tiền so với các sản phẩm cổ chạm khắc từ ngà voi như biểu tượng cổ của Châu Âu được bày bán tại TP HCM

Cũng có một số cổ vật bằng ngà voi và xương động vật, và ở phía sau, một số cửa hàng có sừng tê giác giả bằng sừng trâu, bò và sừng linh dương Saiga. Không có vị khách phương Tây nào ở đây khi chúng tôi đến vào buổi chiều. Vì vậy mà các cửa hàng công khai trưng bày các món nữ trang bằng ngà mà không sợ bị người nước ngoài làm phiền hay bị công an tịch thu.

Chúng tôi không tìm thấy các mặt hàng bằng ngà voi khi tới các khách sạn và trung tâm mua sắm mới, hay những tiệm trang sức/ đồ cổ/ đồ lưu niệm đắt đỏ phần lớn nằm ở trong và quanh khu vực phố cổ. Những tiệm hàng này thường bán những đồ lưu niệm và hàng thủ công giá rẻ cho du khách. Kể cả từ 7 năm về trước, các mặt hàng bằng ngà voi cũng không hề hiện diện ở các cửa tiệm đắt đỏ mà khách du lịch hay lui tới trên phố Đồng Khởi và Lê Lợi ở Quận 1. Vì thế mà chúng tôi dành thời gian tập trung tìm hiểu các cửa hàng trang sức và đồ cổ xa xỉ hơn, đặc biệt ở khu phố cổ và phố Tàu, nơi mà các nghiên cứu trước đây về buôn bán ngà voi đã điều tra.

Mặt hàng từ ngà voi phổ biến nhất ở TP HCM là mặt dây chuyền (chiếm 51%), theo sau là lắc tay và tượng cỡ nhỏ (Bảng 2). Phần lớn mặt dây chuyền và tượng có hình tử vi hay họa tiết phật giáo dành cho các tín đồ người Việt Nam và Trung Quốc. Đa số các mặt hàng được sản xuất trong thời gian gần đây như trang sức hay bộ đĩa.

Chuỗi các mặt hàng cũ ở các tiệm đồ cổ đang được bán qua tay một hoặc nhiều lần, được chế tác từ khắp nơi như Trung Quốc, Hồng Kông, Nhật Bản, Châu Phi và Châu Âu trước khi CITES có hiệu lực từ năm 1990.

Mặt hàng từ Trung Quốc bao gồm: một chiếc thuyền (giá 1.300 USD), bình/hũ (khoảng 5.000 USD), các quả cầu ma thuật với các mảng họa tiết chạm trổ dài 3-4 cm

(giá từ 150 – 200 USD). Sản phẩm từ Hồng Kông gồm: Sò ngọc và hình khắc một ngôi chùa; từ Nhật Bản: các vật chạm khắc nhỏ (Netsuke) (giá từ 200 – 300 USD); từ Châu Âu: một cuốn sách nhỏ với bìa ngà (giá 400 USD), chặn sách và một biểu tượng chúa trên cây thánh giá; từ Châu Phi: các vật tượng trưng và tượng bán thân (cao từ 12-20 cm, giá khoảng 700 – 800 USD); và từ Việt Nam: khuyên tai cổ hình trụ của một số dân tộc thiểu số từng đeo trong quá khứ.

Các hình chạm trổ hình người ở các tiệm đồ cổ này rất đa dạng và phong cách phần lớn có xuất xứ từ Trung Quốc. Bức điêu khắc lớn nhất dài 75 cm có giá là 2.500 USD, các hình chạm khắc khác dài khoảng 40 cm có giá từ 5.000 tới 10.000 USD. Những sản phẩm chạm khắc cỡ lớn từ ngà mới cắt tương đối hiếm thấy vì ít được khách hàng ưa thích bởi chúng quá lớn để có thể buôn lậu chót lọt. Khách hàng của những mặt hàng cỡ lớn và xa xỉ này thường nhận thức được những lệnh cấm trên phạm vi toàn cầu. Có thể nhận thấy một số mặt hàng ở những tiệm đồ cổ này được làm gần đây dựa vào kiểu dáng, như những hình chạm trổ hình người trong khuôn quả trứng (giá khoảng 700 USD/ quả).

Mặt hàng rẻ nhất ở TP HCM là lắc tay cho trẻ em với giá 13 USD và mặt hàng đắt nhất ở đây là một chiếc ngà voi cỡ lớn được chạm khắc và một chiếc bình lớn đều có giá là 20.000 USD. Cũng có một cặp ngà lớn được chạm trổ trên chân đế bằng gỗ được làm từ 25 – 30 năm về trước tại Việt Nam có giá là 17.000 USD. Tất cả những mặt hàng trên đều được bày bán trong những tiệm đồ cổ. Ở TP HCM, không có những mặt hàng hay tác phẩm mới chế tác từ ngà voi mang tính nổi bật như trên, hầu hết tất cả chỉ là nữ trang.

Người bán và người mua

Người bán các mặt hàng từ ngà voi bao gồm cả nam và nữ, nhưng nhìn chung người trực tiếp bán hàng thường là những phụ nữ trẻ với ít kiến thức và kinh nghiệm. Ở Việt Nam, những người này thường kiếm được khoảng 200 tới 300 USD một tháng nếu họ nói được tiếng Anh. Mức thu nhập này tương đương với số tiền thợ chạm khắc ngà voi nhận được vì nhân lực quá nhiều và hầu như kỹ năng không cao.

Hầu hết những người bán chấp nhận và cư xử mềm mỏng với sự hiện diện của chúng tôi khi ở lâu trong cửa hàng của họ. Nhưng khi chúng tôi không mua nữ trang bán lẻ giá rẻ, họ tỏ ra khó chịu và thắc mắc lý do khiến cho chúng tôi chú ý nhiều đến mặt hàng ngà voi và giá cả mà lại không mua gì. Để bán được hàng, những người này đôi khi khuyến khích chúng tôi chụp ảnh, ân cần lấy những sản phẩm bằng ngà voi ra khỏi tủ kính và bày lên trên tủ để tránh kính phản xạ ánh sáng khi chụp ảnh. Nhưng nhìn chung, đa số người bán hàng trở nên bất lịch khi hàng bị chụp ảnh và chúng tôi phải cố gắng hết sức sao cho các lần chụp cách nhau nhất có thể để họ không tức giận. Chỉ có một số ít trường hợp họ trở nên vô cùng hân hoan và đuổi chúng tôi ra khỏi cửa hàng. Những người bán hàng không hề tỏ ra quan tâm tới luật lệ và quy định pháp luật mà chỉ mong bán được hàng bằng mọi giá, một cách dễ dàng nhất có thể. Không có

một dấu hiệu nào về việc những mặt hàng từ ngà voi có thể bị đưa ra khỏi Việt Nam.

Các sản phẩm nữ trang bằng ngà, bằng xương và bằng nhựa thường được bày bán gần nhau nên cả người bán và người mua cần phải có một số kiến thức để không nhầm lẫn chúng. Tuy nhiên, với chúng tôi, họ thường thành thật nói lên chất liệu của các sản phẩm mà chúng tôi kiểm tra.

Khách hàng của các cửa hàng bán lẻ các mặt hàng từ ngà voi hầu như là người Trung Quốc vì giá cả ở đây rẻ hơn so với ở Trung Quốc. Một số thương nhân từ Trung Quốc đến TP HCM mua trang sức bằng ngà voi để dễ dàng vận chuyển lậu về nước. Một số người Việt gốc Hoa thích mua các sản phẩm bằng ngà voi cho bạn bè và gia đình của họ. Họ có thể đã cưới người Việt Nam và gửi con vào những trường học nói tiếng Việt.

Vì nhiều cửa hàng bày bán hàng thật và hàng giả ngay cạnh nhau, nên nhiều khách hàng có nhu cầu mua sản phẩm bằng ngà voi chất lượng cao nhưng không biết nhiều về vật liệu này thích đi đến những cửa hàng đắt đỏ và danh tiếng. Ví dụ như một chuỗi vòng tay bằng ngà thật có giá 700 USD trong khi chuỗi vòng tương tự bằng nhựa có giá 30 USD nhưng người bán hàng trẻ tuổi và thiếu kinh nghiệm của cửa hàng này trót bày lẫn và không thể tách biệt được chúng với nhau.



Các loại tràng hạt kể cả loại được bán ở các tiệm đồ Phật giáo, làm bằng ngà voi có thể nhận biết được bằng những vân đan chéo (bức ảnh trên) hoặc làm bằng nhựa với những vân đường lượn sóng (bức ảnh dưới)



Khách hàng của mặt hàng từ ngà voi ở TP HCM hầu như là người Trung Quốc và Việt Nam

Những khách hàng sành sỏi sẽ cẩn thận kiểm tra chất liệu và chất lượng của các mặt hàng từ ngà bằng kính lúp hoặc đèn pin. Thông thường ở khu phố Tàu, các sản phẩm bằng ngà voi hay được trưng bày trong những hộp lót vải sa-tanh màu cam hay trên vật liệu màu đỏ bày trong kệ hoặc thậm chí trên giá xoay để thu hút khách hàng. Ngược lại, ở khu vực đông khách du lịch hơn, mặt hàng bằng ngà thường được đặt ở mặt sau của kệ bày hay ở tầng thấp nhất của tủ trưng bày phía sau cửa hàng. Một số cửa hàng đặc biệt là ở những khu du lịch, tỏ ra lo lắng vì sự xuất hiện của chúng tôi, rõ ràng họ đã gặp phải rắc rối trong quá khứ.

Không chỉ người Việt giàu có mới mua các sản phẩm từ ngà voi. Chúng tôi bắt gặp một người phụ nữ phụ bán dưa, nước giải khát và thẻ nạp điện thoại ở vỉa hè, tay đeo một chiếc vòng tay mảnh bằng ngà voi và một chiếc vòng bằng lông voi được làm gần đây. Người này đã mua chúng trong lúc đi du lịch ở Thái Lan ba năm về trước và nghĩ rằng chúng rẻ và tốt hơn so với việc mua ở Việt Nam (cô đã phải trả 350 USD cho chiếc vòng ngà và 600 USD cho chiếc vòng lông voi). Cô đeo vòng và bay về nước mà không gặp chút rắc rối nào, nghe nói mọi chuyện đều ổn thỏa với một vài đồ đặc cá nhân bằng ngà. Cô nói lý do mua chúng là để làm kỷ niệm cho chuyến đi chơi ở Thái Lan.

Hàng thủ công mỹ nghệ của Việt Nam được bán cho rất nhiều du khách nước ngoài ở TP HCM. Trong những

khu mua sắm chính cho khách du lịch, giá thuê gian hàng rất đắt đỏ, khoảng 2.000 USD/ tháng cho một quầy bán trang sức ở khu mua sắm trang sức hoặc 10.000 USD/tháng cho 1 tầng trệt nhỏ hẹp. Giá thường chỉ giảm 10% ở những quầy hàng này (thường là sau khi thương lượng), còn ở chợ, nơi mà giá thuê quầy thấp hơn, giá có thể giảm được 20%.

Đa số các mặt hàng từ ngà voi không được để giá. Người bán phải nhớ giá hoặc hỏi, gọi điện thoại cho ai đó để biết giá của chúng. Người bán hàng lớn tuổi thường là chủ cửa hàng và có tầm hiểu biết, đặc biệt là những tiệm đồ cổ thường có tính gia truyền. Một số người bán hàng nhận định rằng công việc kinh doanh bị chậm lại vào năm 2015, khi mà nền kinh tế Trung Quốc giảm sút khiến khách mua hàng ít đi. Đồ cổ được khách Trung Quốc mua nhiều hơn vì họ thích đồ cổ chạm khắc từ Trung Quốc vì đó là di sản văn hóa của họ và hàng thật rất khó tìm và đắt đỏ hơn ở Trung Quốc. Họ cũng thích đồ gốm, đồ nội thất và ngọc cổ. Khi thấy chúng tôi hỏi về giá của một chiếc ngà được chạm trổ, một người khách Trung Quốc đến từ Mỹ cảnh báo chúng tôi rằng không thể xuất mặt hàng này ra nước ngoài. Người bán hàng cũng đồng ý với điều này. Nhưng nhìn chung thì người bán không hề nói hay hỏi chúng tôi định làm gì với đồ bằng ngà voi nếu chúng tôi mua gì đó, hay họ cũng không cảnh báo hoặc tư vấn gì về việc mang đồ bằng ngà voi ra nước ngoài.

Buôn Ma Thuột

Bối cảnh

Buôn Ma Thuột là khu vực rộng lớn nhất tại Tây Nguyên xanh tươi, và là thủ đô của tỉnh Đak Lak. Năm 1904, người Pháp đã xây dựng thành phố để phát triển ngành chăn nuôi tại khu vực. Những năm 1920, nơi đây nổi tiếng với các sản phẩm cà phê, cao su và tiêu. Người Pháp thuê các nhóm người dân tộc thiểu số tại khu vực làm nhân công. Những năm 1930, nhiều người Pháp đã trở nên giàu có từ mảnh đất này đặc biệt nhờ sản xuất ra nhiều loại cà phê có chất lượng tốt nhất cả nước. Khu vực rừng này nổi tiếng dành cho môn thể thao săn bắn đối với người Pháp cho tới những năm

1960 hoặc lâu hơn (Kane 1963). Sau đó, nền kinh tế đã giảm sút trong những năm cuối thế kỷ thứ 20 và trở dậy nhờ sự phát triển du lịch trong thập kỷ qua, đặc biệt khi người dân Việt Nam và Trung Quốc đã trở nên giàu hơn và có tiền đi du lịch, bởi đây là một khu vực hấp dẫn mà nhiều người muốn tới tham quan. Dân số tại khu vực hiện cũng đã tăng từ 65.000 (năm 1971) lên 350.000 người, nhiều người đến với Buôn Ma Thuột để thăm các thác nước các kỳ quan tự nhiên khác của Vườn quốc gia Yok-Đôn, vườn quốc gia rộng nhất trong cả nước và để trải nghiệm cưới voi.

Truyền thống gắn liền với loài voi

Voi là một phần quan trọng trong văn hoá của người dân tộc thiểu số M'ngong và Ê-đê sinh sống quanh Buôn Ma Thuột. Qua rất nhiều năm, săn bắt voi từ rừng để thuần hoá đã là một trong những hoạt động chính của họ để định hình mục đích cũng như danh phận. Trước đây, voi hoang dã sẽ bị lừa vào một hố bẫy và bị bắt tại đây. Tuy nhiên, năm 1922, một thợ săn có kinh nghiệm, người này đã từng bắt được 482 con voi, đã phát triển một kỹ thuật mới. Kỹ thuật này rất phổ biến cho tới năm 1990, khi hoạt động thuần hoá voi bị cấm. Năm hoặc sáu người đàn ông sẽ đi thám thính voi trong khu rừng và tập hợp thành một nhóm 20 người đàn ông khoẻ mạnh cộng thêm những cậu bé khoảng 10 đến 15 tuổi mới học nghề. Họ dành 15 ngày mỗi tháng để bắt voi trong rừng. Họ cầu khẩn thần linh cho phép họ săn bắt và chờ đợi dấu hiệu – một con gà trống choai được lựa chọn làm đồ cúng tiến cho thần linh. Nếu sau 3 ngày con gà vẫn còn sống, dấu hiệu này cho thấy thần linh đã đồng ý. Đoàn người sẽ dụ voi hoang dã bằng một con voi bị bắt từ lần trước, thường từ 10–15 tuổi. Nó sẽ bị buộc vào một cái cây để thu hút các bầy hoang dã đến đó. Những người thợ săn sẽ cưới voi để chia tách con non ra khỏi đàn voi hoang dã và đờn nó tới nơi thợ săn chính, người này sẽ siết sợi chấu (được làm bằng da của trâu đực) như một chiếc vòng vào chân sau bên phải của voi. Nhóm có thể bắt được từ ba đến chính con voi. Nếu con voi cuối cùng bị bắt là số chẵn thì nó sẽ được thả lại. Tín ngưỡng điều khiển nhiều cuộc sống của người dân tộc và người Việt Nam nói chung, và các hoạt động cụ thể như hoạt động này nói riêng. Một nhóm đàn ông khác của làng sau đó sẽ thực hiện huấn luyện. Nhiều người của bộ tộc vẫn sở hữu voi sau những năm 1990. Chúng được coi như một thành viên trong gia

đình, và là tinh thần của làng. Các gia đình sử dụng voi để vận chuyển, và là vật nuôi đáng tin cậy và an toàn, kể cả việc đưa trẻ em trong làng vượt sông trong mùa lũ để đến trường. Một người phụ nữ trẻ dân tộc Ê-đê đã giải thích với chúng tôi rằng 'Chúng cảm nhận được cảm giác của chúng tôi'. Cô ấy nhớ khi còn trẻ, vào một buổi sáng cô ấy đã thắc mắc tại sao một con voi trong làng không đứng dậy. Sau đó, cô ấy đã biết rằng con voi đã bảo vệ chủ nhân đang say rượu của mình bằng cách dùng cơ thể giữ ấm cho ông ta suốt đêm. Khi người đàn ông tỉnh dậy, ông ta đã nói 'Tôi rất xin lỗi vì đã quá say' và cả người và voi đã đi tắm cùng nhau. Những con voi của làng luôn được yêu thương và chăm sóc. Chúng được đặt những cái tên đặc biệt và đối xử rất tình cảm. Khi chúng chết, gia đình rất đau buồn, đặc biệt là người huấn luyện. Xác của chúng được chôn cất và ngà được gia đình cất giữ, không dùng để trang trí hoặc bán. Ngày nay, các thương nhân lại đề nghị mua xác của voi. Chúng tôi đã đến một ngôi làng Ê-đê có 300 người sinh sống, nơi đây đã từng có trên 100 con voi 20 năm tuổi, nhưng bây giờ chỉ còn lại 7 con.

Ngày nay, với việc cấm bắt và thuần hoá voi, người Việt Nam sử dụng những con voi còn sống để phục vụ du lịch cưới voi và chúng trông rất buồn, một người bạn Ê-đê của chúng tôi tỏ ra thương xót. 'Những thương nhân Việt Nam nghĩ rằng những con voi chỉ để phục vụ con người, làm việc cho con người và họ muốn quà lưu niệm bằng những vật phẩm từ voi hoang dã, nhưng tôi nói, nếu ông mua những sản phẩm đó, ông đang giết chết chúng. Có một vấn đề về giáo dục ở đây. Cả người giàu và người nghèo của Việt Nam đều coi ngà voi là thứ đồ trang sức xa xỉ.

Nguồn: phỏng vấn phụ nữ Ê-đê, 27 tuổi

Lễ hội đua voi

Một trong các hoạt động thu hút khách du lịch đến Buôn Ma Thuột là hội đua voi truyền thống, được tổ chức vào tháng thứ 3 âm lịch với mục đích cầu mưa cho mùa màng. Một vài tháng trước cuộc đua, voi được cho ăn nhiều và chải chuốt có nhiều năng lượng cho cuộc đua. Ngày 11 tháng 3 năm 2015, một cuộc đua có sự tham gia của 16 con voi đã được tổ chức để ghi dấu Lễ hội Cà phê Buôn Ma Thuột lần thứ 5. Tại ngôi làng du lịch gần đó, 10 con voi đua trên một trường đua dài nhiều dặm. Đây là một trong những lễ kỷ niệm lớn nhất tại Tây Nguyên, bao gồm các màn biểu diễn công chiêng, là một phần trong văn hoá phi vật thể của nhân loại được UNESCO công nhận. Hội đua voi phản ánh tinh thần anh dũng của người M'Nong, là những người nổi tiếng trong khu vực về sự gan dạ trong việc săn bắt và huấn luyện voi hoang dã. Những con voi đến từ các làng khác nhau, và người trong làng cổ vũ cho đàn voi làng mình và đàn voi được khoác nhiều trang phục sắc sỡ. Hai người cưỡi trên một con voi, một người lái và

người còn lại điều khiển tốc độ của voi. Chúng có thể chạy tới 40 km một giờ khi được đám đông cổ vũ và được khuấy động bằng tiếng Cồng. Con voi chiến thắng sẽ nhận được một vòng hoa, mía và chuối. Khách du lịch thích thú và ngạc nhiên với những con voi.

Các cuộc đua thu hút hàng nghìn du khách trong và ngoài tỉnh. Sự kiện này cũng khiến những khách du lịch muốn mua các đồ lưu niệm từ ngà voi để ghi nhớ chuyến thăm quan của mình. Tỉnh Đak Lak đã được mệnh danh như là nhà của những con voi bị thuần hoá, mặc dù quần thể của chúng đã sụt giảm nhanh từ 502 cá thể năm 1985 xuống 84 cá thể năm 2000, và đến năm 2010 số lượng chỉ còn ít hơn 60 cá thể. Tỉnh đã thiết lập một trung tâm chăm sóc và nghiên cứu sinh sản, bảo tồn voi để không làm sụt giảm quần thể voi của họ. Năm 1998, tất cả cá thể voi tại buôn làng bắt đầu phục vụ khách du lịch tại làng du lịch.

Nguồn: Tổng cục du lịch Việt Nam



Cũng như trong các lễ hội đua voi, voi được chủ yếu sử dụng trong dịch vụ cưỡi voi dành cho du khách.



Một thợ thủ công đang dùng giấy ráp để mài nhẵn một chiếc nhẫn làm từ ngà voi trên một máy qu

Phân xưởng và thợ chế tác ngà voi

Tại Buôn Ma Thuật, những người bán cho chúng tôi biết rằng hầu hết trang sức làm từ ngà voi được chuyển đến từ Hà Nội và TP HCM. Tuy nhiên, theo chúng tôi được biết, trong thị trấn này có một vài thợ chế tác ngà voi để bán. Chúng tôi đã tìm gặp một thợ điêu khắc/ buôn bán ngà voi tại cửa hàng bán lẻ, và ông ta đồng ý dẫn chúng tôi đến xem khu chế tác tại vùng ngoại ô. Tại đây, ông thuê ba thanh niên trẻ tuổi để chạm khắc ngà voi và gỗ.

Các thợ chạm này cùng với gia đình trẻ của mình sống trong một nhà kho lớn có các song cửa sắt đặt giữa những cây ổi và các cây ăn quả khác trên khu đất của xưởng chế tác ngà voi. Các thợ thủ công được chủ phân xưởng trả một tháng khoảng 222 đến 311 USD. Có các dấu vết của sừng và đầu bò ở các giai đoạn sản xuất khác nhau, chúng được chế tác để bán làm vật mỹ nghệ treo tường.

Chủ phân xưởng chế tác ngà voi này là một thanh niên trẻ người Việt Nam. Anh ta cho chúng tôi biết rằng bản thân học chạm khắc từ cha là một người thợ mộc, và hầu hết những người thợ này không đi học chạm khắc tại trường mà học nghề tại đây. Anh ta không mua ngà voi châu Phi mà chỉ dùng ngà voi châu Á. Để mua một xác voi từ Lào, anh ta phải có một giấy phép nhập khẩu,

và cũng cần một giấy phép chỉ rõ rằng con vật là voi thuần hoá và chết tự nhiên. Người chủ xưởng chế tác cũng cho biết rằng không có đủ xác voi tại Việt Nam mặc dù chúng rẻ hơn so với mua tại Lào (Bảng 4). Anh ta cho chúng tôi xem một xương chân của voi sẽ được dùng để làm một tác phẩm chạm khắc lớn, và cho biết rằng tất cả xương ở xác voi đều được sử dụng làm đồ chạm khắc, tuy nhiên chúng không được thực hiện tại xưởng ở đây mà ở một xưởng khác trong phía Nam. Tất cả các bộ phận của voi đều được anh ta sử dụng hoặc bán, không có phần nào bị bỏ đi. Thịt voi được anh ta bán cho những người tò mò, tuy nhiên loại thịt này thường dai. Vào thời điểm chúng tôi tới, người này đang sử dụng chân của một con voi mới mua về để chặn báo.

Người thợ chạm ngà voi này chưa bao giờ dẫn người nước ngoài đến thăm phân xưởng trước đây, tuy nhiên anh đưa chúng tôi đi thăm quan có vẻ với hy vọng chúng tôi sẽ đầu tư vào đây. Anh ta đồng ý biểu diễn cách làm một chiếc nhẫn cho chúng tôi xem. Chúng tôi đã xem, chụp ảnh và quay phim công đoạn sản xuất này. Thường phần dưới của ngà sẽ được dùng để làm nhẫn. Những mảnh nhỏ của miếng ngà đã qua sử dụng rơi đầy trên sàn cùng với những miếng hình tròn của nhẫn. Thông thường, một lô được sản xuất cùng lúc.



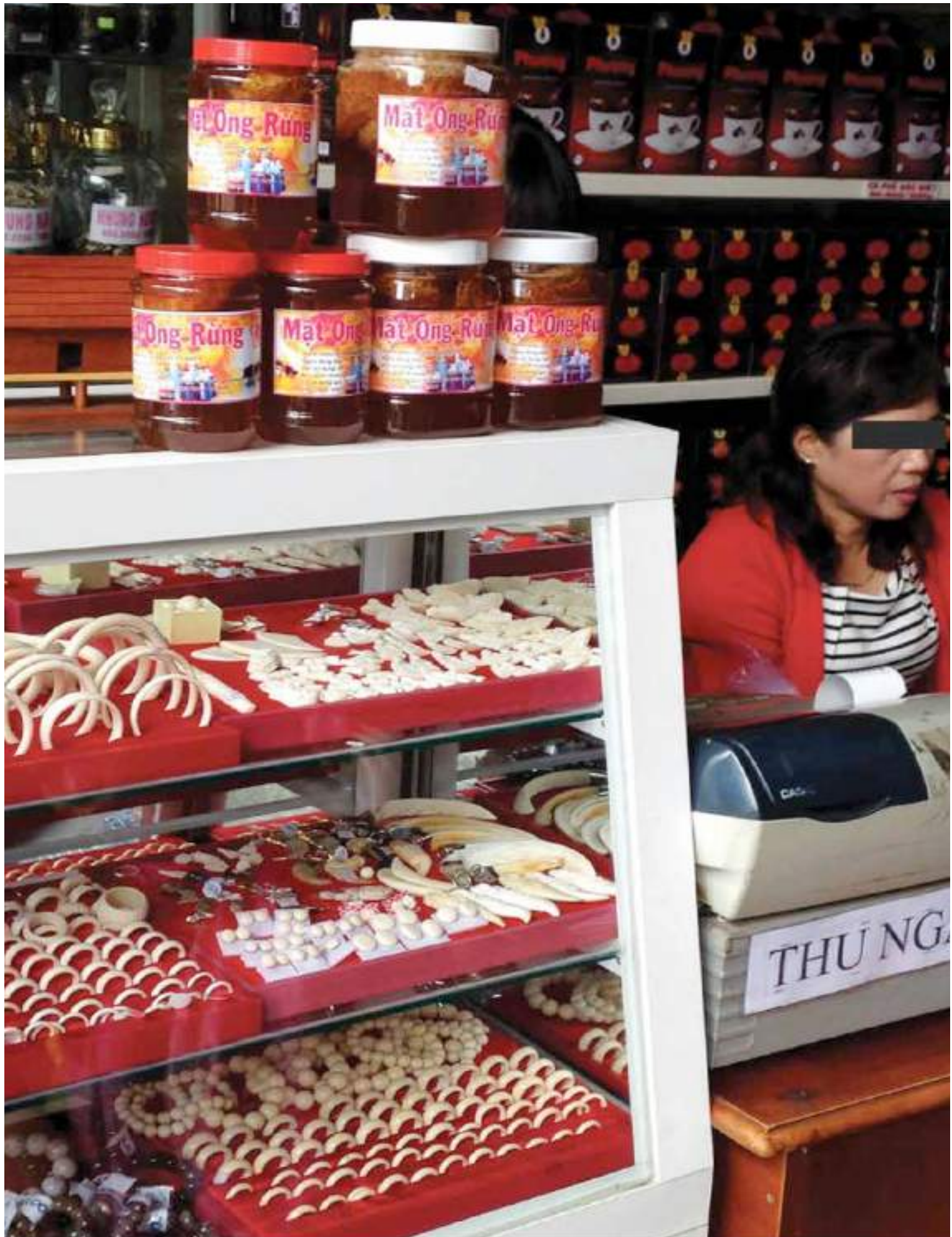
Thợ chạm khắc ở Buôn Ma Thuột thu thập mảnh ngà voi và bộ ngà để bán làm thuốc. Số ngà này là từ voi Châu Á, có thể nhận biết được qua mẫu vân trên than, so với ngà voi xa-van từ Châu Phi.

Phân xưởng này có bốn máy như vậy và mất bảy bước để chế tác một chiếc nhẫn, từ một mảnh cắt của miếng ngà hình đĩa. Anh không sử dụng bất kỳ dụng cụ nào để đo nhẫn, mà đánh giá phần lõi của ngà bằng mắt để xác định vị trí đặt máy cắt và loại bỏ phần giữa. Tiếp theo, anh ta giữ chiếc nhẫn thô cạnh máy mài để gọt giữa phần bên ngoài, sau đó đặt lên một trục quay bằng gỗ có kích thước bằng ngón tay, sử dụng giấy ráp đánh bóng các cạnh. Khi nhẫn đang quay, người này sử dụng một loại keo siêu dính để gia tăng độ mạnh. Sau đó đặt nhẫn lên một que hình trụ bằng kim loại của một cái máy khác để làm nhẵn mặt trong của chiếc nhẫn. Cuối cùng để hoàn thiện chiếc nhẫn, anh ta sử dụng một dụng dịch đệm để đánh bóng mặt trong của nhẫn ở một đầu của máy, và mặt ngoài ở đầu kia. Anh và các thợ thủ công mất 10 phút để sản xuất một chiếc nhẫn, một ngày có thể sản xuất 100 chiếc nhẫn, hoặc 1.000 cái trong một tháng. Để sản xuất một chiếc vòng thì mất 20 phút. Bột trắng phủ khắp nơi. Anh thu những mẫu ngà voi đẹp còn lại để bán hoặc nghiền chúng thành bột rồi bán để làm thuốc. Người Ê-đê sử dụng bột ngà voi khi có vấn đề về mắt, hoặc có thể nhét bột đã đốt trong một giờ vào tai để cải thiện khả năng nghe. Anh cũng cho chúng tôi xem cái sàng và một túi chứa đầy bột sạch đang được bảo quản.

Sau đó, anh giới thiệu một mảnh ngà voi Lào, mà có thể thấy rõ các đường cắt chéo gần nhau của ngà voi rừng, tương tự như ngà voi ma-mút. Anh không bao giờ sử dụng ngà voi ma-mút nên không biết.

Anh biết, mặc dù các thợ chế tác thường sản xuất vòng và nhẫn, nhưng cửa hàng bán lẻ của anh ta còn bán các sản phẩm mà các cửa hàng không có, ví dụ như mặt dây chuyền hoa, bộ trà bé đơn giản với sáu chén nhỏ dung tích 80 ml, tẩu lọc thuốc lá và thánh giá. Người này cho chúng tôi xem ảnh của các sản phẩm này trên điện thoại của mình.

Anh nhấn mạnh rằng, không có các thợ chạm ngà voi nào khác ở khu vực này; và anh chỉ sử dụng ngà và sản phẩm của voi Lào được buôn bán hợp pháp từ các cá thể voi đã thuần hoá và bị chết vì nguyên nhân tự nhiên. Các sản phẩm chạm khắc phức tạp, ví dụ như mặt dây chuyền Phật hình chữ nhật và hình tròn với các thiết kế phức tạp của Trung Quốc sẽ được thực hiện ở nơi khác tại Việt Nam, chủ yếu cho thị trường Trung Quốc và ngày nay chủ yếu là từ ngà voi châu Phi. Người này cho hay, thời gian gần đây ngà voi châu Phi có sẵn. Cũng giống những người buôn bán khác, anh chia sẻ, những người chạm khắc ngà voi thường ở Hà Nội và Hồ Chí Minh.



Chủ tiệm thân thiện trưng bày các sản phẩm ngà voi ở phía trước cửa hàng tại Buôn Ma Thu

Cửa hàng bán lẻ, mặt hàng và giá ngà voi

Chúng tôi đã khảo sát 49 cửa hàng có khả năng bán ngà voi thì phát hiện 24 cửa hàng với 1,965 sản phẩm từ ngà voi được bày bán, bao gồm 13 cửa hàng trang sức, 7 cửa hàng quà lưu niệm và 4 cửa hiệu của khách sạn. Như vậy, trung bình mỗi cửa hàng bán 82 sản phẩm, 54% cửa hàng bán ngà voi là cửa hàng trang sức, 29% là cửa hàng quà lưu niệm, và 17% là cửa hàng của khách sạn (Bảng 5). Số lượng mặt hàng ngà voi tại mỗi cửa hàng là từ 2 đến 412 sản phẩm, hầu hết chúng là mặt hàng bé, mới được chạm khắc, và chưa từng qua sử dụng.

13 trong số 33 cửa hàng trang sức được khảo sát có bán ngà voi. Hầu hết tập trung tại một khu vực của thành phố và bán các trang sức bằng vàng, bạc mới cùng đá quý và đá bán quý. Một ngăn nhỏ trong tủ trưng bày chứa chủ yếu các sản phẩm từ ngà voi như vòng tay, lắc tay, hoa tai, mặt dây chuyền và nhẫn, với số lượng và chủng loại khác nhau.

Đọc theo ba tuyến phố chính của thành phố, chúng tôi thăm quan 9 cửa hàng bán đồ lưu niệm, 8 trong số đó bán sản phẩm ngà voi trưng bày trong tủ kính, thường là ngay tại quầy trước lối vào để khách du lịch dễ thấy.

Bốn trong năm khách sạn hạng sang tại thành phố có cửa hàng lưu niệm, tại đây có bán trang sức và các mặt hàng khác từ ngà voi, cũng như các mặt hàng từ da, đuôi, lông và xương của voi và các sản phẩm động vật khác. Khu vực này nổi tiếng về các loài động vật hoang dã vì vậy khách du lịch thích mua các mặt hàng được cho là đặc trưng của vùng. Các nhãn sản phẩm được viết rõ ràng bằng tiếng Việt bao gồm cả chất liệu và giá của sản phẩm. Điều này thường không hay gặp vì người bán thường cung cấp cho khách hàng chất liệu của sản phẩm thay vì đưa ra giá bán của chúng.

Hầu hết các sản phẩm ngà voi để bán thường có kích

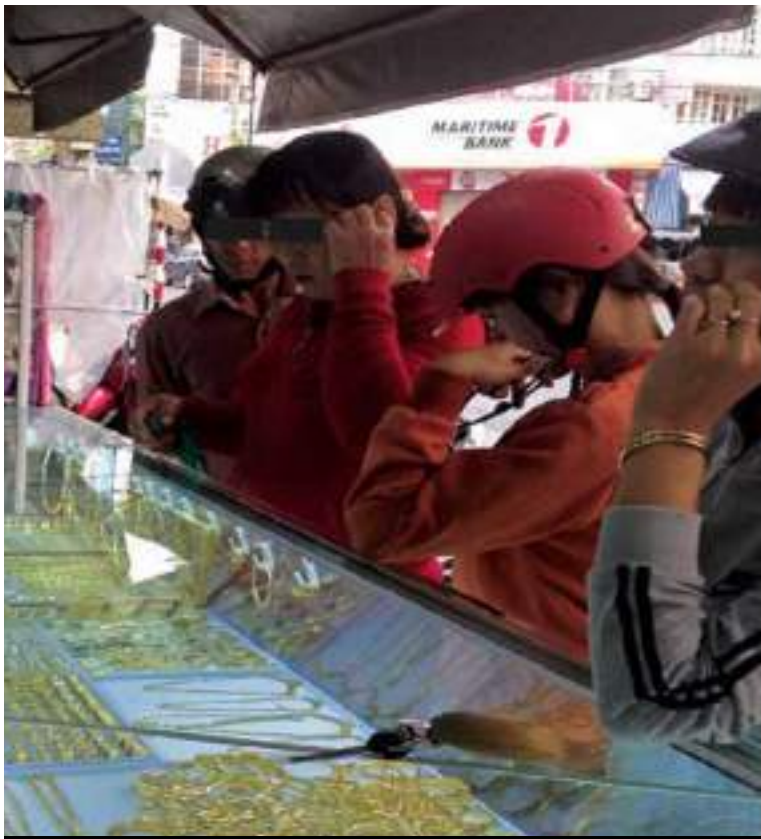
thước nhỏ để du khách và khách thăm quan dễ mang, cụ thể 39% sản phẩm là nhẫn, 32% là mặt dây chuyền và 14% là vòng tay (Bảng 6). Với các cửa hàng bán đồ trang sức có nhiều mặt hàng tương tự nhau, phổ biến nhất là vòng tay, nhẫn, và vòng cổ bằng lông đuôi voi bọc bạc, đây là một thành phố nổi tiếng nhờ loài voi.

Các loại mặt hàng thường hạn chế, như vòng tay cỡ trung bình hoặc cỡ cho trẻ em (thường khác nhau về chiều rộng); lắc tay cỡ hạt lớn (thường đánh số 11-12, được đàn ông Trung Quốc đặc biệt thích); vòng đeo cổ; tấu lọc thuốc lá; thánh giá; hoa tai nhỏ; tượng nhỏ (thường là động vật); chuỗi tràng hạt (có chức năng giống vòng tay với 108 hạt cỡ vừa có thể đeo được trên cổ hoặc quấn quanh cổ tay); mặt dây chuyền (kích cỡ khác nhau); thẻ bài; và nhẫn (thường là nhẫn trơn và mỏng). Nhẫn là mặt hàng rẻ nhất có giá 9 USD một chiếc và hàng đắt nhất là vòng tay với bề rộng 3cm có giá 933 USD (bảng 7). Không có sản phẩm mỹ nghệ có giá trị lớn nào, chỉ có các loại trang sức giá rẻ.

Ngày khởi hành tại sân bay, chúng tôi nhìn thấy bốn cửa hàng trang sức có bán sản phẩm từ ngà voi và có đề giá rất rõ ràng bằng tiền Đồng. Một quầy được đặt lối đi chính và một cái khác được đặt gần phòng đợi hạng thương gia, 2 cái khác được phòng chờ lên máy bay, các mặt hàng được đặt gọn gàng ngay bên dưới quầy kính như thường lệ. Tất cả chúng đều thuộc về một công ty và đang bán các sản phẩm trang sức bằng ngà voi thật, và đúng giá. Ngoài ra, 2 quầy hàng lưu niệm lớn tại phòng chờ lên máy bay đang bán các đồ trang trí thông thường như túi thêu, khăn choàng, mặt hàng làm từ xương và sừng bò, tuy nhiên cũng giống các cửa hàng lưu niệm giá rẻ tại thị trấn và thành phố, không thấy có ngà voi ở đây.



Buon Ma Thuot chỉ mới bắt đầu phát triển với nhiều tòa nhà mới



Người Việt ở Buôn Ma Thuật thích mua vàng, trong khi du khách lại thường chọn ngà được bày bán tại các đại lý nữ trang trong s
bay của thành p

Người bán và người mua

Người bán hàng là người Việt tại địa phương, họ được các thương nhân ở Hà Nội và Hồ Chí Minh thuê để trông coi việc kinh doanh tại thị trấn, tuy nhiên họ có rất ít hiểu biết về ngà voi. Chúng tôi được kể rằng, các mặt hàng ngà voi bắt đầu được buôn bán tại đây từ khoảng năm 2008 hoặc 2009. Những khách hàng mua các mặt hàng ngà voi này thường là người Đông Á, đặc biệt là khách Trung Quốc và Việt Nam. Khách du lịch đến Buôn Ma Thuật thích mua ngà voi ở đây để làm kỷ niệm về những con voi họ thấy trong chuyến thăm quan. Họ không được biết và không quan tâm rằng hầu hết ngà voi có nguồn gốc từ châu Phi và thậm chí còn không được chạm khắc ở đây.

Một lượng lớn người dân địa phương tại khu vực này đeo nhiều vòng hay nhẫn trông giống với được làm từ ngà voi hơn bình thường, tuy nhiên một kiểm tra gần đây đã phát hiện ra rằng hầu hết đều là nhựa. Một chiếc nhẫn nhựa chỉ có giá bán 2 USD; một chiếc vòng trẻ em có giá khoảng 4 USD và cho thanh niên có giá khoảng 7 USD, chúng là các vật khá thông dụng với người Việt Nam, tuy nhiên nếu nó được cho là làm từ ngà voi thì giá của nó tăng ít nhất 10 lần tại các cửa hàng không quá đắt tiền. Các đồ vật này đã được trẻ em và người lớn ở mọi lứa tuổi trong và quanh thị trấn đeo một cách phổ biến để thay cho các trang sức bằng nhựa

màu. Họ cho rằng việc sử dụng chúng sẽ khiến họ trông sang trọng và có vị thế cao hơn. Những chiếc vòng bằng nhựa này thường có kích thước nhỏ do người Việt Nam có cổ tay nhỏ.

Người Việt Nam không mua ngà nhiều như mua vàng. Một số tiệm vàng bán nữ trang luôn chật cứng người tới mua hàng. Một số khách chỉ đỗ xe ngay phía ngoài và hướng người về phía quầy bán hàng, vẫn đội mũ bảo hiểm, lựa chọn sản phẩm, thích mua vàng hơn mua bạc để cất trữ tài sản cho mục đích đầu tư và bán lại khi giá lên cao. Nhiều người trong số này rất thận trọng trước việc mua hay bán ngà voi để kiếm lời vì hoạt động này không phổ biến và lo rằng sau này sẽ khó bán vì dễ bị nghi là hàng giả. Vàng là mặt hàng phổ biến nhất đối với người mua tích trữ vì khách hàng tin họ có thể bán với giá cao hơn sau một đến hai năm.

Mặc dù trước đây, một số bộ lạc thiểu số thường đeo hoa tai ngà voi, ngày nay, họ không còn có thói quen này nữa. Họ không có nhu cầu đeo trang sức để thể hiện địa vị như người thành thị. Những cộng đồng thiểu số làm việc đồng áng và không phải là chủ buôn ngay doanh nhana, vì thế, họ không theo chủ nghĩa vật chất. Họ không có hứng thú với quyền lực, danh thế và tiền bạc như người Việt hay người Hoa và chưa bao giờ có hứng thú với kinh doanh ngà voi.



Voi tại khách làng du lịch vài năm lại bị cắt ngà một lần để đảm bảo an toàn và để chủ voi bán kiếm

Làng du lịch tại Tây Nguyên

Bối cảnh

Nằm cách thành phố Buôn Ma Thuột 45 km về phía tây, ở ngay bên kia lối vào Vườn Quốc gia Yok Đôn, là ngôi làng du lịch nổi tiếng với dịch vụ cưỡi voi. Ban đầu chỉ có người Lào và M'Nong sinh sống tại ngôi làng nhỏ này. Tới năm 2000, ngôi làng có một cửa hàng duy nhất (do người Việt làm chủ) chuyên bán các loại đồ uống có ga, mía và một số mặt hàng khác. Rồi người Việt Nam dần chuyển tới ngôi làng và phát triển kinh doanh du lịch dựa vào dịch vụ cưỡi voi và các cửa hàng lưu niệm. Ngôi làng này có khoảng 12 con voi dùng để phục vụ du khách. Các chủ sở hữu/huấn luyện viên người M'Nong và Ê-đê, giờ đây buộc phải sử dụng voi của mình phục vụ du lịch. Họ làm việc cho các chủ kinh doanh sở hữu và quản lý các hoạt động du lịch. Phần lớn lợi nhuận thu được thuộc về các chủ kinh doanh này. Xa hơn một chút về phía tây là đất nước Campuchia còn phía tây bắc là nước Lào với những khu rừng rộng lớn - nơi lữ voi từng sinh sống - nhưng số lượng của chúng đang suy giảm nghiêm trọng do những kẻ buôn bán ngà voi.

Phân xưởng chế tác ngà voi và thợ thủ công

Tuy dân tộc M'Nong từng dùng ngà voi để làm trang sức đeo tai, song, họ không hề chạm khắc ngà voi để bán. Ngôi làng này không hề có lịch sử chạm khắc ngà voi. Các sản phẩm chế tác từ ngà voi được bày bán tại đây chủ yếu do thợ chạm khắc từ Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh sản xuất. Dĩ nhiên, vẫn có một lượng

Đến năm 2005, ngôi làng du lịch này đã trở thành một điểm du lịch phát triển trong vùng, đặc biệt là đối với các du khách từ vùng Đông Á. Vào năm 2008, con đường đất lầy lội khi mùa mưa tới nơi đây đã được rải nhựa, cho phép khách du lịch dù đến vào mùa mưa vẫn có thể lái xe tới ngôi làng nhỏ vẫn giữ được nét mộc mạc và yên bình này. Quanh thời điểm này, khi du lịch phát triển, ngà voi được bày bán trong các cửa hàng. Lễ hội đua voi tổ chức thường niên vào mùa xuân ở đây thu hút khách du lịch - những người muốn mua các sản phẩm chế tác từ ngà voi để làm kỉ niệm về chuyến đi của họ tới đây. Chúng tôi tới thăm một ngôi làng khác - nơi cung cấp dịch vụ cưỡi voi cho khách du lịch. Tại đây, chúng tôi không thấy xuất hiện bất kỳ mặt hàng ngà voi nào. Ngôi làng này chỉ có một khách sạn nhỏ được nhiều khách du lịch Tây ba-lô biết đến. Khác với các du khách đến thăm ngôi làng nổi tiếng hơn kể trên, khách Tây ba-lô tới đây không phải để mua đồ lưu niệm, càng không phải mua các sản phẩm từ ngà voi.

ngà thô lấy từ voi đã được thuần hóa khi chúng chết hoặc từ việc cưa bớt ngà của voi để đảm bảo an toàn. Lượng ngà này được bán cho thương lái hoặc thợ chạm khắc. Tuy nhiên, chúng tôi không thấy hoạt động chạm khắc diễn ra tại đây.



Khách du lịch Việt Nam thích mua các sản phẩm mang tính tôn giáo có kích thước nhỏ để làm kỷ niệm cho chuyến đi của họ tới ở

Các cửa hàng bán lẻ, mặt hàng và giá ngà voi

Chúng tôi đã tiến hành khảo sát 16 trong số 23 cửa hàng đồ gỗ truyền thống bày bán các món đồ lưu niệm trên bàn. Chúng tôi đếm được 703 sản phẩm từ ngà voi, hầu hết là đồ trang sức, với số lượng trung bình là 44 sản phẩm trên một cửa hàng. Mỗi cửa hàng bày bán từ 2 đến 412 sản phẩm làm từ ngà voi. Cũng có một số cửa hàng thực phẩm, quần áo và thuốc cổ truyền không bày bán bất cứ sản phẩm từ ngà voi nào. Chúng tôi cũng thấy các sản phẩm từ động vật hoang dã khác được bày bán, chủ yếu là lông đuôi voi, da voi khô; móng và răng của nhiều loài động vật cộng thêm vô số mặt hàng khác được bày bán trong các cửa hàng đồ cổ tại các thị trấn và thành phố. Những sản phẩm chế tác từ ngà voi chủ yếu là mặt dây chuyền (52%), nhẫn (18%) và khuyên tai (12%) (Bảng 8). Khác với

Người bán và người mua

Số lượng người Kinh chuyển tới vùng này trong những năm qua đang tăng lên, họ làm việc tại các cửa hàng nhỏ trong làng. Các cửa hàng này nằm trải dọc con đường dài cả cây số nơi các du khách cưới voi qua. Những người bán hàng không đủ khả năng mua các sản phẩm từ ngà voi thật, nhưng đôi lúc, trong một ngôi nhà đằng sau các cửa hàng chúng tôi thấy những chiếc ngà voi nhựa treo cạnh một chứng chỉ hay bức ảnh một người cha hoặc người ông đã được đóng khung. Những chiếc ngà giả này thường để trơn hoặc được chạm trổ với chiều dài thường từ 30 đến 60 cm,

những nơi còn lại, tại ngôi làng này, vòng tay trẻ em được bán nhiều hơn loại cho người lớn. Mặt hàng rẻ nhất là một đôi khuyên tai giá 11 USD và sản phẩm đắt nhất là một mặt dây chuyền có giá 356 USD (Bảng 9).

Cũng như ở các nơi còn lại, du khách người Kinh thường mua các mặt dây chuyền khắc hình Phật (đôi khi là hình thánh giá) có kích thước 2.5 x 1 cm. Những mặt dây chuyền này nếu không có bạc được bán với giá 1.5 triệu đồng (tương đương 67 USD Mỹ). Mặt dây chuyền to hơn (kích thước: 5 x 4.5 cm) với những đường nét chạm khắc phức tạp có hình Phật hay Phật bà Quan Âm – thường được người Trung Quốc chọn mua – có giá từ 4 đến 8 triệu đồng (178-356 USD) – tùy thuộc vào độ phức tạp của hình khắc.

một số được bán với giá khoảng từ 18 đến 31 USD một cặp.

Những chiếc xe khách lớn chở du khách từ các thành phố lớn tới đây. Sau hành trình cưới voi, họ có thể đi mua sắm hoặc đi bộ tới con sông gần đó với một cây cầu gỗ cũ kỹ - nơi cũng có những cửa hàng bán đồ lưu niệm bao gồm các mặt hàng nhỏ từ ngà voi và các sản phẩm từ động vật hoang dã khác. Trong ngày thực hiện khảo sát, chúng tôi không thấy khách phương Tây nào tới đây mà chỉ thấy các du khách Đông Á – những người có tiền để đi du lịch, hưởng thụ kì nghỉ và mua sắm – cưới voi lên xuống con đường này.

Hà Nội

Bối cảnh

Từ năm 1010 tới năm 1802, Hà Nội được chọn làm thủ đô của Việt Nam. Dưới thời Pháp thuộc vào năm 1902, Hà Nội là thủ đô của toàn bộ khu vực Đông Dương. Sau khi Pháp bại trận và Đảng Cộng sản miền Bắc Việt Nam được thành lập vào năm 1954, Hà Nội lại được chọn làm thủ đô. Vào thời điểm này, chính phủ điều phối hầu hết các công việc kinh doanh và tổng giam hàng ngàn người bị tình nghi là phản động đối với Nhà nước xã hội chủ nghĩa mới. Kết quả là, nền kinh tế của thành phố này gần như bị sụp đổ. Với những nỗ lực trong việc tái cơ cấu nền kinh tế Việt Nam bắt đầu từ giữa những năm 1980, cư dân Hà Nội mới từ từ trở nên khá giả hơn. Vào đầu những năm 1990, thành phố này vẫn còn khá lạc hậu với rất ít khách sạn có chất lượng và gần như không thấy bóng xe taxi. Thậm chí

Xưởng chế tác ngà voi và thợ thủ công

Trong vùng này, nghề thủ công rất được quý trọng và ủng hộ. Tuy nhiên, trong suốt chuyến thăm của chúng tôi tới một triển lãm về thợ thủ công và các sản phẩm mỹ nghệ được tổ chức tại khu Phố Cổ, ở ngay lối vào một ngôi đền, chúng tôi nhận thấy các tác phẩm chế tác từ ngà voi không xuất hiện ở đây. Hà Nội – thủ đô của Việt Nam, cũng là một điểm đến thu hút khách du lịch, ngày nay là trung tâm hội thảo và được khách

tới tận năm 2008, nơi đây vẫn còn có rất ít xe taxi và chỉ thấy vài chiếc xe hơi. Hầu hết cư dân tại Hà Nội chỉ có xe đạp hoặc xe máy. Tới năm 2015, thành phố này đã trở nên năng động hơn, với những con đường cao tốc mới tấp nập xe cộ và những cơ sở giáo dục, văn hóa và kinh tế phát triển mạnh. Dân số của Hà Nội là 7.6 triệu người. Do mãi tới gần đây người Việt Nam mới có đủ khả năng mua được ngà voi và họ cũng không có truyền thống chế tác ngà voi lâu đời như ở Trung Quốc nên những sản phẩm ngà voi được chạm khắc không phải nét văn hóa của người Việt. Chỉ có một số dân tộc có truyền thống sử dụng ngà voi chủ yếu làm khuyên tai. Do ảnh hưởng từ Trung Quốc, người Việt Nam mãi cho tới gần đây mới bắt đầu chế tác và có nhu cầu mua các sản phẩm chạm khắc phong cách Trung Hoa.

nước ngoài từ khắp nơi trên thế giới tới thăm – đã thực thi luật pháp hiệu quả hơn trong việc ngăn chặn các hoạt động phạm pháp công khai như mở các phân xưởng chế tác ngà voi. Tại Hà Nội, chi phí thuê xưởng rất đắt đỏ và đa số thợ thủ công làm nghề chạm khắc và các nghề thủ công khác làm việc tại các ngôi làng xung quanh.



Hà Nội có kiến trúc kết hợp giữa thời Pháp thuộc và hiện đại. Hầu hết người dân đi lại bằng xe đạp và xe máy nhưng số lượng người sở hữu những chiếc ô tô sang trọng đang tăng



Tại Hà Nội, tuy có nhiều các mặt hàng trang sức đá quý đủ sắc màu được bày bán, nhưng hiếm khi thấy người ta bày bán sản phẩm chế tác từ ngà

Cửa hàng bán lẻ, mặt hàng và giá ngà voi

Chúng tôi đếm được 29 cửa hàng bán 371 sản phẩm chế tác từ ngà voi trong các khu vực trung tâm Hà Nội. Những cửa hàng này gồm tiệm trang sức (18), tiệm đồ cổ (8), quầy quà tặng tại khách sạn và cửa hàng đồ gỗ (1). Trung bình, mỗi cửa hàng bày bán 13 sản phẩm từ ngà voi. Các sản phẩm từ ngà voi được bày bán tại các tiệm trang sức chiếm 62% trong tổng số các mặt hàng tại đây và chiếm 28% tại các tiệm đồ cổ chủ yếu nằm trong và xung quanh khu Phố Cổ (Bảng 10). Trong mỗi cửa hàng, có từ 1 tới 51 món đồ chế tác từ ngà voi. Chúng tôi đã khảo sát 158 cửa hàng trang sức đắt tiền hơn và phát hiện 18 trong số đó bày bán các sản phẩm ngà trong tủ kính cùng với trang sức vàng bạc khác. Những cửa hàng này nằm ở các khu mua sắm lớn cho khách du lịch, chuyên đồ trang sức trong Phố Cổ và tại một trung tâm mua sắm đồ trang sức ở phía đông nam. So với thành phố Hồ Chí Minh thì Hà Nội có ít tiệm đồ cổ hơn. Các tiệm này nằm rải rác trong và xung quanh khu Phố Cổ nơi các du khách thường đi bộ. Đa số các món đồ chúng tôi thấy thực sự “cổ” hoặc là hàng nhái. Tại các cửa hàng này chúng tôi không thấy các sản phẩm chế tác từ ngà voi được bày bán.

Chỉ 2 trong số 14 khách sạn hạng sang có cửa hàng quà tặng. Chỉ có một vài sản phẩm từ ngà voi được bày bán tại hai cửa hàng này. Người bán hàng tại một cửa hàng cho biết ở đây bán đồ từ ngà voi dân tộc cổ hơn (chủ yếu là đồ trang sức). Cửa hàng còn lại bày bán các đồ trang sức thông thường mới hơn theo phong cách hiện đại. Các trung tâm thương mại còn ít và cũng chỉ mới được xây gần đây tại Hà Nội. Chúng tôi không thấy các sản phẩm chế tác từ ngà voi được bày bán tại các trung tâm thương mại này.

Các sản phẩm từ ngà voi được tìm thấy ở Hà Nội phần lớn là mặt dây chuyền (chiếm 44% trong tổng số các sản phẩm) và vòng tay (chiếm 11%) cùng với một loạt các sản phẩm nhỏ khác gồm các món đồ trang trí và ứng dụng cả cũ lẫn mới (Bảng 11). Giá cả ở đây cao hơn

các nơi khác, vì các cửa hàng nằm tại một thành phố mà chi phí hoạt động đắt đỏ cùng với những khách hàng và người nước ngoài giàu có. Tuy nhiên, đa số các món đồ có chất lượng bình thường và kích thước nhỏ. Món đồ rẻ nhất là là một mặt dây chuyền có giá 65 USD và món đồ đắt nhất mà chúng tôi biết giá là một thẻ ngà chạm trổ có giá 1.200 USD tại một cửa hàng đồ cổ. Các mặt hàng không được niêm yết giá và hiếm khi được gắn nhãn “ngà voi” nhằm tránh gây chú ý tới mặt hàng thường bị coi là phạm pháp này (giống thành phố Hồ Chí Minh). Một cửa hàng trang sức đắt tiền có bán đĩa ngà voi thật đề nhãn “ngà voi”. Nhưng trong cùng cửa hàng đó, có một bộ tách trà được thiết kế theo phong cách truyền thống có các đường dích đặc là hàng giả nhưng người bán nghĩ rằng đó là ngà voi và định giá 2 triệu đồng (88 USD). Vậy là, đôi khi-một cách vô tình hoặc cố ý-các mặt hàng từ nhựa và xương được bày bán như đồ làm từ ngà voi, nhưng giá cả khác nhau.

Hầu hết các mặt hàng làm từ ngà voi ở đây là các món đồ trang sức đơn giản, bình thường. Cũng giống với các nơi khác, tại đây, các sản phẩm được chạm trổ theo phong cách Trung Hoa phức tạp hay đơn giản (như mặt dây chuyền tròn đơn giản với một lỗ ở giữa để xỏ dây) vốn là một biểu tượng thể hiện địa vị trong văn hóa Trung Quốc, nhưng giờ đây cũng được người Việt Nam ưa chuộng. Một số ít mặt hàng từ ngà voi có xuất xứ từ các quốc gia khác trên thế giới. Chúng tôi chỉ phát hiện ra hai mặt hàng ngà voi có xuất xứ châu Phi, mỗi chiếc có kích thước 15 cm mà chủ tiệm bán hộ một người Việt Nam đã mua hai món hàng tại Tây Phi. Giá của chúng chỉ là 75 và 85 USD. Trong khi đó, chúng tôi thấy một số nhẫn ngà voi có giá 150 USD và vòng tay có giá tới 600 USD (Bảng 12). Mức giá thấp của các sản phẩm ngà voi châu Phi cho thấy nhu cầu của người Việt và người Trung đối với ngà voi chế tác từ châu Phi không cao. Trái lại, mức giá đắt đỏ của các món đồ trang sức phản ánh nhu cầu cao đối với mặt hàng này.

Người bán và người mua

Những người có thể nói được một chút ngoại ngữ được thuê bán hàng cho khách nước ngoài. Họ chào giá bằng tiền Việt, tiền Trung Quốc (nhân dân tệ) hay USD Mỹ tùy vào nhu cầu của khách hàng.

Tại Phố Cổ, các sản phẩm từ ngà voi mà chúng tôi thấy thường được đặt trong các khu vực kín đáo ở phía sau cửa hàng để tránh phiền phức hoặc được đặt trên giá cao nơi ít người chú ý hoặc ở dưới cùng của tủ hàng, sau các mặt hàng khác. Trong một cửa hàng trang sức đắt tiền, có sáu bức tượng ngà được chủ tiệm bày công khai. Tuy nhiên, người bán hàng nói rằng chúng được dùng để trưng bày chứ không bán. Những người bán hàng tại trung tâm Hà Nội thường ngại bày bán ngà voi do lo sợ bị các nhà chức trách và luật pháp sờ gáy.

Chúng tôi không thấy ai hứng thú với việc mua đồ chế tác từ ngà voi ở Hà Nội. Khách hàng chủ yếu là người Trung Quốc. Họ được các hướng dẫn viên du lịch và các thông dịch viên khuyên đi tới các ngôi làng gần đó - nơi thợ thủ công chế tác và bán các sản phẩm từ ngà voi - để mua hàng với giá rẻ hơn. Các khách hàng Trung Quốc vốn nổi danh là những người “chuyên săn mồi” rất thích thú chọn lựa các sản phẩm với chất lượng tốt nhất. Và cũng dễ hiểu vì sao lại có rất ít người mua hàng ở các cửa hàng tại Hà Nội vì ở đó lượng sản phẩm từ ngà voi rất hạn chế và tương đối đắt đỏ so với các làng nghề.



ại Hà Nội, các món đồ chế tác từ ngà voi như thế này thường được bày ở giá cuối cùng hoặc ở đằng sau cửa hàng để chỉ những vị khách thực
muốn mua hàng có thể phát hiện



Những ngôi làng quanh Hà Nội vẫn còn lại những chiếc cổng đá đặc trưng của thời xưa

Các làng nghề quanh Hà Nội

Bối cảnh

Sau khi Pháp rút khỏi miền Bắc Việt Nam vào năm 1954, chính phủ Việt Nam đã thành lập các hợp tác xã bao gồm cả hợp tác xã sản xuất gỗ voi xuất khẩu. Chúng tôi không có bất kỳ thông tin dưới dạng văn bản nào về các hợp tác xã sản xuất gỗ voi này mà chỉ nghe qua lời kể của một người thợ khắc gỗ voi vào năm 1991 và trong chuyến đi này, đoán chừng vì việc đổi mới nền kinh tế vào những năm 1980 nên số lượng các hợp tác xã đó đã giảm đáng kể. Thay thế vị trí của những hợp tác xã đó là các doanh nghiệp kinh doanh gỗ voi tư nhân, như tại một số làng quanh Hà Nội, các cơ sở sản xuất gia đình đã bắt đầu phát triển (Minh 2015). Sản xuất hàng thủ công, đặc biệt là các mặt hàng để xuất khẩu, trở nên phổ biến. Các ngôi làng chuyển sang chuyên sản xuất và bán một số mặt hàng nhất định. Tỉnh Bắc Ninh, nằm cách Hà Nội 35 km về phía Đông

Bắc, hiện có 6.700 doanh nghiệp vừa và nhỏ và 120 làng nghề chuyên sản xuất hàng thủ công (Minh 2015). Chính phủ Việt Nam và các nhà tài trợ quốc tế đã khuyến khích sự phát triển của các ngành kinh doanh này qua việc nâng cấp cơ sở hạ tầng, bao gồm đường xá, của khu vực quanh Hà Nội. Đây một cách để giúp người dân sống ở vùng nông thôn có thể kiếm sống mà không phải xa nhà, vẫn có thể ở lại nơi mình sống nhằm giảm thiểu việc người dân đổ xô ra các thành phố để tìm kiếm các cơ hội việc làm và một cuộc sống tốt hơn trong những năm gần đây. Một số thợ khắc gỗ voi khởi nghiệp tại các ngôi làng nằm ở phía nam Hà Nội (Stiles 2004). Chúng tôi đã tới thăm bốn ngôi làng ở phía nam Hà Nội và sau đó là hai ngôi làng nằm ở phía bắc Hà Nội nổi tiếng với nghề chạm khắc nhiều loại vật liệu.

Ngôi làng đầu tiên

Các xưởng chế tác và thợ thủ công

Từ thông tin do hướng dẫn viên du lịch của mình, các tài xế taxi và người bán hàng cung cấp, chúng tôi tìm được địa điểm chính xác của một số ngôi làng nổi tiếng với nghề chạm khắc – bao gồm cả khắc ngà voi. Ngôi làng đầu tiên và nổi tiếng nhất với nghề chạm khắc ngà voi mà chúng tôi tới thăm là ngôi làng có nhiều nghệ nhân và phân xưởng nhất trong số tất cả những nơi mà chúng tôi thấy ở Việt Nam. Ngôi làng nằm giữa những cánh đồng lúa ở phía nam Hà Nội.

Trong quá khứ, các ngôi làng được xây tường bao quanh với một cổng vào bằng đá đưa lối tới con đường làng chính và những ngôi nhà một tầng lợp ngói đỏ ở hai bên đường. Trong ngôi làng này, các tòa biệt thự ba tầng mới xây theo phong cách giả kiểu Pháp đang thế chỗ những ngôi nhà truyền thống cũ. Ngày xây dựng được chủ nhân tự hào khắc lên những ngôi nhà này. Đa số chúng được xây từ cuối những năm 1990 tới những năm 2000. Có thể thấy rõ ngôi làng đang trở nên giàu có hơn qua việc người dân chi nhiều tiền hơn để xây những ngôi nhà mới khang trang hơn với lan can và gờ trang trí hoành tráng. Một vài chiếc ô tô Mercedes mới đen bóng đỗ ngoài đường – đây là cảnh tượng hiếm thấy ở các nơi khác – một lần nữa cho thấy sự giàu có tại ngôi làng này. Những ngôi đền cổ truyền thống, một ao nước lớn với hoa súng và đình làng vẫn còn hiện diện ở nơi đây đã mang lại hơi thở lịch sử cho ngôi làng cũng như nét thân thương cho những người dân sống ở đây.

Đi bộ dọc theo con đường chính, qua cánh cổng sắt của những ngôi nhà đồ sộ, chúng tôi thấy sân trước được

dùng làm các phân xưởng chế tác gỗ và ngà voi. Một số phân xưởng dẫn vào trong ngôi nhà nằm phía sau nơi những người Việt Nam lịch thiệp cho phép khách đi xung quanh và xem xét cơ sở sản xuất của họ. Sau vài trăm mét, có một ngã tư đường với một con đường hẹp hơn chạy tới cổng làng thứ hai dẫn ra các đồng lúa và đường làng chính. Đa số các xưởng chế tác và cửa hàng bán lẻ nằm dọc hai con đường chính này. Họ tin vào luật phong thủy – mở cửa hàng ở đường lớn thì việc kinh doanh cũng thuận lợi hơn.

Thợ thủ công làm việc nhiều giờ, thậm chí là làm việc tới tối, nhưng nghỉ buổi trưa. Họ đóng xưởng từ khoảng 11 giờ 30 tới 3 giờ chiều để ăn trưa và nghỉ ngơi. Những người thợ mà chúng tôi nhìn thấy hầu hết đang sản xuất hạt làm tràng, vòng tay và các sản phẩm sản xuất đại trà khác. Họ dùng kỹ thuật sản xuất tương tự kiểu cũ dù các loại máy móc mới giúp chế tạo các sản phẩm từ ngà voi nhanh hơn cũng được đưa vào sử dụng tại vùng này.

Chúng tôi tìm được 10 xưởng chế tác ngà voi lớn, hoạt động rất mạnh. Đa số đều có vô số máy chế tác hạt xâu chuỗi, mỗi chiếc được một thợ thủ công sử dụng cho một giai đoạn nhất định trong quy trình chế tác hạt. Nằm la liệt dưới nền các xưởng này là những chiếc bát nhựa đựng ngà voi đã qua một nửa quy trình xử lý cùng với những mảnh vỡ và vỏ bào ngà voi còn thừa. Chúng tôi phát hiện một cửa hàng như vậy nhờ để ý tới bậu cửa sổ phía ngoài đang bị phủ đầy bột ngà voi.



Trong chuyến đi của chúng tôi tới đây, dân làng đang mở hội làng ở đền thờ Tổ nghề. Lễ hội được tổ chức hoành tráng hơn mỗi năm vì việc kinh doanh phát đ



Các hạt đã được cắt một nửa từ những miếng ngà voi được đục ra bằng tay với số lượng lớn để làm vòng cổ và vòng tay bao gồm cả trang h

Tại phân xưởng này, những chiếc vòng tay ngà voi vừa được rửa đang được đặt trên một chiếc khăn trải dưới nền nhà cho khô. Trong phòng ngủ phía sau, hai chiếc đĩa lớn chứa đầy vòng tay được đặt dưới gầm giường còn những chiếc vòng ngà voi mỏng buộc thành bảy chiếc một (cùng với vòng tay sừng trâu) được chất đống sau cửa. Những sản phẩm này vừa mới được chế tác và vẫn chưa được bày bán nên chúng tôi không tính số lượng vòng này trong khảo sát. Những chiếc vòng tay mảnh từ ngà voi này được bán thành bộ bảy chiếc để chủ nhân có thể đeo thêm mỗi ngày một chiếc trong cả tuần. Những chiếc vòng ngà voi này được bày sẵn để bán cho chúng tôi. Họ còn nhấn mạnh rằng một số được chế tác từ hồng ngà – loại ngà được cho là lấy từ voi (đặc biệt là voi rừng) vừa mới sẵn được. Ngà voi hồng có giá cao hơn và được ưa chuộng hơn vì loại ngà này được cho là có sức mạnh và giá trị tâm linh hơn. Người thợ khắc ngà chỉ cho chúng tôi thấy màu hồng này dưới ánh sáng từ chiếc đèn pin. Những chiếc vòng có độ rộng 1 cm có giá 6 triệu đồng (tương đương 267 USD), chiếc dày 3 cm có giá 8 triệu đồng (356 USD) và một chiếc có màu hơi trắng hơn với độ dày 2 cm có giá 5 triệu đồng (222 USD). Ngà voi lớn, đắt tiền hơn được dùng để sản xuất vòng tay còn những chiếc ngà bé được dùng để làm trang có hạt đục từ khoanh ngà voi. Sáu trong số các xưởng chế tác bày sẵn các sản phẩm từ ngà voi cho khách hàng xem, bán số lượng nhỏ cho khách mua hàng với giá bán lẻ và bán số lượng lớn cho các thương lái với giá bán buôn. Một xưởng chế tác lớn

có rất nhiều sản phẩm từ ngà voi và một lượng lớn tương đương các mặt hàng này được bày bán tại cửa hàng bán lẻ. Tại đây, hoạt động sản xuất hạt làm trang diễn ra rất mạnh. Thợ thủ công bận rộn tới mức chẳng có thời gian để ý tới một khách nước ngoài đang đi lại xung quanh hay xua đuổi những du khách phiền phức quay phim. Họ căn bản không nghĩ mình phạm pháp. Hoạt động sản xuất hạt xâu chuỗi chiếm ưu thế tại ngôi làng này. Các thợ thủ công sử dụng kỹ thuật tương tự như kỹ thuật sản xuất hạt xâu chuỗi từ gỗ thời trước. Đầu tiên, ngà voi được cắt thành các khoanh, sau đó chúng được đặt vào một máy cắt giống như máy cắt bánh quy. Họ tạo kích cỡ hạt cần thiết rồi lật ngược miếng ngà để đục một nửa hạt bằng một ống cắt tâm. Họ đục từng hạt đã được cắt một nửa này ra khỏi khoanh ngà qua một lỗ vừa với kích cỡ hạt trên một bệ kim loại thấp để chúng rơi xuống một cái bát hứng bên dưới. Để kết được thành chuỗi, họ khoan thủ công một lỗ nhỏ xuyên qua từng hạt. Họ đặt từng hạt lớn vào một máng vừa với kích cỡ của hạt với các mũi khoan xuyên vào từ hai phía. Các mũi khoan này gặp nhau ở giữa hạt. Một dòng nước chảy nhỏ giọt lên các hạt này để bột ngà không bay lung tung – lớp bột này dính lên chiếc máy như kem đông. Họ đặt các hạt này vào một chiếc máy quay để giữa nhẵn và đánh bóng. Rồi chúng được đặt vào một khay tròn để phân loại. Các thợ thủ công sẽ loại bỏ những hạt lỗi để đem giũa thêm. Các hạt thành phẩm được đặt vào bát nhựa lớn để những người phụ nữ xâu thành chuỗi.



Chiếc máy này khoan một lỗ xuyên qua những hạt gà lớn với dòng nước chảy nhỏ giọt để giảm bụi gà



Những hạt gà bé hơn ở đây được khoan thủ công



Sau khi đánh bóng, các hạt này được phân loại



Trong một số cửa hàng, những người phụ nữ đang bận rộn khâu chít hạt cho ngành công nghiệp gà voi n



Các bức tượng ngà voi cần thời gian và kĩ nghệ để sản xuất có thể được làm thủ công ở đây, nhưng thường thì do các thợ thủ công lành nghề làng khác chế tác và rồi thường được bán buôn cho người Trung Quốc

Tại bảy cửa hàng bán lẻ khác, thợ thủ công làm việc ở phía sau – đục các hạt ngà voi ra, dùng giấy nhám đánh nhẵn các hạt này rồi phân loại hoặc xâu chuỗi hạt. Có vẻ như các thợ thủ công vốn đã quá tải với lượng ngà voi cần chế tác cũng phải làm việc tại các cửa hàng bán lẻ. Ở đây, chúng tôi không thấy công việc chế tác yêu cầu kĩ nghệ cao diễn ra mà chỉ thấy quy trình xử lý ngà voi với quy mô sản xuất nhanh kiểu băng chuyền. Bốn phân xưởng/ cửa hàng khác đóng chặt cửa sắt nên chúng tôi không tới đó được.

Trong một cửa hàng chuyên bán đuũa ngà, gỗ, các bức khắc trai lớn và xương, người bán hàng/ thợ thủ công cho chúng tôi xem một bao tải đựng ngà voi thô và giải thích quy trình người này làm ra đuũa ngà voi. Anh ta chỉ dùng phần cứng của chiếc ngà. Một kg ngà voi thô có thể làm ra được năm đôi đuũa. Anh ta cho biết mình cũng chế tác hạt ngà voi làm vòng và có thể tận dụng cách mảnh thừa làm các hạt bé hơn. Người bán hàng cho biết người Trung Quốc mua tất cả những đôi đuũa anh ta làm ra và họ thích mua mọi thứ làm từ ngà voi có sẵn trong ngôi làng này.

Thông dịch viên của chúng tôi cho biết lần cuối anh ấy tới ngôi làng này là năm năm trước để làm hướng dẫn

viên du lịch. Vào thời điểm đó, thợ thủ công ở đây chủ yếu chế biến gỗ và rất ít ngà voi được chế tác hay bán tại đây.

Một người bán hàng chia sẻ rằng ban đầu anh ta làm nghề chạm khắc gỗ, rồi về sau gia đình anh ta bắt đầu chế tác ngà voi. Bốn năm sau (2011) thì có thêm việc khắc sừng tê giác và gia đình này là người khởi xướng công việc này tại ngôi làng. Khi chúng tôi tới đây, họ đã mở rộng đến ba cửa hàng bán các sản phẩm chế tác từ ngà voi và sừng tê giác. Người này cho biết, tính tới thời điểm này, có hơn 10 gia đình đang chế tác các sản phẩm từ ngà voi và sừng tê giác. Họ chế tác vòng tay, các tràng hạt lớn đeo tay, mặt dây chuyền trơn đơn giản và các đồ trang sức khác từ hai nguyên liệu này.

Dù thợ thủ công ở ngôi làng này có thể khắc và chế tác ngà voi bằng máy, nhiều người lại gửi các sản phẩm tron tới những nghệ nhân ở làng khác để chế tác thêm theo thiết kế rồi chia hoa hồng. Một mặt dây chuyền đơn giản có kích thước 6,5 x 4,5 cm mà một khách hàng yêu cầu gửi cho một người thợ khắc ở vùng lân cận chế tác có thể sẽ mất một tuần để hoàn thành.

Cửa hàng bán lẻ, các sản phẩm từ ngà voi và giá cả

Ngôi làng này sản xuất, bán buôn và bán lẻ các mặt hàng mới từ ngà voi, chuyên các sản phẩm phục vụ thị trường Trung Quốc. Ngôi làng trở nên phát đạt vào những năm 1990 khi những cửa hàng đầu tiên chuyên bán các mặt hàng đồ gỗ phục vụ khách du lịch được mở. Giờ đây, các cửa hàng này trở nên cực kỳ phát đạt nhờ việc bán các sản phẩm chế tác từ ngà voi và các mặt hàng tương tự được khắc từ sừng tê giác. Kích thước của những ngôi nhà mới xây cũng tăng theo sự giàu có của ngôi làng. Một chiếc xe hơi đắt tiền đỗ bên ngoài một cửa hàng ngà voi có một tượng chế tác từ ngà voi đặt trên bảng đồng hồ - biểu tượng cho việc mở rộng kinh doanh của họ.

Chúng tôi đếm được 53 cửa hàng bán lẻ đang mở cửa, bày bán 9.893 sản phẩm mới từ ngà voi, trung bình mỗi cửa hàng bày bán 187 mặt hàng (Bảng 13). Số lượng các sản phẩm được bày bán nằm trong khoảng từ 3 đến 1.360 sản phẩm tại mỗi cửa hàng. Những cửa hàng này kết nối với các xưởng chế tác thường là các cơ sở sản xuất gia đình, với các thành viên trong gia đình tham gia sản xuất và bán các mặt hàng từ ngà voi. Gần như tất cả đều là các cửa hàng chuyên bán sản phẩm từ gỗ và ngà voi. Những gì chúng tôi thấy chỉ là một phần rất nhỏ so với lượng ngà được giấu bên trong. Thỉnh thoảng chúng tôi được nhìn thấy lượng ngà này khi họ để cửa mở. Những người bán hàng luôn có thể đi về phía sau cửa hàng hoặc vào trong nhà mình - nằm sau

cửa hàng - để mang ra các túi chứa nhiều mặt hàng hơn nếu khách hàng muốn mua những món đồ cụ thể.

Mặc dù chỉ những mặt hàng nữ trang rẻ tiền thường được bày bán nhưng ngôi làng này cũng bán cả những sản phẩm chế tác từ ngà voi đắt tiền hơn nhiều. Những đồ này được đem ra khi khách hàng yêu cầu còn bình thường chúng được giấu ở nhà chứ không bày ra. Một vài người thiết kế ra những sản phẩm này sống ở các làng kế bên vì hầu hết các thợ thủ công trong ngôi làng này có xu hướng tập trung vào sản xuất đại trà.

Để có thể đếm được các sản phẩm từ ngà voi trong tủ hàng, chúng tôi phải chụp ảnh lại bởi lẽ rất khó để ghi chép khi mà người ta cứ trông chừng chúng tôi mọi lúc, mọi nơi vì chúng tôi là những khách Tây duy nhất đến đây. Đôi khi, nếu người bán hàng phát hiện ra chúng tôi đang chụp ảnh thì họ sẽ phản đối. Do đó việc chụp ảnh thật nhanh, thật kín đáo là rất quan trọng nhằm tránh làm người bán hàng nổi giận.

Mặc dù các cửa hàng ở ngôi làng này có vẻ chuyên bán các chuỗi hạt làm đồ trang sức vì đây là sản phẩm chủ yếu mà họ sản xuất, song, tất cả những đồ trang sức rẻ tiền phổ biến cũng được bày trên vài giá trong tủ kính. Đôi khi các tủ phụ chứa đầy ngà voi trải dài về phía sau của cửa hàng. Các món đồ trang sức từ gỗ cũng thường được bày trong các tủ kính, nhưng các mặt hàng từ ngà voi mới thường được đặt lên giá trên cùng; các đồ chạm khắc từ gỗ thường được đặt trong các tủ tường bên trong cửa hàng.



Các sản phẩm chế tác từ ngà voi tại ngôi làng này thường được bày ở những giá trên cùng của tủ hàng để dễ quan



hầu như tất cả các tượng chế tác từ ngà voi đều có biểu trưng cho đạo Phật hoặc văn hóa gian dân Trung Quốc, nhưng thỉnh thoảng cũng có các tượng nhỏ chế tác từ sừng tê giác có thể thấy ở bên t

Do hầu hết các cửa hàng cũng mới được mở nên chẳng có sổ cửa hàng và một số còn không có cả tên. Phần lớn các cửa hàng đang mở cửa bán các mặt hàng chế tác từ ngà voi. Chúng tôi chỉ thấy có đúng bốn cửa hàng chỉ chuyên bán đồ gỗ. Các sản phẩm được bày bán chính là mặt dây chuyền theo phong cách Trung Quốc (39%), rất nhiều trong số này có hình tròn hoặc hình thuôn với kích cỡ từ 4 đến 5 cm. Chúng thường được chạm khắc phức tạp với hình Phật hoặc các thiết kế về hoa. Vòng tay (gần như tất cả đều là kích cỡ cho người lớn và đủ to để đeo vừa tay người Trung Quốc) chiếm 23% trong tổng số các mặt hàng và những chiếc vòng này thường để trơn. Nhẫn trơn, mảnh chiếm 14% trong tổng số các mặt hàng được bày bán – thường được đựng trong các túi cho những người muốn mua buôn. Trong khi đó, các chuỗi vòng tay và vòng cổ (thường là tràng hạt với 108 hạt được xâu lại) chiếm 13% trong tổng số các mặt hàng (Bảng 14). Mặt hàng rẻ nhất được bày bán là một chiếc nhẫn ngà mảnh có giá 2 USD và mặt hàng đắt nhất là một chiếc ngà voi được chạm khắc có kích thước 20 cm được bán với giá 1.941 USD. Hầu hết các mặt hàng có giá như nhau ở các cửa hàng vì các cửa hàng này cùng loại có cùng chi phí sản xuất và bán cùng loại sản phẩm (Bảng 15).

Đối với các sản phẩm sản xuất đại trà, giá cả thường được tính theo trọng lượng. Một người bán hàng, thậm

chỉ là bán một món đồ đắt tiền chế tác từ ngà voi vẫn định giá nó bằng trọng lượng chứ không phải kỹ năng chế tác. Món đồ nặng 630 g nên có giá 43.680 đồng, tức là 1g có giá 69 đồng. Và anh ta sẽ giảm giá xuống 40 triệu đồng (1.778 USD)/kg, tức là 1 g có giá 63 đồng. Khi chúng tôi đặt món đồ lên chiếc cân điện tử thì thực chất nó chỉ nặng 624 g (64 đồng/g). Điều này lý giải vì sao người Trung Quốc dành rất nhiều thời gian ở một cửa hàng, cân lại các mặt hàng để tính toán ra giá tiền có lợi nhất cho mình. Những người bán hàng cũng có thể định giá các mặt hàng qua kích cỡ, thiết kế và kỹ nghệ của người thợ. Các mặt hàng không có tem giá và giá bán lẻ có thể cao hơn hoặc thấp hơn với mỗi khách hàng khác nhau – điều này phụ thuộc vào ví tiền hay mức độ nhu cầu đối với mặt hàng đó.

Những người bán hàng trong ngôi làng này hầu hết đều nghi ngờ sự hiện diện của chúng tôi bởi lẽ gần như tất cả những người mua hàng tới đây đều là người Trung Quốc. Do vậy, họ thường không hợp tác khi đưa ra giá vì họ nói chúng tôi không mua thứ gì cả. Chúng tôi hỏi giá của hai chiếc chop ngà voi lớn, một chiếc có kích thước 15 cm, nặng 338g và một chiếc có kích thước 12.5 cm nặng 178g, nhưng người bán hàng không cho biết giá. Anh ta nói rằng vì chúng tôi trông như đang đi khảo sát giá cả thị trường và anh ta cũng lo bị các đối thủ khách cạnh tranh.



Cả người mua lẻ và mua buôn Trung Quốc tới ngôi làng ở miền Bắc Việt Nam này để mua các sản phẩm từ ngà v



Các du khách từ Trung Quốc đại lục đặc biệt ưa chuộng các mặt dây chuyền thôn lớn được chạm khắc phức tạp mà đôi khi họ chụp ảnh lại trước khi mua.

Người bán và người mua

Trong suốt cuộc khảo sát kéo dài ba ngày cùng với bốn cuộc viếng thăm ngôi làng này của chúng tôi, các hộ gia đình ở đây đang tổ chức hội làng thường niên để dâng lễ tại đền thờ Tổ nghề. Họ tự hào khoe rằng mỗi năm, hội làng lại được tổ chức hoành tráng hơn vì kinh doanh phát đạt. Các cửa hàng mở cửa và đóng cửa vào các thời gian và các ngày khác nhau để các chủ cửa hàng đi thăm bạn bè vào dịp lễ hội này. Vào một chiều, người dân trong làng mãi tham gia hoặc xem một trận bóng đá chứ không làm việc và có cả rất nhiều trò chơi cho trẻ em. Vì thế, không có gì ngạc nhiên khi một số thợ thủ công và người bán hàng không làm việc. Vì vậy, sự xuất hiện của chúng tôi gây chú ý và trong khi một số khá thân thiện thì số khác lại tỏ ra khó chịu, không muốn chúng tôi vào cửa hàng và tới cuối cuộc khảo sát thì họ nhận ra chúng tôi chỉ xem chứ không mua hàng.

Nhìn chung, các sản phẩm từ ngà voi có giá quá cao so với thu nhập của hầu hết người dân Việt Nam. Chúng tôi không thấy người Việt nào chọn các sản phẩm này cho bản thân mình. Tuy nhiên, một vài phụ nữ trong làng lại có tiền để mua và đeo các vòng tay chế tác từ ngà voi thường có độ rộng 1 cm chứ không phải là đồ nhựa. Các cửa hàng trong làng bán các sản phẩm chủ yếu phục vụ thị hiếu người Trung Quốc. Phần đa khách hàng Trung Quốc được các hướng dẫn viên du lịch (có thể nói tiếng Trung) dẫn tới ngôi làng. Họ tới đây bằng ô tô hoặc xe buýt du lịch. Thường thì những chiếc xe này đỗ bên ngoài cổng thứ hai dẫn tới con phố bán lẻ chính để khách hàng chỉ cần đi bộ vào đó và xem các

cửa hàng. Nếu để các phương tiện vào con đường hẹp này thì sẽ bị tắc nghẽn. Một số người bán hàng cho biết người Trung Quốc mua tất cả các sản phẩm của họ: “Họ thích mua mọi thứ”. Người bán hàng cho chúng tôi biết họ đã học tiếng Trung phổ thông để có thể kiếm được món hời với các khách hàng Trung Quốc. Thậm chí một số cửa hiệu còn treo biển bằng tiếng Trung. Một số người Trung Quốc mua lẻ các sản phẩm từ ngà voi cho bản thân mình, số khác là thương nhân Trung Quốc tới đây mua với số lượng lớn. Điện thoại thông minh xuất hiện nhan nhản vì ngày nay, các thương vụ qua mạng đã trở nên phổ biến và ngày mở rộng thêm. Chúng tôi thấy một vài người Trung Quốc trong các cửa hàng và quan sát xem họ muốn mua gì. Một người đàn ông Trung Quốc đi cùng một thông dịch viên người Campuchia có thể nói tiếng Trung đang ngắm nghía các mặt dây chuyền tròn có lỗ ở giữa và các chuỗi vòng cổ. Người đàn ông này còn dùng đèn pin ở điện thoại kiểm tra những chiếc vòng tay ngà voi để mua cho con gái mình. Tuy người Trung Quốc là những khách hàng mặc cả cứng tay, nhưng người đàn ông đó chỉ có thể mặc cả giá chiếc vòng tay từ 2 triệu đồng (89 USD) xuống 1,8 triệu đồng (80 USD). Giá bán lẻ thấp hơn nơi khác vì đây là nơi sản xuất nên phần chiết khấu thấp. Một người đàn ông và một phụ nữ Trung Quốc trong một cửa hàng khác đang thương lượng giá cả vòng tay trên một chiếc bàn ở phía sau cửa hàng. Họ đặt những chiếc vòng này lên một cái cân điện tử. Có một bát nhựa lớn đựng vòng tay và rất nhiều chiếc vòng khác rơi cả lên mặt kính khi họ đang chọn lựa và ngã giá.

Trong một cửa hàng nhỏ khác, bốn người đang đứng chen chúc trước chiếc tủ kính để chọn mặt dây chuyền. Hai mặt dây chuyền tròn và một mặt hình thuẫn đang được xem xét. Ba khách hàng Trung Quốc trả giá 580 tệ (tương đương 90 USD) cho một mặt dây chuyền, nhưng họ sẽ trả bằng tiền Việt (2 triệu đồng). Một trong hai người phụ nữ đi cùng là một hướng dẫn viên du lịch người Việt Nam và một người đàn ông trong số họ nói được một chút tiếng Việt – đây là điều khá lạ với người Trung Quốc. Người đàn ông này cho biết anh ta là một chủ buôn thường xuyên đến Việt Nam chứ không phải khách du lịch. Hướng dẫn viên của chúng tôi cố gắng nghe cuộc đối thoại của họ còn chúng tôi cố gắng quan sát vụ giao dịch nhưng người bán hàng phát hiện ra chúng tôi chỉ so giá các mặt hàng chứ không mua gì nên đã yêu cầu chúng tôi rời khỏi cửa hàng.

Trong một cửa hàng khác, một nhóm gồm hai người đàn ông là thương lái Trung Quốc và ba người phụ nữ bán hàng đang ngồi dưới sàn nhà xem xét các bó lược ngà, vòng tay và mặt dây chuyền. Người bán hàng muốn bán với giá 55 triệu đồng (2.444 USD)/kg đối với các mặt hàng mà những người khách đã chọn. Hai thương lái Trung Quốc nói rằng giá đó quá cao. Họ lên xe máy rời đi rồi trở lại vào buổi tối để thương lượng thêm về giá cả. Trước lúc trời tối, một nhóm gồm hai người đàn ông và hai người phụ nữ đang đứng ngoài cửa hàng, gửi các tin nhắn trên điện thoại thông minh của mình tới các lái buôn ở Trung Quốc về các mặt hàng họ định mua còn một người phụ nữ mua hàng vẫn ở bên trong trả giá các mặt hàng trên sàn nhà. Những chủ buôn Trung Quốc vốn rất sắc sảo và dành nhiều thời gian cho các vụ mua bán để có được giá bán buôn tốt nhất, một số người còn làm việc tới tối.

Chúng tôi nói chuyện khá lâu với một thương lái sống ở tỉnh Quảng Tây ở phía nam Trung Quốc. Người này đã lái xe từ Trung Quốc tới biên giới gần nhất, mua các

sản phẩm chế tác từ ngà voi ở Việt Nam để bán lại ở trong nước. Cứ mỗi hai tháng, người này lại đến đây mua các sản phẩm từ ngà voi một lần. Anh ta đo lại một chiếc vòng tay rộng 2 cm (bằng một thước đo kim loại) có giá 300 USD - anh ta định giá cho chúng tôi bằng đồng Nhân dân tệ. Hướng dẫn viên của chúng tôi (cũng biết nói tiếng Trung) cho biết anh ta dành rất nhiều thời gian dùng chiếc điện thoại thông minh của mình liên lạc với người mua hàng ở Trung Quốc. Anh ta thường xuyên tới ngôi làng này để mua các sản phẩm từ ngà voi bán buôn với số lượng lớn và mua cả các sản phẩm từ mai rùa bày bán tại một số cửa hàng. Anh ta đeo một chiếc vòng ngà voi rộng ở cổ tay trái. Anh ta rất thân thiện, còn mời chúng tôi tới Quảng Tây. Tuy nhiên, đồng nghiệp người Việt Nam của anh ta lại có chút lo lắng về lý do vì sao chúng tôi ở đó, bởi vì người phương Tây thường không có nhu cầu mua ngà voi.

Các cửa hàng (bao gồm cả bán buôn và bán lẻ) kết hợp với phân xưởng của mình cũng nhận đơn hàng và gửi các sản phẩm từ ngà voi cho khách hàng Trung Quốc. Một người bán hàng đang xếp các bức tượng từ ngà voi cao 20 cm thành 3 tầng với 10 bức tượng ở tầng trên cùng vào trong một chiếc va-li để trước sự chứng kiến của tất cả người qua đường.

Người dân ở đây khá thoải mái về việc chế tác ngà voi của mình. Tất cả các hoạt động và việc trưng bày sản phẩm được thực hiện hoàn toàn công khai ở ngay tại mặt tiền của mỗi cửa hàng. Chúng tôi không hề thấy bất kỳ một cảnh sát nào xuất hiện và cuộc sống làng quê nơi đây cùng với việc buôn bán ngà voi vẫn tiếp tục phát triển. Những khách hàng Trung Quốc cũng rất thoải mái về việc chúng tôi chụp ảnh họ, như thể việc chọn lựa các sản phẩm chế tác ngà voi để cho bản thân, gia đình và bạn bè họ hay để mua với số lượng lớn nhằm buôn bán bất hợp pháp trở lại Trung Quốc là một việc làm hoàn toàn bình thường và hợp pháp.



Thương lái Trung Quốc gửi tin nhắn điện thoại cho khách hàng ở Trung Quốc đại lục vào buổi tối để thống nhất giá cả cho mặt hàng từ ngà voi mà họ mua.



Đầu thú với gác và sừng chất đống được ưa chuộng tại Việt Nam và Trung Quốc để treo tường trang trí. Gần như tất cả các mặt hàng tại ngôi làng này được bán buôn sang Trung Quốc đại

Ngôi làng thứ hai

Các phân xưởng chế tác ngà và thợ thủ công

Tại ngôi làng thứ hai mà chúng tôi được biết là cũng diễn ra hoạt động khắc ngà voi, chúng tôi thấy sừng trâu, bò đang được xử lý, nhưng không thấy có phân xưởng chế tác ngà voi nào. Thông tin về ngà voi được sản xuất với số lượng lớn và sừng để phục vụ thị trường xuất khẩu được người dân tại đây giữ kín. Chúng tôi gặp một người thợ chạm khắc gỗ đã nghỉ hưu. Ông mời chúng tôi đến nhà-ngôi nhà với cầu thang lát đá hoa và tay vịn thiết kế sang trọng rất phổ biến trong những ngôi nhà đang được xây cất nhờ sự phát đạt gần đây. Ông cho chúng tôi xem các chứng chỉ từ Hội nghề thủ công Việt Nam, ông được gọi là “nghệ nhân” (người có tay nghề xuất sắc). Ngôi làng của ông có lịch sử 400 năm và ông rất tự hào về di sản nghệ thuật của mình, đặc biệt là khắc gỗ.

Ông bảo chúng tôi đọc lá thư gửi từ Hiệp hội làng nghề Việt Nam (VICRAFT) trong đó giải thích tầm quan trọng của việc sản xuất các sản phẩm truyền thống đối với nền kinh tế, tạo công ăn việc làm cho hàng ngàn người lao động cũng như cải thiện lối sống của họ, đặc biệt là những người sống ở nông thôn và sản xuất các mặt hàng phục vụ xuất khẩu. Lá thư cũng giải thích cách mà văn hóa mang những kinh nghiệm được sẻ chia đến với thế giới đồng thời dạy con người cách sản xuất các sản phẩm truyền thống với chất lượng cao hơn. Ông hài lòng vì suy nghĩ rằng ngôi làng của mình đã đóng góp về mặt văn hóa, là một phần của bề dày truyền thống tạo ra các công trình nghệ thuật và đồ thủ công.

Ông cho hay mặc dù hầu hết các sản phẩm chạm khắc của ngôi làng vốn sử dụng sừng trâu và gần đây thêm cả sừng bò. Song, ông cũng thừa nhận gần đây, người ta cũng chế tác ngà voi và sừng tê giác một cách bí mật sau những khung cửa đóng chặt. Người này không bình luận gì thêm về việc đó, ông chia sẻ rằng mình từng làm nhà nước và không thể nói gì thêm. So với người dân tại ngôi làng đầu tiên mà chúng tôi tới thăm, người dân tại đây giữ bí mật về công việc của họ hơn. Tương tự như ở ngôi làng đầu tiên, tại đây các phân xưởng chế tác cũng ở trước những ngôi nhà ba tầng mới xây bề thế sau chiếc cổng sắt vững chãi. Nhiều “chiến lợi phẩm” đầu thú có sừng từ nhiều loài động vật, đặc biệt là các loài lạ như linh dương vằn Kudu và linh dương châu Phi được nhập với số lượng lớn từ châu Phi. Các thợ thủ công cho biết đây là mặt hàng được người giàu ở Việt Nam ưa chuộng và Trung Quốc có nhu cầu đặc biệt cao đối với mặt hàng này. Chúng được mua về để treo tường trang trí. Theo chúng tôi được biết, loại phổ biến nhất là đầu gia súc, đặc biệt là đầu bò đực lớn. Loại này rất được người kinh doanh ưa chuộng vì họ muốn có sức mạnh từ “chiến lợi phẩm” này-xuất phát từ niềm tin tâm linh. Số khác chọn các sản phẩm nhẹ nhàng hơn để trang trí theo phong thủy. Các thợ thủ công tại ngôi làng này chuyên sản xuất lược sừng. Cả đồng sừng trâu được bày ra để chuẩn bị cho quá trình sản xuất ở các phân xưởng tại gia. Một số khu phân xưởng còn có hàng đồng xương, thường là xương đùi trâu bò và đôi khi còn có cả xương voi.



Phòng trưng bày mới xây này cho thấy sự giàu có của một số doanh nhân tại ngôi làng nhờ bán các sản phẩm chế tác từ động vật hoang

Dù các thợ thủ công này thừa nhận chế tác các sản phẩm từ xương và ngà voi nhưng họ lại khá dè dặt về việc chia sẻ cụ thể hơn về ngà voi. Đó là một ngày mưa lạnh và ngôi làng trông khá khép kín và lạnh lẽo. Chúng

Cửa hàng bán lẻ, các mặt hàng ngà voi và giá cả

Chúng tôi không nhìn thấy cửa hàng bán các mặt hàng ngà voi, dù là bán buôn hay bán lẻ. Một số nhà xưởng có trưng bày các mặt hàng bán lẻ trong những chiếc tủ nhỏ như đĩa từ xương hay lược từ sừng. Ngôi làng này không phải là nơi nổi tiếng để khách du lịch mua lẻ các mặt hàng.

Người bán và người mua

Ngà đã xử lý được giữ ở phía sau. Có một số cửa hàng trưng bày các đầu thú có sừng và gạc trên tường. Những người bán hàng thừa nhận hầu như họ bán các mặt hàng tới Trung Quốc đại lục. Một số cửa hàng trông khá lộn xộn và tối tăm. Một số hàng khác trông mới hơn, đủ ánh sáng và bán giá cao hơn. Các thợ thủ công làm việc theo cách truyền thống, thường

tôi đến đó vào giữa trưa khi mà dân làng muốn được yên tĩnh để ngủ trưa. Vì vậy, chúng tôi không tìm được thợ thủ công nào sẵn lòng nói về việc sản xuất ngà voi.

Họ không tiết lộ số lượng các mặt hàng làm từ sừng tế giác và ngà voi mà họ đã làm ra và bán ở các ngôi làng, cũng như cách họ buôn bán và giá cả. Một số người kể tên vài địa điểm khác mà chúng tôi nên tới. Họ nói rằng các mặt hàng bán buôn ở ngôi làng này được chuyển tới các nhà buôn tiêu thụ ở Trung Quốc đại lục.

là ngồi trên sàn nhà, đôi khi là ở các nhà xưởng. Có ít người bán hàng và chúng tôi không thấy có khách hàng trong ngôi làng này, vì hầu hết các mặt hàng được chuyển sang Trung Quốc. Tuy nhiên, điều quan trọng là phải ghi lại sự thiếu vắng các cửa hàng và khách mua để làm các phép so sánh trong tương lai.

Ngôi làng thứ ba

Phân xưởng và thợ chạm khắc ngà voi

Chúng tôi được biết thợ thủ công ở ngôi làng này đã có truyền thống chạm khắc ngà từ lâu. Chúng tôi đã xuống taxi và đi vào một mê cung có những con đường hẹp mà ô tô không thể vào được. Ngôi làng này còn nghèo hơn nữa, mà không có cửa hàng bán lẻ hay trưng bày nào, chỉ có một vài phân xưởng. Chúng tôi nhìn thấy một người phụ nữ phủ đầy bụi trắng, cô ấy đang khắc hình ảnh các vị thần và những nhân vật dân gian của Trung Quốc vào đá trắng để bán sang Trung Quốc. Chúng tôi chưa thấy phân xưởng làm ngà nào. Một người lớn tuổi trong làng đưa chúng tôi qua các con đường, rồi một cánh cửa đóng kín và tiến vào một phân xưởng khá đông, có khoảng 10 người trong một căn phòng, tính cả một người trông coi, đó đều là các cậu bé và một cô bé tuổi vị thành niên. Họ ngồi vắt chéo chân trong căn phòng nhỏ gần như không có cửa sổ, chút ánh sáng le lói của mỗi người đều tập trung vào từng mặt dây chuyền ngà voi. Họ dùng khoan điện để khắc những mẫu thiết kế phức tạp trên các mặt dây chuyền hình tròn và chữ nhật, giống các mẫu thiết kế mà chúng tôi đã thấy ở ngôi làng đầu tiên. Điều này cho thấy họ cung cấp các mặt hàng theo thị hiếu Trung Quốc để bán cho ngôi làng thứ nhất, và có thể là bán cho cả thị trường Trung Quốc đại lục.

Người trông coi trẻ tuổi nhắc các thợ thủ công cất đồ của họ đi và bắt chúng tôi rời khỏi đó. Anh ta nổi nóng với người lớn tuổi đã dẫn chúng tôi tới phân xưởng, mà nếu không có người đó chúng tôi sẽ không thể tới đây được. Điều này chứng tỏ các hoạt động này thường diễn ra sau những cánh cửa đóng kín và những người Việt Nam trẻ tuổi được thuê làm thợ thủ công trong ngành kinh doanh đang phát lên này. Thông thường

với các mặt hàng nữ trang, các thợ thủ công chỉ cần dùng đầu nhọn khắc trên mặt dây chuyền theo mẫu cụ thể và cứ tiếp tục làm như vậy để làm ra mặt dây nhanh hơn, mà không cần tới kỹ năng đặc biệt nào.

Chúng tôi đi sâu hơn vào ngôi làng, mặc dù ánh nắng đang tắt dần, và nhiều âm thanh đục đẽo vang lên. Đi theo âm thanh đó, chúng tôi tiến vào một ngõ hẹp dẫn tới một cánh cửa mở nơi có hai vợ chồng đang làm việc ngay ở khoảng sân trước cửa nhà họ. Người phụ nữ đang làm một vật bằng tre. Bên cạnh người đàn ông là rất nhiều vật dụng thủ công, ông ấy đang chạm một chiếc ngà voi đặt giữa hai chân. Họ chào chúng tôi, và cho phép chúng tôi chụp ảnh, không giống như người trông coi trong phân xưởng trước đó. Sau khi ngồi xuống, và nói chuyện, chúng tôi được biết người đàn ông này đã bắt đầu chạm khắc gỗ và xương từ năm 16 tuổi và bây giờ ông đã 45. Năm 1992, ông bắt đầu sử dụng ngà voi, nhưng hầu hết là xương. Ông ấy sử dụng xương voi, xương bò và xương trâu, với độ cứng tăng lên. Ông ấy thích xương trâu hơn cả. Khách hàng từ Ba Lan thường đặt hàng chạm khắc từ xương. Bắt đầu khoảng từ năm 2010, ông bắt đầu chạm khắc ngà voi do nhu cầu ngà voi bất ngờ tăng. Nhu cầu này tiếp tục tăng tới năm 2014. Rồi sau đó, ông khẳng định nhu cầu này đã giảm xuống. Hầu hết các sản phẩm của ông đều được đặt mua trước.

Ông cho biết, những chiếc ngà nặng 3-4 kg sẽ làm mất khoảng 1 tháng. Một ngày ông thường làm từ 8h sáng đến 8h tối, có ăn trưa và nghỉ tối, liên tục 7 ngày 1 tuần, trừ kỳ nghỉ lễ. Ông nói khách hàng chủ yếu là ở Trung Quốc đại lục.



Nhiều người Việt Nam trẻ tuổi đang thực hiện khắc các mặt hàng có liên quan tới ngà voi trong ngôi làng n



Người thợ thủ công đang khắc ngà voi bằng các dụng cụ cầm tay và chiếc máy khoan đi



Xương voi và trâu cũng được chạm khắc phức tạp, nhưng thợ thủ công thích chất gỗ hơn

Ông ấy chỉ cho chúng tôi thấy một khúc xương chân voi lớn đang được chạm khắc, theo lời ông thì nó cứng hơn ngà nhưng mềm hơn xương trâu bò.

Trên đường ra khỏi ngôi làng, chúng tôi nghe thấy tiếng khoan điện và đi vào một phân xưởng khác ngay ở ngoài sân, nơi có năm cậu bé và một cô bé lứa tuổi vị thành niên đang ngồi, khắc những miếng gỗ lớn bằng các dụng cụ cầm tay, những miếng gỗ này được giữ cố định giữa hai chân. Người trông coi cho chúng tôi biết các thợ thủ công trẻ ở đây được trả tiền công và có thể

Cửa hàng bán lẻ, các mặt hàng ngà voi và giá cả

Không có cửa hàng bán ngà voi hay các tủ trưng bày đồ nữ trang hoặc điêu khắc từ gỗ, xương. Chúng tôi chỉ nhìn thấy một chiếc tủ bày bán hàng điêu khắc từ đá trắng. Một vài người điêu khắc được cung cấp ngà để làm các mặt hàng theo mẫu thiết kế phổ biến từ những chủ cửa hàng giàu hơn ở các ngôi làng khác, rồi những người chủ cửa hàng này lại bán cho các khách

Người bán và người mua

Không có người bán hay cửa hàng nào trong ngôi làng nhỏ ẩn mình sau những con đường nhỏ dẫn tới cánh đồng lúa này. Đây là một ngôi làng điêu khắc vẫn còn nghèo khó, nhưng ở đây có một người thợ điêu khắc thân thiện đã mở lời bán sản phẩm thủ công bằng xương trâu làm từ các dụng cụ cầm tay cho chúng tôi. Một sản phẩm có thiết kế hình cá và hoa sen kích cỡ 14*5 cm có giá 400.000 VND (18 USD) và giảm xuống còn 350.000 VND (16 USD).

kiếm được khoảng 400 USD mỗi tháng. Những cô, cậu bé này muốn kiếm tiền để nộp tiền học ở trường. Sau này, họ có thể trở thành những thợ điêu khắc gỗ và ngà chuyên nghiệp. Họ rất ngạc nhiên khi thấy chúng tôi nhưng đồng ý cho chúng tôi chụp ảnh khi làm việc với tư thế cúi đầu thấp xuống gần những bức chạm gỗ dài khoảng 60 – 90 cm. Trong số đó, có loại gỗ màu đỏ, được gọi là trác (đây là gỗ Thái Lan). Như thường lệ, người trông coi cho chúng tôi biết, người mua sản phẩm chủ yếu là những người Trung Quốc.

hàng Trung Quốc. Trong khi chủ các cửa hàng thu được lợi nhuận lớn từ các mặt hàng ngà voi thì những người thợ điêu khắc phải làm việc nặng nhọc ở nơi hẻo lánh này lại nhận được ít tiền hơn so với chủ các cửa hàng. Trong làng không có ngôi nhà mới hay chiếc ô tô nào.

Những khúc xương chạm rỗng này không có ánh ngà voi, nhưng so với tay nghề làm ra, thì giá bán không hề đắt. Ngôi làng nằm biệt lập và yên tĩnh, khác với mê cung thường ùn tắc và nhộn nhịp trong các thành phố ở Việt Nam. Những người mua lẻ không lui tới đây, và thay vào đó, các sản phẩm làm ra thường được tiêu thụ ngay trong ngôi làng hoặc đưa tới thị trường xuất khẩu.

Ngôi làng thứ tư

Phân xưởng và thợ chạm khắc ngà voi

Từ các thợ điêu khắc trước đó, chúng tôi được biết ngôi làng này đến nay vẫn có các hoạt động khắc ngà, và có thể tìm thấy các thợ thủ công cùng các phân xưởng nằm dọc theo một con đường quanh ngôi làng. Chúng tôi không thấy ai khắc ngà, bao quanh những người phụ nữ và đàn ông đó là những khối gỗ lớn, và họ đang khắc chúng thành những bức tượng bằng các dụng cụ cầm tay rải đầy trên sân. Họ mài miết làm việc, ngồi ở lối vào xưởng để thấy ánh sáng rõ hơn. Một số người ngồi trên vỉa hè với búa và khoan, để đục các bức tượng gỗ. Không ai thừa nhận có dùng ngà để làm việc,

Cửa hàng bán lẻ, các mặt hàng ngà voi và giá cả

Mặc dù chúng tôi được biết trong ngôi làng có chạm khắc ngà voi, nhưng hẳn đây là việc làm bí mật và không được tiết lộ. Giống các ngôi làng chuyên làm đồ thủ công mỹ nghệ khác, họ cung cấp các mặt hàng cho lái buôn để bán ở nơi khác. Chúng tôi không thấy các cửa hàng bán đồ ngà hay đồ nữ trang, và cũng không có du khách nào trong ngôi làng. Người dân trong làng

Người mua và bán hàng

Các thợ thủ công có những bản khắc từ gỗ hồng, gỗ tuyết tùng và gỗ mít trong phân xưởng. Họ sẽ bán cho ai muốn mua, nhưng họ cũng thừa nhận sản phẩm họ làm ra là để cung cấp sang thị trường Trung Quốc.

mặc dù những người thợ khắc gỗ có thể thấy dễ chịu hơn nếu được chuyển sang làm ngà. Chúng tôi quyết định đi vào cánh cổng làng cũ làm bằng đá và nghĩ rằng có thể nghe thấy tiếng khoan đục hay nhìn thấy một nghệ nhân làm ngà nào đó, nhưng không có gì cả. Lại một ngôi làng yên tĩnh nữa, nhưng ở đây có những ngôi nhà mới xây cao 2-3 tầng, có cổng vào làm bằng đá cẩm thạch. Hiển nhiên là ở đây, tiền kiếm được nhiều hơn. Chỉ còn lại rất ít những ngôi nhà thấp mang kiểu dáng truyền thống xưa.

vẫn trồng lúa và khá khép kín. Họ chỉ trưng bày các mặt hàng chạm gỗ trên lề đường để người đi qua nhìn thấy. Thêm một lần nữa, việc ghi lại những kết quả này cũng có ý nghĩa lớn với các nghiên cứu trong tương lai của chúng tôi, nhất là trong trường hợp số lượng ngà voi bán ra tăng lên, giống như tình trạng diễn ra ở ngôi làng đầu tiên vài năm gần đây.

Chúng tôi chú ý thấy có nhiều đầu bò cảnh được làm, do chúng được treo khá phổ biến trong văn phòng hoặc tại nhà của những người có quyền lực hoặc đang ham muốn vị trí quyền lực nào đó.



Thợ thủ công đang chế tác một khung bằng gỗ cho sừng bò Ankoli, loại có màu sắc và kích thước giống ngà voi. Các loại nanh/ ngà được đã bóng cũng có thể được dựng theo cách này, mặc dù chúng tôi không quan sát được sản phẩm cụ thể nào.



Một số thợ khắc gỗ lành nghề cũng có thể khắc ngà nếu như được giao việc, nhưng gỗ vẫn là nguyên liệu chính của các sản phẩm trong ngôi làng

Ngôi làng thứ năm

Phân xưởng và thợ chạm khắc ngà voi

Ngôi làng thứ năm nổi tiếng về chạm khắc mà chúng tôi tới nằm ở phía bắc Hà Nội. Mặc dù hầu hết sản phẩm mà chúng tôi thấy đều làm từ gỗ, vẫn có các sản phẩm từ ngà được bày bán rải rác trong các phân xưởng gỗ.

Một thợ điêu khắc được truyền nghề từ cha cho chúng tôi biết, có một vài mặt hàng làm từ ngà và gỗ trong tủ trưng bày ở phân xưởng của cô, bao gồm cả một bức khắc ngà voi khác thường có hình ảnh của một người đàn ông. Người phụ nữ này cho biết, cha cô đã khắc tượng đó từ 50 năm trước. Một điều thú vị là cô ấy nói với chúng tôi rằng cha mình được học cách khắc trong hợp tác xã làng, nơi có hơn 100 thợ điêu khắc, để sản xuất các mặt hàng ngà voi xuất khẩu. Cha cô giờ đã 73 tuổi và đang sống ở một thôn khác. Giờ ông chỉ hướng dẫn khắc đồ gỗ. Nhưng không may là thời gian hạn hẹp nên chúng tôi không thể đến gặp ông trong dịp này.

Một người phụ nữ bán hàng khác thừa nhận cô ấy có bí mật khắc ngà và tạo ra các sản phẩm mà chúng tôi thấy trong tủ trưng bày. Cô ấy nói có thể khắc ngà theo yêu cầu, nếu như được cung cấp ngà voi gốc. Ở đây có nhiều người cũng làm như vậy, cô ấy nói với người hướng dẫn, khi chúng tôi xem các mặt hàng bày bán. Chúng tôi không thấy bột ngà voi và cũng không thấy ai làm ngà voi trên đường lớn, vì rất dễ bị lộ nếu có ô tô hay ai đó đi qua. Vĩa hè là nơi khắc gỗ và các hoạt động

bề ngoài. Những người phụ nữ chạm khắc rất vui khi được phỏng vấn và chụp ảnh về công việc của họ. Họ vừa cầm búa và đục, vừa nói chuyện, nhiều người đeo găng tay để tránh ánh nắng, họ đeo cả khẩu trang và khăn quàng cổ. Một người cho biết, cô ấy bắt đầu khắc gỗ từ năm 18 tuổi, và giờ cô ấy đã 46. Cô ấy đã từng là chủ một phân xưởng và phòng trưng bày. Do có kinh nghiệm, nên cô ấy có thể làm khá nhanh và chỉ mất khoảng ba ngày để khắc xong một bức gỗ kích thước 130*40 cm. Có rất nhiều thợ lành nghề và giàu kỹ năng trong ngôi làng khắc gỗ này, họ có thể chuyển sang làm ngà nếu được.

Những người thợ khắc ngà trên vĩa hè dọc theo con đường chính luôn tấp nập của ngôi làng. Họ dùng các dụng cụ cầm tay để làm việc ngay trước phân xưởng với những mặt hàng bằng gỗ đã hoàn thiện, hoặc còn cần quét sơn vec-ni là bán được. Nhiều mặt hàng khá nặng, cần ô tô đỗ ngay trước phân xưởng để chuyển lên. Phần lớn những người thợ khắc là phụ nữ, họ dùng các dụng cụ cầm tay với tốc độ nhanh và khéo léo, trong khi đó những người được trả công ít hơn thì nhận việc đánh nhám các sản phẩm đã hoàn thành. Đối với công việc đánh giấy nhám không cần kỹ năng này, mỗi người phụ nữ được trả 3 - 4 triệu VND một tháng (133 - 178 USD) và nghỉ một ngày mỗi tuần.



Những con voi châu Á bằng gỗ được bày bán trong những cửa hàng dọc theo con đường chính của ngôi làng, cũng là nơi các thợ thủ công làm việc. Hình ảnh con voi mang nhiều ý nghĩa trong văn hóa Việt Nam và Trung Quốc.

Các thợ khắc gỗ thường nhận lương gấp đôi mức đó, với ngà cũng như vậy. Hầu hết các tượng gỗ là những nhân vật trong văn hóa dân gian của Trung Quốc, các bức tượng phật và voi gỗ thường để trang trí trước cửa vào và bán theo cặp. Cũng có những bình hoa bằng gỗ lớn, đặt nhiều trong nhà và công sở để tượng trưng cho đặc điểm “vô thường” của Phật giáo. Một vài chiếc tủ có đựng các đồ trang sức bằng gỗ như vòng hạt đeo tay.

Cửa hàng bán lẻ, mặt hàng và giá ngà voi

Chúng tôi đã thực hiện một cuộc điều tra mẫu trên 50 phòng trưng bày gỗ và tính được 4 cửa hàng có tủ bày ở trong, bán 69 sản phẩm ngà voi hoặc trung bình là mỗi cửa hàng bán 17 sản phẩm, từ 3 đến 30 sản phẩm. Nhìn chung đó đều là các sản phẩm mới được khắc tại địa phương. Tất cả được bày trong những chiếc tủ kính trước cửa hàng, cùng với những chiếc vòng đeo tay bằng gỗ có đính cườm đã qua kiểm định

Người bán và người mua

Các thợ thủ công có thể kiêm luôn chức bán hàng tạo ra các sản phẩm để bán sang thị trường Trung Quốc. Chúng tôi nhìn thấy một chiếc ô tô dừng trước một cửa hàng nơi có người đang mua hàng và chất đầy đồ gỗ mua lên xe.

Người hướng dẫn của chúng tôi nói đã bốn năm không tới ngôi làng này và nhận xét rằng nó đã phát triển hơn rất nhiều với các phân xưởng và thợ thủ công làm đồ gỗ. Những thợ lao động không còn làm đồ xà cừ nữa. Con đường chính xuất hiện dày đặc các phân xưởng bán những bức tượng gỗ trông giống nhau. Đây là nơi có số lượng các cửa hàng bán đồ gỗ nhiều nhất trong các ngôi làng mà chúng tôi đã tới.

của người Trung Quốc. Đôi khi cũng có mặt hàng bằng nhựa. Mặt hàng ngà phổ biến nhất được bán (36%) là mặt dây chuyền kiểu Trung Quốc dài 5cm (Bảng 16). Mức giá khoảng 50 USD nhưng có thể giảm 10%. Sản phẩm đắt tiền nhất là bức chạm khắc hình người trông khá đặc biệt được làm từ 50 năm trước, với mức giá 2000 USD.

Việc buôn bán ở đây dường như đang phát triển mạnh mẽ vì các thợ thủ công trông rất tích cực và phòng trưng bày của họ đầy đồ gỗ, nhưng ngôi nhà và cửa hàng của họ trông vẫn nghèo hơn so với làng đầu tiên.

Ngôi làng thứ sáu

Phân xưởng và thợ chạm khắc ngà voi

Một vài con đường quanh các ngôi làng ở miền bắc Hà Nội có đóng những cọc gỗ cao lớn thu được từ những cánh rừng đang bị suy yếu rất nhanh ở Việt Nam, Lào, Cam-pu-chia và Thái Lan. Có cả gỗ thông Nga ở đây. Người hướng dẫn của chúng tôi cho biết ngành công nghiệp gỗ đã phát triển hơn hẳn so với lần cuối ông tới đây năm năm trước, nguyên nhân là do sự phát triển của thị trường Trung Quốc. Thợ thủ công có thể xử lý cả ngà và gỗ nên số lượng đồ ngà có thể sẽ tăng lên.

Ngôi làng này từng làm nghề pháo nổ, nhưng chính phủ Việt Nam đã cấm sản xuất pháo từ năm 1995 do có quá nhiều vụ tử vong. Vì vậy, dân làng chuyển sang khắc xà cừ đặt trong đồ nội thất, và tranh ảnh bằng gỗ - một loại hình nghệ thuật nổi tiếng ở Việt Nam. Chúng tôi không thấy thợ điêu khắc ngà voi trong làng nhưng họ sẽ làm việc đó nếu được hoa hồng.

Cửa hàng bán lẻ, mặt hàng và giá ngà voi

Mặc dù mặt hàng khắc ngà đã được bán lẻ ngay từ khi ngôi làng bắt đầu làm nghề từ giữa những năm 1990. Nhưng thú vị là, chúng tôi không nhìn thấy ngà,

Người bán và người mua

Khắc ngà voi khá phổ biến cách đây 15 năm, đặc biệt là ở Trung Quốc, Việt Nam, Lào và Campuchia, nhưng đến nay, ít người bán mặt hàng này. Nhu cầu đồ khắc giảm dần trong năm năm gần đây do quá trình làm rất chậm và không có nhiều cải tiến trong cách làm. Người bán hàng cho chúng tôi biết, chỉ rất ít cá nhân muốn mua đồ khắc ngà, trong khi đó, không hề có nhu cầu mua đồ khắc xương. Người hướng dẫn chúng tôi cho rằng lượng đồ khắc đã giảm đáng kể so với năm

Chúng tôi tới một phân xưởng khám đồ trong làng để tìm hiểu việc mua bán ở đây. Ngà được sử dụng nhiều hơn khi khám đồ. Chủ cửa hàng vẫn dùng xà cừ để khám đồ vì hiện nay loại này đang khó kiếm, với hai nguồn chính nhập từ In-đô-nê-xi-a và Xing-ga-po. Ông có thể dùng ngà voi nếu khách hàng muốn. Ông cắt những miếng nhỏ bằng bàn tay khỏe mạnh và lưỡi cưa sắc bén. Có bảy thợ thủ công làm trong phân xưởng, mà muốn lên đó phải qua một cầu thang ọp ẹp ở sau cửa hàng bán lẻ. Ba người trong số họ cắt xà cừ, ba người rạch các đường trong miếng gỗ và khắc các mảnh vỏ trứng, và một người khắc mực đen vào mảnh khắc với những hình hoa như danh lam thắng cảnh. Người thợ thủ công nói có khoảng 10 ngôi làng khám đồ ở phía nam Hà Nội nơi ông đã lớn lên. Nhưng 15 năm trước ông đã tới ngôi làng này để phát triển nghề.

hay bất kỳ đồ gỗ có khắc ngà nào trong ngôi làng. Chỉ có đồ gỗ khắc xà cừ là được bày bán.

năm trước đây. Thời trang và thị hiếu luôn thay đổi. Đa số người mua là người Việt Nam, chứ không phải người Trung Quốc. Theo lời của các thợ thủ công/người bán hàng, ngày nay, nhu cầu của người Việt Nam hướng tới mặt hàng chất lượng cao, cần nhiều kỹ năng và thời gian, và nhiều người Việt có khả năng mua loại hàng này. Do vậy, càng khó khăn hơn khi muốn tạo ra lợi nhuận tương đương với những mặt hàng được sản xuất và bán ra trong khoảng thời gian ngắn.



Ngày nay có thể thấy nhiều đồ khắc xà cừ chi tiết và tỷ mỹ hơn so với đồ khắc ngà nhưng vẫn có đồ khắc ngà nếu khách hàng yêu cầu.

nowadays, but ivory is used in this village when requested.



Hình gấu và nai được khắc trên gác hươu và bày bán ở khu phố tàu, thành phố Hồ Chí Minh.



gà đúc từ nhựa, thay thế cho ngà voi thật, được người Việt dùng để trang trí phòng khách.



Trên bàn của một người bán hàng ở Hà Nội, khúc xương voi cho khắc dùng để chứa đồ. Một hàng khác được bày bán trong



Răng lợn (người bán hàng cho biết là răng lợn rừng) và nữ trang từ xương có nhiều trong hàng lưu niệm



húng tôi chỉ thấy duy nhất một sản phẩm làm từ ngà ma mút ở VN

Nguyên liệu thay thế ngà voi ở Việt Nam

Những chất liệu thay thế cho cả đồ nữ trang và tác phẩm điêu khắc bằng ngà voi ở Việt Nam là các loại gỗ và đá đặc biệt. Ví dụ, gỗ cây dâu tằm là một loại gỗ màu kem phổ biến, được dùng làm vòng hạt đeo tay cho trẻ sơ sinh để tránh tà. Chúng thường có giá khoảng 90.000 đồng/chiếc (4 USD). Một số loại gỗ đắt tiền hơn, một số thì có mùi thơm, chẳng hạn như gỗ đàn hương được sử dụng làm đồ trang sức và đồ trang trí. Những loại gỗ khác thì được dùng làm tác phẩm điêu khắc. Ở Trung Quốc, gỗ thạch đặc biệt có giá trị. Phổ biến nhất trong các loại đá để chạm khắc là ngọc, kể cả ngọc trắng. Đôi khi chúng được chạm khắc hình tượng Phật. Một mặt dây chuyền hình Phật bằng ngọc trắng dài 2 đến 3cm có giá khoảng 1 triệu đồng (44 USD).

Những thợ điêu khắc ngà voi mà chúng tôi đã nói chuyện nói rằng ngày nay không có ai trạm khắc ngà voi ma mút. Nhà xuất khẩu ngà voi ma mút của Nga đã khẳng định điều này và nói rằng ông ta không xuất khẩu ngà voi ma mút sang Việt Nam vì người Việt Nam không muốn nó (Nhận xét cá nhân, thực hiện vào tháng 1/2016). Nó là chất liệu thay thế trông giống ngà voi và dễ bị nhầm khi các mặt hàng được bán cùng nhau như ở Trung Quốc, đặc biệt là bán cùng các mặt hàng nhỏ hơn. Chúng tôi chỉ tình cờ thấy một mặt hàng bằng ngà voi ma mút: một mặt dây chuyền hình chữ nhật gồm có phần vỏ làm bằng ngà voi màu nâu rất dễ nhận biết. Nó được bày tại khu phố Tàu ở TP HCM. Những người bán hàng cho biết cái đó không phải để bán và thông dịch viên của chúng tôi đã khẳng định nó đã được

chạm khắc ở Việt Nam và được truyền qua 3 thế hệ. Tuy nhiên, chúng từng là loại mặt dây chuyền được chạm khắc bằng ngà voi ma-mút điển hình có giá rẻ hơn mà ở Trung Quốc, người ta gọi chúng là "vỏ".

Đôi khi trong các tủ kính là vòng tay và các mặt hàng khác trông giống ngà voi được người bán gọi bằng nhiều tên khác nhau: nhựa, nhựa thông, bột ngà, xương giả ngà, ngà dưới biển, v.v... Về giá cả, một mặt dây chuyền hình Phật bằng nhựa ở thành phố Hồ Chí Minh có giá khoảng 12 USD, bằng xương thì có giá khoảng 27 USD, bằng ngà thì khoảng 65 USD. Chúng thường được bán trong các chuỗi cửa hàng dành cho khách du lịch nằm san sát nhau. Đôi khi vòng tay giả bằng nhựa được trưng bày cạnh vòng ngà thật. Ở Hồ Chí Minh, một vòng nhựa lớn có giá 25 đến 50 USD. Ở ngôi làng du lịch gần Buôn Ma Thuột, một chiếc vòng tay cho người lớn có giá từ 6 đến 12 USD, và vòng tay cho trẻ em có giá 4 USD. Những chiếc vòng màu ngà này trở nên phổ biến trong khu vực này khi có nhiều ngà voi thâm nhập vào khu chợ. Theo như chúng tôi biết, trước kia, người Việt Nam không dùng, nhưng giờ nhiều người bắt đầu đeo vì trông chúng giống đồ thật.

Một số đồ chạm khắc hoặc các món đồ trang sức nhỏ được làm từ xương trâu, bò, lợn và cá. Những loại xương này có thể được nhận dạng bằng những đốm nhỏ đầy bụi, nhất là khi chúng đã cũ, ở đáy sẽ có một lỗ đầy bột xương, phổ biến nhất là ở các mặt dây chuyền hình Phật dài 2 đến 3cm. Chúng tôi cũng thấy xương voi thô được bán buôn tại thành phố Buôn Ma Thuột với giá 22 - 27 USD/kg, chủ yếu tùy thuộc vào kích

thước và phần xương đùi trước là đắt nhất. Ngoài ra, xương chân và xương sọ voi được tìm kiếm nhiều vì chúng được xem là chứa đựng tinh thần mạnh mẽ của con voi, tránh tà cho gia chủ. Một số xương voi được chạm khắc theo phong cách Trung Quốc và bày bán trong các cửa hàng đồ cổ ở Hà Nội. Một số dùng để bán, và một số được dùng làm hộp đựng bút chì trên bàn của người bán thay cho ngà truyền thống. Tại một cửa hàng đồ cổ, một tác phẩm xương voi được bán với giá 500 USD. Cũng ở Hà Nội, một vòng cổ bằng xương voi 108 hạt có giá 800.000 đồng (36 USD) và vòng cổ có chiều dài trung bình có giá là 500.000 đồng (22 USD).

Người ta thường không nói cái nào phạm pháp, và cái nào hợp pháp. Những người bán hàng chỉ muốn bán được hàng. Ở ngôi làng thứ hai của miền bắc Việt Nam mà chúng tôi tới, các nghệ nhân chuyên làm các mặt hàng từ sừng trâu và xương bò, chẳng hạn như lược, đĩa và vòng hạt. Số xương còn sót lại được dùng làm thức ăn cho gia súc, có giá 7.000 đồng/kg (31 USD/kg).

Nhiều sản phẩm khác từ voi cũng được bày bán, vì phần nào của con voi cũng được tôn sùng (Bảng 4). Lông voi được bán ở những cửa hàng bán lẻ hoặc được làm thành nhẫn, vòng đeo tay và dây chuyền, đôi khi được trưng bày trong các khay được đặt cạnh các mặt hàng ngà voi. Ở Hồ Chí Minh, chúng tôi được biết lông voi được dùng để xua đuổi ma quỷ, là một vật thần diệu để hạ sốt, và thậm chí là kiểm tra độc tố - bạn có thể cho 1 sợi lông vào chất độc, nó có thể đổi màu, cũng như đôi đĩa ngà mà chúng tôi đã nhắc đến. Thông thường lông voi được lấy từ đuôi con voi còn sống đã được thuần hóa (sợi dài từ 10 đến 25cm) để bán cho khách du lịch. Ở Tây Nguyên, Buôn Ma Thuột và các làng du lịch lân cận, chúng tôi đếm có 5 đến 8 đuôi voi được bày bán, một số có mùi của voi, còn số khác đã cũ và mất mùi của con vật. Chúng không được dùng để bán cho chúng tôi. Ngà từ răng cửa lớn của động vật có

vú khác rất hiếm gặp, nhưng có một mảng răng động vật nhỏ, đặc biệt là từ răng nanh, được dùng làm mặt dây chuyền. Các mặt hàng phổ biến nhất có tên là răng lợn rừng dài khoảng 8 cm có giá từ 18 đến 22 USD, nếu được chạm khắc như tại một cửa hàng ở chợ Bến Thành thì nó có giá 70 USD. Ở Tây Nguyên, răng gấu và răng hổ có giá 150 USD/chiếc. Đây là nơi mà nhiều sản phẩm từ động vật hoang dã được bày bán nhiều hơn là ở các thành phố. Răng báo có giá là 67 USD/cái. Tuy nhiên, hầu hết những mặt hàng này là đồ giả. Những chiếc răng được chạm khắc từ ngà voi đắt tiền có giá khoảng 130 USD, được đeo như mặt dây chuyền.

Khảm xà cừ phổ biến và được ưa chuộng hơn là khảm ngà voi. Những loài có vỏ xà cừ gồm có bào ngư, trai ngọc, trai ngọc môi vàng lớn và ốc anh vũ, tất cả đều có thể được sử dụng tại Việt Nam để làm đồ thủ công mỹ nghệ truyền thống của Việt Nam. Ở Hồ Chí Minh, một nghệ nhân kiếm người bán trong cửa hàng đồ mỹ nghệ của mình đang khảm miếng xà cừ lên gỗ để phục vụ khách hàng. Tại ngôi làng thứ sáu ở phía Bắc mà chúng tôi đến thăm, các nghệ nhân chuyên về khảm xà cừ. Các cửa hàng/xưởng khảm chính mà chúng tôi gặp bày bán các đồ nội thất chủ yếu được khảm xà cừ. Đôi khi xà cừ cũng được các thợ điêu khắc ngà voi sử dụng để làm các mặt hàng như mặt dây chuyền hình Phật dài 2,5cm có giá 900.000 đồng (40 USD).

Những chuỗi hạt trắng, sáng bóng được làm từ vỏ ngao được dùng làm vòng tay và dây chuyền rất phổ biến. Một vòng cổ có hạt làm từ vỏ ngao cỡ trung bình giá khoảng 120 USD. Nó trắng hơn, lạnh hơn và nặng hơn một chút so với vòng làm từ ngà voi. Thoạt nhìn thì trông giống nhau. Ở Trung Quốc ngày nay, chúng được bày bán nhiều hơn, cho thấy chúng ngày càng phổ biến ở các cửa hàng, vì chúng không bị cấm. San hô màu trắng và đỏ cũng được dùng làm đồ trang sức.



Buôn Ma Thuột, một số cửa hàng lưu niệm bán các mặt hàng được làm từ xương voi Châu Á: một chiếc lược có giá 22 USD và một chiếc hoa có giá 15 U



Ngày nay, sừng tê giác trở thành chất liệu đắt tiền thay thế ngà voi, được dùng để làm vòng tay và những mặt hàng phổ biến khác mà chúng ta thấy ở ngôi làng miền Bắc Việt Nam này. Đa số khách hàng là người Trung Quốc đại

Gạc hươu có nhiều và đôi khi cũng được dùng thay cho ngà voi để chạm khắc. Ở Hồ Chí Minh, một tác phẩm chạm khắc từ gạc hươu có giá 300 USD. Đôi khi nó được gọi là sừng hươu, và cũng được dùng để làm hạt vòng đeo tay (nhìn giống hạt vòng bằng sừng tê giác, một chất liệu thay thế đắt tiền mà chúng tôi thấy bày bán ở miền bắc Việt Nam). Một chiếc vòng hạt đeo tay lớn làm từ gạc hươu có giá một triệu đồng (44 USD) được trưng bày trong ngôi làng thứ năm khi chúng tôi đến miền Bắc. Ngược lại, một vòng tay bằng nhựa có kích cỡ tương tự có giá 200.000 đồng (9 USD). Đôi khi gạc hươu được gắn liền với đầu hươu làm đồ trang trí. Trong ngôi làng phía Bắc đầu tiên mà chúng tôi đến, chúng tôi chỉ thấy sừng tê giác thật. Đó là chất liệu thay thế ngà voi đắt tiền hơn nhiều (Vigne và Martin, 2016). Kể từ năm 2011, loại sừng này ngày càng phổ biến và được dùng để làm các món hàng nhỏ, chẳng hạn như vòng tay và vòng hạt đeo tay, giống như các món hàng được làm bằng ngà voi vậy.

Sừng trâu nước được chế tác thành nhiều đồ trang sức và các mặt hàng tiện dụng, là chất liệu thay thế ngà voi có giá rẻ hơn. Tại Hồ Chí Minh, một chiếc vòng hạt đeo tay có giá từ 120.000 đến 330.000 đồng (5–15 USD), trong khi vòng hạt đeo tay làm từ sừng trâu có giá từ 280.000 đến 455.000 (12–20 USD) tùy cỡ hạt.

Loại sừng lớn của bò Ankole cũng phổ biến. Những chiếc sừng này cong và có màu trắng nên giống ngà voi, nhưng chúng xoắn hơn và dĩ nhiên là rỗng. Chúng được dùng phổ biến để làm đồ trang trí trong nhà dân, thường là một cặp sừng cắm trên gỗ cắm lai được trạm khắc được đặt ở lối vào một căn phòng. Chúng đại diện cho quyền lực và sự giàu có, cũng như đầu gia súc, nhất là đầu bò đực lớn, và các động vật có sừng khác như linh dương châu phi và linh dương Kudu chủ yếu được bán ở thị trường Trung Quốc, đặc biệt là từ một số

ngôi làng quanh khu vực Hà Nội. Chúng tôi cũng thấy sừng linh dương Saiga được bán với giá khoảng 100 USD một cặp. Ở thành phố Hồ Chí Minh, chúng cũng được gắn lên tường để trang trí.

Trên khắp Việt Nam bày bán các loại móng vuốt, thường được bày bán cùng các mặt hàng từ ngà voi. Tuy nhiên, thông thường, móng vuốt của các loài động vật đang bị đe dọa đều là giả. Đàn ông có thể đeo chúng như mặt dây chuyền để xua đuổi ma quỷ. Cái được gọi là móng vuốt gấu được bán với giá 22 đến 23 USD, còn cái được gọi là móng vuốt hổ có giá khoảng 27 USD, móng vuốt báo có giá 231 USD.

Đôi khi mai rùa, đặc biệt là mai rùa đồi mồi, được trưng bày trên tường những cửa hàng bán lẻ. Trong ngôi làng phía bắc đầu tiên mà chúng tôi đến, một thương nhân Trung Quốc đang nhìn các mai rùa trong một cửa hàng bán các mặt hàng ngà voi. Ông được báo giá bằng đồng Nhân dân tệ (nhưng phải trả bằng tiền Việt Nam) các mặt hàng như vòng tay bằng mai rùa, vòng hạt, dây chuyền, quạt và lược. Ông đang tính mua một gọng kính có giá 750.000 đồng (33 USD).

Biết khách hàng phương Tây băn khoăn về ngà voi, đôi khi người bán hàng nói các mặt hàng bằng ngà voi thực ra được làm từ chất liệu khác. Ở Hồ Chí Minh, một chiếc nhẫn ngà voi trạm khắc hình rồng được gọi là "sừng nai" có giá 100 USD. Tương tự, ở Buôn Ma Thuột, một chiếc vòng bằng nhựa giả xương có thể được bày bán với giá 300.000 đồng (13 USD). Một lần nữa, đôi khi người bán không biết mặt hàng đó làm từ chất liệu gì hoặc họ chỉ nói những gì khách hàng muốn nghe.

Tuy nhiên những chất liệu này thường không thay thế ngà voi, dù chúng có thể thu hút khách hàng. Thông thường, người ta sẽ dùng những chất liệu thay thế đơn giản mà có thể khách hàng sẽ thích.



Hình tượng Quan thế âm bồ tát cùng với hình tượng Phật là một trong những mặt hàng phổ biến nhất tại Việt Nam và Trung Qu



Năm 2002, tại miền bắc Việt Nam, ngà voi trở nên khan hiếm. Trong hình là hai cha con đang chế tác một mảnh ngà voi nhỏ để tạc bùa hình Phật (loại nhỏ). Trước khi lượng ngà voi tăng lên và việc mặc cả với người Trung Quốc qua điện thoại thông minh chưa phổ biến, người môi giới mua các sản phẩm của họ để bán tại Hà Nội.

Xu hướng sử dụng ngà voi theo thời gian và địa điểm

Những xu hướng buôn bán ngà voi tại Việt Nam trong những thập kỷ gần đây

Trên thực tế, nền kinh tế Việt Nam trong thập niên 90 được quản lý khá lỏng lẻo trong khi khả năng chịu đựng của các doanh nghiệp tư nhân ngày càng tăng, cộng với việc chính phủ khuyến khích mở cửa du lịch chào đón du khách nước ngoài đã khiến tình trạng buôn bán ngà voi tăng trưởng chậm vào cuối những năm 90. Trong thập kỷ tiếp theo, giới nhà giàu Trung Quốc bắt đầu tới Việt Nam du lịch, kéo theo sự phát triển của nền công nghiệp ngà voi. Các xưởng thủ công tư nhân mọc lên ở những ngôi làng quanh khu vực thủ đô, chủ yếu phục vụ thị trường xuất khẩu; một số doanh nghiệp thậm chí còn trở thành đầu mối chính cung cấp các sản phẩm từ ngà voi toàn quốc.

Nhìn chung, cho tới năm 2008, nền công nghiệp ngà voi ở Việt Nam vẫn còn khá khiêm tốn khi đem ra so sánh trên bản đồ quốc tế. Nhưng hiện nay, Việt Nam đã trở thành một trong những nước có tỷ lệ bày bán các sản phẩm ngà voi mới và trái phép lớn nhất trên thế giới. Trong khoảng năm 2008, các bộ ngà chủ yếu được lấy từ voi hoang dã của các nước như Việt Nam, Cam-puchia và Lào (Stiles 2008). Do nền công nghiệp ngà voi nở rộ cùng với sự suy giảm nghiêm trọng quần thể loài voi ở khu vực Đông Dương, trong thập kỷ tiếp theo, nguồn ngà chính chủ yếu xuất phát từ châu Phi.

Giá bán buôn ngà voi tại Việt Nam tăng từ 100-200 USD/kg cho khối lượng ngà từ 3-4kg vào năm 1990 lên tới 500-1.000 USD/kg theo thị trường thế giới vào năm 2008 (Bảng 17). Nguyên nhân của sự tăng giá khủng khiếp này chính là nhu cầu ngà mới tăng vọt ở Việt Nam nhằm phục vụ thị trường chạm khắc, ngoài ra, nguồn cung ngà từ các nước Đông Dương cũng bị hạn chế do số lượng voi tại đây suy giảm nghiêm trọng. Trong năm 2015, ngà thô, chủ yếu nhập lậu từ châu Phi, được bán với giá buôn tại Việt Nam là 889-1.334 USD (so với giá trung bình từ 10 đầu nậu khác nhau là 1.116 USD). Mức giá này không đổi so với thời kỳ 7 năm trước (Bảng 17). Đến năm 2015, giá ngà voi lậu đã ngang mức giá ở thị trường Trung Quốc, hay nói cách khác, mức giá trong khu vực đã khá đồng đều.

Ông Stiles ước tính, cho tới năm 2008 trên toàn quốc có ít nhất 17 thợ thủ công. Ông đã đếm được 11 thợ chạm, một tại Hà Nội và 10 thợ khác tại những làng ngoại thành (Stiles 2008). Có ít nhất 79 thợ chạm/ thợ thủ công ngà voi: 1 người tại thành phố Hồ Chí Minh, 4 người ở Buôn Ma Thuột, ít nhất 61 người tại các làng miền Bắc đầu tiên, 11 người tại các làng thứ 3, và hai người ở làng thứ 5. Với sự mở rộng của thị trường ngà thô ở Việt Nam, chúng tôi quan ngại rằng số lượng thợ thủ công đã tăng lên ít nhất 10 lần kể từ năm 2008.

Từ năm 2001 đến năm 2008, tại thành phố Hồ Chí Minh, theo quan sát của ông Stiles, số lượng các cửa hàng bán sản phẩm ngà voi đã tăng thêm khoảng 30%. Từ năm 2008 đến năm 2015, con số này tiếp tục tăng thêm gần 2,5 lần. Từ năm 2001 đến năm 2008, ông Stiles ghi nhận số lượng đồ ngà voi được bán tại thành phố Hồ Chí Minh giảm 22%. Từ năm 2008 đến năm 2015, số lượng này lại tăng 1,5 lần (Bảng 18). Ở Hà Nội, từ năm 2001 đến năm 2008, số lượng các cửa hàng bán các sản phẩm thủ công từ ngà voi đã giảm xuống, tuy nhiên từ năm 2008 đến năm 2015, con số này đã tăng gấp 3 lần. Từ năm 2001 đến năm 2008, thống kê tại Hà Nội cho thấy số lượng đồ ngà voi đã giảm 47%, từ năm 2008 đến năm 2015, giảm 9% (Bảng 19). Một lý do khiến cho thành phố Hồ Chí Minh có số lượng đồ ngà voi được bày bán tăng lên chính là sự gia tăng của khách du lịch Trung Quốc tới đây, đặc biệt là tới những cửa hàng bán đồ tại Khu Trung Quốc (khu vực Chợ Lớn) để mua nữ trang bằng ngà mới theo kiểu Trung Quốc. Còn tại Hà Nội, lý do sụt giảm số lượng đồ ngà là do tại đây không có Khu phố Tàu như ở Hồ Chí Minh, và khu vực dành cho khách du lịch chủ yếu gồm nhiều khách Tây và cảnh sát, do đó những người bán hàng không dám bày bán những sản phẩm ngà voi. Đa số du khách Trung Quốc hiện nay có thể mua lẻ sản phẩm ngà voi trực tiếp từ các làng quanh Hà Nội, nơi chính quyền quản lý chưa chặt chẽ.

Khác biệt lớn so với năm 2008 chính là sự mở rộng thị trường ngà voi ở một số làng, đặc biệt là các làng phía Nam Hà Nội. Một trong ba làng chạm ngà voi mà ông Stiles đã tới vào năm 2008 đã trở thành làng buôn bán đồ ngà voi sầm uất nhất. Đây chính là ngôi làng đầu tiên gần Hà Nội mà chúng tôi tới thăm, số lượng thợ chạm và đồ ngà voi ở đây đã tăng lên đáng kể, giờ không chỉ phục vụ riêng cho bán buôn, mà còn mở rộng cả bán lẻ. Ông Stiles không thấy một gian hàng bán lẻ nào để khảo sát (Stiles 2008). Rất nhiều đồ ngà voi được chế tác năm 2008 là tượng có nguồn gốc Trung Quốc, điển hình như Quán Thế Âm Bồ Tát. Những mặt hàng này được thương lái mua để phục vụ thị trường Trung Quốc (Stiles, pers. comm. 2016). Ngày nay, ngôi làng này đã trở nên nổi tiếng về ngà voi, chiếm tới 61% số lượng sản phẩm ngà voi đối với thị trường bán lẻ, theo số liệu thống kê điều tra năm 2015. Đây chính là số liệu được thống kê đầu tiên tại ngôi làng ngà voi lớn nhất trên cả nước cho đến nay.

Một khu vực khác cũng nổi tiếng với thị trường bán buôn ngà voi từ năm 2008: Tây Nguyên, tập trung tại Buôn Ma Thuột và làng du lịch gần đó. Hai địa điểm này cũng được khảo sát lần đầu tiên bởi các nhà nghiên cứu Nguyễn và Willemsen (2015). Số lượng khách du lịch tới đây gia tăng đột biến, do cung đường dẫn tới làng du lịch rất dễ đi, tỷ lệ người giàu châu Á đi nghỉ ở khu vực này tăng lên, có nghĩa họ có khả năng chi trả cho những món quà lưu niệm đắt tiền bằng ngà voi.



năm 2008, một phụ nữ tại một ngôi làng ở miền bắc Việt Nam đã đóng vai môi giới để bán ngà voi thô buôn lậu từ Lào cho thợ thủ công và sau người này đã mua lại sản phẩm mỹ nghệ nhà voi từ thợ thủ công cho mình.



Những món đồ cổ được chế tạo bằng ngà voi, như nút hoa tai của người M'Nong này, đang dần vắng bóng tại các cửa hàng so với vài năm trước.

Từ năm 2008 đến 2015, các mặt hàng sản phẩm mỹ nghệ ngà voi khảo sát được tại Việt Nam chủ yếu là trang sức, đặc biệt là mặt dây chuyền và vòng tay, lắc tay dành cho trẻ nhỏ. Năm 2008, phần lớn các mặt dây chuyền cỡ nhỏ 2,5cm có hình Phật Quan Âm được người Việt ưa chuộng nhưng đến năm 2015, rất nhiều mặt dây chuyền cỡ lớn 5cm, tròn hoặc vuông, khắc hình Phật được chế tạo và xuất sang thị trường Trung Quốc. Bên cạnh ngà voi, một số cửa hàng còn bày bán các sản phẩm làm bằng mai rùa vào năm 2008 (Stiles, 5/2016), và đến năm 2015 tình trạng trên vẫn tiếp diễn khi có nơi còn buôn bán nhiều sản phẩm có nguồn gốc từ động vật hoang dã cùng một lúc.

Theo dữ liệu thu thập tại TP HCM và Hà Nội, giá bán lẻ các thành phẩm như vòng tay, đĩa, tẩu thuốc, vòng cổ và nhẫn tại Việt Nam đã tăng gấp 8,4 lần (tỷ giá USD) từ năm 1990 đến năm 2008. Nguyên nhân là do giá ngà voi thô tăng mạnh (gấp 7,3 lần) và chi phí nhân công cao. Từ năm 2008 đến năm 2015, giá bán lẻ của 5 mặt

hàng trên tại Việt Nam chỉ tăng khoảng 1,7 lần. Điều này xuất phát từ việc giá bán buôn ngà voi thô gần như không đổi trong giai đoạn 2008 - 2015 (Bảng 17).

Những người mua và tích trữ ngà voi như một công cụ đầu cơ vào những năm 1990 - 2008 có thể thu được lợi nhuận lớn. Nhưng từ năm 2008 đến năm 2015, con số thu về không đáng kể.

Năm 2008, tỷ lệ khách hàng mua nhiều lần lượt là người Trung Quốc (bao gồm cả Hồng Kông và Đài Loan), Thái Lan, Việt Nam, Việt kiều Mỹ và một vài người châu Âu. Ngược lại, bản điều tra của chúng tôi cho thấy ít nhất 75% tổng số khách hàng là người Trung Quốc đại lục.

Để thay thế cho ngà voi, cuối những năm 1990, người Việt Nam đã mua hóa thạch ngà voi ma mút tại Nga và chuyển từng lượng nhỏ về nước (Stiles, 2008 và 5/2016). Ngày nay, không còn ngà voi ma mút được nhập vào Việt Nam và cũng chỉ có một lượng nhỏ đồ chế tác từ ngà voi ma mút được bày bán tại TP HCM.



Hầu hết người Việt Nam đều không ý thức được các sản phẩm ngà có liên hệ đến ngà voi và hiểu biết rất ít về các mối đe dọa đối với loài

Xu hướng buôn bán ngà voi tại Việt Nam trong năm 2015

Đến thời điểm hiện tại, hầu hết thợ chế tác ngà đều sống tại những ngôi làng ở miền Bắc Việt Nam. Chúng tôi đã có dịp đến thăm một ngôi làng nghề. Tại đây, chúng tôi bắt gặp ít nhất 10 phân xưởng sản xuất ngà tư nhân; một số còn thuê thêm nhân công để sản xuất số lượng hạt lớn bằng máy móc. Ở Tây Nguyên, không có xưởng chế tác ngà nào được đặt tại khu vực nông thôn, ngoại trừ một phân xưởng duy nhất tại thị trấn Buôn Ma Thuột. Phân xưởng này chỉ chế tạo bằng máy một số lượng nhỏ sản phẩm như nhẫn và vòng tay làm từ ngà voi châu Á, chủ yếu được lấy từ những con voi nhà tại Lào. Cả TP HCM và Hà Nội đều không có cơ sở chế tác ngà voi lớn do tiền thuê cao và sự xuất hiện của lực lượng cảnh sát. Nhưng đôi khi những người thợ cũng có thể lén lút chế tác ngà voi ở phía sau cửa hàng như cảnh tượng mà chúng tôi từng bắt gặp ở Chợ Lớn, TP HCM. Tuy nhiên, họ cũng cảnh giác hơn nhiều bởi người thợ kể trên đã ngay lập tức giấu đi chiếc vòng tay bằng ngà mà anh ta đang chế tác khi nhìn thấy chúng tôi. Trong khi đó, những người thợ ở nông thôn lại tỏ ra khá thoải mái khi được chụp ảnh, ngoại trừ một ngôi làng ở miền Bắc nơi có ít khách du lịch, quản lý của xưởng đã yêu cầu những người thợ trẻ tại đây ngừng làm việc khi chúng tôi xuất hiện.

Tổng cộng, chúng tôi đã gặp một người thợ trong cửa hàng ở TP HCM, bốn người ở Buôn Ma Thuột, 10 phân xưởng ở làng nghề nhộn nhịp nhất với mỗi xưởng có từ 1-10 thợ, cộng với 7 người thợ chuyên đánh bóng và xâu hạt tại các gian hàng. Ở ngôi làng thứ ba, chúng tôi gặp 2 xưởng với một xưởng gồm 10 người và xưởng còn lại chỉ có 1 người thợ cả. Tại ngôi làng thứ năm, chúng tôi gặp 2 người thợ. Số lượng thợ nữ và nam ở các địa điểm đều khá cân bằng.

Về hoạt động mua bán, TP HCM với dân số 8,2 triệu người là nơi có số lượng cửa hàng bày bán đồ bằng ngà lớn nhất (116); Hà Nội, với 7,6 triệu dân chỉ có 29 cửa hàng với 371 sản phẩm (Bảng 19). Độ sẵn có của ngà trong cửa hàng cũng có mối quan hệ với số lượng cảnh sát tại từng địa điểm khi các thành phố lớn tập trung nhiều nhất, còn thành thị lại ít nhất. Ngôi làng nghề đầu tiên là nơi có nhiều sản phẩm nhất trên cả nước: 9,893 chiếc trong 53 gian hàng. Tính trung bình, mỗi gian hàng có 187 sản phẩm làm từ ngà. Khu vực xung quanh thị trấn Buôn Ma Thuột (dân số 350.000 người) ở Tây Nguyên có tỷ lệ trung bình cao thứ hai với 1.965 sản phẩm trong 24 cửa hàng và 703 sản phẩm trong 16 gian hàng lưu niệm (Bảng 20).

Các cửa hàng bán sản phẩm từ ngà voi tại thành thị phần lớn đều bán những trang sức đắt tiền còn những ngôi làng ở miền bắc lại chủ yếu chuyên về các món đồ gỗ và ngà. Nhìn chung ở Việt Nam, chúng tôi tìm thấy các sản phẩm bằng ngà tại 109 cửa hàng trang sức và 60 gian hàng chuyên về ngà gỗ, các cửa hàng đồ cổ tại các thành phố (36) và cửa hàng đồ lưu niệm (22) tại các trung tâm thành thị lớn hơn, một vài gian hàng vẫn bán các sản phẩm ngà trong khách sạn (6) nhưng không có cửa hàng nào trong trung tâm thương mại (Bảng 21).

Trong số các sản phẩm bày bán tại sáu địa điểm trên, mặt dây chuyền chiếm tỷ lệ cao nhất (Bảng 22). Tất cả sáu địa điểm bán đồ ngà đều có cùng 5 mặt hàng bán chạy nhất: vòng tay, khuyên tai, dây chuyền (thường theo dạng tràng hạt), mặt dây chuyền và nhẫn. Hầu hết các sản phẩm này đều mới được chế tạo và có hình dáng giống nhau tại tất cả các địa điểm. Những sản phẩm cũ hơn khá hiếm và chỉ có tại 2 thành phố lớn, thường là trong những cửa hàng đồ cổ.

Mặc dù nhìn chung các sản phẩm được bày bán trên cả nước đều giống nhau, nhưng những món đồ trang sức nhỏ, đặc biệt là mặt dây chuyền và vòng tay, vẫn có một điểm khác biệt. Những mặt dây chuyền cỡ nhỏ 2,5cm hình Phật xuất hiện ở hầu hết các cửa hàng TP HCM

thì ở miền Bắc, độ phổ biến của chúng lại suy giảm. Càng tiến gần biên giới Trung Quốc, kích thước của mặt dây chuyền lại càng tăng.

Những sản phẩm ấn ngà cũng rất ít – chỉ chiếm chưa đầy 1% các sản phẩm ở Buôn Ma Thuột, làng du lịch và khu vực miền Bắc. Những chiếc ấn triệu ở TP HCM và Hà Nội thường là hàng đã qua sử dụng, bị lấm mực và được bán trong cửa hàng đồ cổ. Rõ ràng nhu cầu của mặt hàng này ở Việt Nam là không cao. Các thương gia Trung Quốc thường thích những sản phẩm có kích thước nhỏ để dễ dàng vận chuyển lậu qua biên giới và đem về bán trái phép tại thị trường nội địa.

Trung bình, một chiếc vòng tay người lớn có giá rẻ nhất là 256 USD tại ngôi làng đầu tiên, nơi chúng tôi thu được nhiều thông tin nhất, tiếp theo là Buôn Ma Thuột 302 USD, Hà Nội là 433 USD và TP HCM là 540 USD. Giá tấu thuốc cũng tăng theo thứ tự trên, từ 44 USD, 69 USD, 122 USD đến 144 USD (Bảng 23). Xu hướng trên không có nhiều thay đổi đối với những sản phẩm khác, ngôi làng đầu tiên gần Hà Nội thường có giá bán rẻ nhất, sau đó là các cửa hàng ở Tây Nguyên và cuối cùng là 2 thành phố lớn, nơi thường đắt đỏ hơn và có ít sự lựa chọn hơn (Bảng 24).



Đây là những sản phẩm bằng ngà được bày bán phổ biến ở TP HCM cũng như nhiều địa phương khác trên cả nước.

Những người bán hàng ở Tây Nguyên cũng như 2 ngôi làng gần Hà Nội khá thoải mái trong việc bày bán công khai những sản phẩm làm bằng ngà. Họ không sợ lực lượng thanh tra có thể thu giữ mặt hàng của mình. Điều này hoàn toàn trái ngược với thủ đô Hà Nội, nơi cảnh sát xuất hiện dày đặc để bảo vệ sự bình an cho các du khách. Cùng với số lượng khách du lịch ngày càng tăng trong những năm gần đây nhờ chất lượng cơ sở hạ tầng và khách sạn được nâng cấp, lực lượng cảnh sát cũng được tăng cường, khiến những người bán hàng không dám trưng bày các sản phẩm. Họ chỉ đặt chúng trong tủ kính nằm khuất mà chỉ có các khách hàng thực sự quan tâm đến sản phẩm bằng ngà mới nhìn thấy.

Phần lớn các cửa hàng đồ cổ có sản phẩm bằng ngà nằm tại TP HCM. Tiếp đến là Hà Nội, không có cửa hàng nào được nhìn thấy tại Tây Nguyên và các ngôi làng ở miền Bắc Việt Nam.

Tại các thành phố, đặc biệt là ở TP HCM, nhiều cửa hàng bán lẻ trưng bày sản phẩm làm từ ngà voi bên cạnh các món đồ làm giả từ xương hay nhựa. Điều này khiến việc phân biệt trở nên khó khăn hơn. Trong khi đó, tại những ngôi làng ở miền Bắc, đặc biệt là nơi có hoạt động nhộn nhịp nhất, người bán không cần đến những mặt hàng thay thế từ xương hay nhựa. Những người bán cũng tỏ ra khá lạc quan về tình hình kinh

doanh, dễ nhận thấy nhất là ở các ngôi làng miền Bắc, nơi có lượng doanh thu khổng lồ từ việc chế tạo các sản phẩm ngà mới nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng cao của quốc gia láng giềng. Số lượng người Trung Quốc đại lục đến Việt Nam chiếm tỷ lệ cao nhất trong tổng số du khách nước ngoài, và vẫn tiếp tục tăng mạnh thời gian qua, từ 905.000 vào năm 2010 lên đến 1.908.000 năm 2013 (Việt Nam 2015), chủ yếu là để mua sắm bởi giá thành rẻ hơn rất nhiều so với trong nước. Được biết, khách hàng mua ngà tại Việt Nam chủ yếu là công dân Trung Quốc nhưng các ngôi làng ở miền Bắc mới là nơi tập trung hoạt động xuất khẩu. Chúng tôi chứng kiến hầu hết những người mua, bao gồm cả thương lái, đầu nậu và khách hàng mua lẻ, đều là người Trung Quốc. Những mặt dây chuyền hình Phật dạng nhỏ mà người Việt ưa chuộng chủ yếu được bán tại TP HCM và Tây Nguyên. Các du khách người Trung Quốc, Việt Nam hay Đông Á đến Tây Nguyên để thăm quan hay dự hội thảo thích mua sắm mặt hàng làm bằng ngà bởi đây là khu vực nuôi voi nổi tiếng. Trong chuyến đi, chúng tôi nhìn thấy một đoàn khách du lịch người Trung Quốc đang cưỡi voi đi ngang qua dãy phố bán đồ lưu niệm. Đây là nơi có tỷ lệ bày bán lặt vặt trẻ em lớn nhất (6% số sản phẩm nhìn thấy). Chúng thường nhỏ và dễ dàng mang về nhà như một món quà lưu niệm.



Những sản phẩm làm bằng ngà ở Việt Nam như chiếc lược ở hình bên trái được chế tác rất nhanh và bày bán phổ biến hơn so với những tác phẩm tinh xảo từ Nhật Bản, vốn chỉ xuất hiện rất ít ở thành phố.



Những bức tượng ngà khắc hình châu Phi không phổ biến tại Việt Nam và Trung Quốc bởi chúng không có chất lượng cao và không được chú ý tại châu

So sánh tình trạng buôn bán ngà tại Việt Nam và Trung Quốc đại lục năm 2015

Ngà voi hầu hết đều được nhập trái phép từ châu Phi vào cả Việt Nam và Trung Quốc trong năm 2015. Giá bán buôn của chúng ở 2 nước là tương đương (điều tra của các tác giả vào năm 2015, đã xuất bản).

Đa số các sản phẩm làm tại Việt Nam chỉ chạm khắc đơn giản bằng máy và không có chất lượng cao; hầu hết các thợ chế tác đều trẻ và mới được đào tạo để đáp ứng nhu cầu tăng cao của thị trường. Một số người thợ thực hiện các công đoạn tỉ mỉ bằng vật dụng thủ công, trái ngược với Trung Quốc, nơi phần lớn đều sử dụng máy khoan điện.

Giá thành nhân công tại Việt Nam cũng rẻ hơn so với Trung Quốc. Trung bình, một người thợ chế tác ngà ở Việt Nam nhận mức lương 200-400 USD/tháng so với 875-2.000 USD ở Trung Quốc, một số thợ lành nghề có thể nhận tới 5.000 USD/tháng. Việt Nam sản xuất phần lớn các mặt hàng giá rẻ để nhanh chóng thu về lợi nhuận, và có kích thước nhỏ để dễ dàng tuồn sang thị trường chợ đen Trung Quốc. Trong khi Trung Quốc có nhiều thợ lành nghề chuyên sản xuất các sản phẩm lớn với độ tinh xảo và thiết kế độc đáo hơn. Những người này tự nhận mình là các nghệ nhân có trách nhiệm bảo

tồn truyền thống văn hóa ngà của dân tộc, bất chấp những lệnh cấm buôn bán ngà voi trong nước. Họ có thể mất từ 2-3 năm để chạm khắc một chiếc ngà lớn. Trong khi đó, Việt Nam vẫn còn khá non trẻ trong lĩnh vực này và những người thợ thường chế tạo sản phẩm với số lượng lớn mà không quan tâm nhiều đến tính nghệ thuật. Chạm khắc ngà đã trở thành một ngành nghề nhanh chóng đem lại lợi nhuận thay thế chạm khắc gỗ.

Dạng cửa hàng bán lẻ chủ yếu là cửa hàng trang sức ở các tỉnh thành Việt Nam, so với những cửa hàng chuyên về ngà voi tại đô thị lớn của Trung Quốc. Những sản phẩm ở Việt Nam chủ yếu là hàng buôn bán trái phép, trong khi hầu hết các gian hàng ở Trung Quốc đều có giấy phép chứng nhận. Có rất ít sản phẩm kích thước lớn được bán ở Việt Nam. TP HCM và Hà Nội có doanh số bán các mặt hàng liên quan đến tín ngưỡng và tượng hình người (chủ yếu là người già) chiếm lần lượt 7% và 10% so với Thượng Hải là 15% và Bắc Kinh là 17% (chủ yếu là mới chế tạo) (Vigne và Martin 2014).

Đồ trang sức chiếm tỷ lệ lớn tại Việt Nam hơn so với Trung Quốc. Tại Trung Quốc, những sản phẩm có kích thước lớn và nguyên ngà vẫn được nhìn thấy ở đại lý hợp pháp nhiều hơn Việt Nam.

So sánh các mặt hàng phổ biến như: vòng tay, tấu thuốc, ấn triện, và mặt dây chuyền đều có giá đắt hơn tại Trung Quốc đại lục. Cụ thể, vào năm 2014, giá bán trung bình của 5 mặt hàng này tại Bắc Kinh và Thượng Hải đắt hơn gấp 3,5 lần so với ở TP HCM và Hà Nội, và gấp 7 lần so với giá bán lẻ tại ngôi làng đầu tiên ở miền Bắc (Bảng 24).

Nguyên nhân chính là do các sản phẩm bằng ngà ở Trung Quốc đại lục có chất lượng cao hơn, cũng như chi phí nhân công đắt đỏ hơn đã khiến giá cả tại cửa hàng thành phố lớn của Trung Quốc bị đội lên rất nhiều. Những ngôi làng ở miền Bắc Việt Nam có giá rẻ nhất vì bán trực tiếp sản phẩm từ nhà xưởng cho khách hàng mua lẻ (bên cạnh chủ buôn).

Một nguyên nhân khác là hầu hết sản phẩm bày bán ở cửa hàng có giấy phép đăng ký của Trung Quốc đại lục đều là hàng hợp pháp với thẻ và giấy xác nhận, gây tổn kém cả về gian và tiền bạc.

Mặc dù đôi khi các sản phẩm ngà mới vẫn được bày bán một cách trái phép tại Trung Quốc song những cửa hàng không có giấy phép của nước này chủ yếu đều bán những món đồ cũ (sản xuất trước năm 1990), trong khi ở Việt Nam hầu hết là hàng mới (sản xuất sau năm 1990). Tại Việt Nam, những sản phẩm ngà không cần phải có thẻ xác minh mặc dù ngà được lấy từ những con voi nhà trước năm 1992 vẫn được chế tác và bày bán. Điều này tạo nên một lỗ hổng lớn về pháp lý.

Ở Việt Nam không có ngà voi thô để chế tác hay bày bán. Hầu hết sản phẩm trong cửa hàng đều được làm từ ngà voi thô mới được săn bắt từ châu Phi. Còn tại Trung Quốc, chính quyền vẫn bán cho người dân ngà voi thô được mua từ các phiên đấu giá ở châu Phi vào năm 2008. Chúng được coi là hợp pháp và có giấy xác nhận. Tuy nhiên, đa phần các sản phẩm ngà lại được chế tác trái phép và không xuất hiện trong các cửa hàng, mà mua bán lén lút qua mạng Internet hay nhờ mối quan hệ. Việt Nam và Trung Quốc đại lục có khá ít các món đồ ngà cổ thật được bày bán (Vigne và Martin 2014).



cả Việt Nam và Trung Quốc đại lục, những sản phẩm làm từ xương như trong hình đôi khi bị giả là ngà để lừa bán cho những khách hàng thiếu kinh nghiệm



hững bộ phận của voi như da (trên) và lông đuôi (dưới) có thể mua tại cửa hàng của Việt Nam, song lại rất khó tìm tại các cửa hàng Trung Quốc



Một điểm khác biệt lớn giữa 2 nước là ngà voi ma mút - một loài động vật đã tuyệt chủng - vẫn xuất hiện và được bán trái phép tại Trung Quốc, khiến việc phân biệt chúng với ngà voi hiện đại càng trở nên khó khăn (Vigne and Martin 2014). Tại Việt Nam, chúng tôi không thấy ngà voi ma mút được sử dụng để chế tác và chỉ có một sản phẩm rất nhỏ được bày bán. Do đó, tình trạng thật giả lẫn lộn và những hệ lụy của nó không diễn ra tại Việt Nam.

Người bán tại Trung Quốc lo lắng về tương lai nghề buôn bán ngà voi hơn so với những đồng nghiệp của họ tại Việt Nam. Sự suy yếu của ngành kinh tế thời gian

qua đã có tác động tiêu cực đến những đại lý buôn bán và chính quyền trung ương ngày càng tăng cường nhiều biện pháp hạn chế do sức ép chính trị (Vigne và Martin 2014). Trong khi những chiến dịch kêu gọi cắt giảm nhu cầu đã làm gia tăng áp lực khiến chính quyền Trung Quốc phải cải tổ lực lượng hành pháp thì tại Việt Nam, điều này là rất ít. Cùng với chi phí sản xuất rẻ, việc xuất khẩu trái phép ngà voi từ Việt Nam sang Trung Quốc ngày càng tăng cao và dần thay thế thị trường ngà voi hợp pháp đang chật vật tồn tại ở Trung Quốc.



ong các phân xưởng ở miền Bắc Việt Nam, thợ làm ngà đang dần bị thay thế bởi những chiếc máy sản xuất hàng loạt và cho năng suất cao. H
ng có thợ lành nghề đủ khả năng làm ra các tác phẩm nghệ thuật tinh xảo như những món đồ cổ có xuất xứ từ Trung Quốc được bày bán ở T
HCM dưới đầ



Thảo luận

Năm 2008, Stiles kết luận, ‘Thị trường buôn bán ngà tại Việt Nam vẫn còn khá khiêm tốn so với quy mô toàn cầu’. Đến năm 2015, thị trường ngà tại Việt Nam đã phát triển nhanh chóng và thuộc hàng đầu thế giới. Qua khảo sát, rất nhiều sản phẩm bằng ngà mới được phát hiện so với năm 2014 (Nguyễn và Willemsen 2015) chủ yếu là do bản khảo sát năm 2014 không tính ngôi làng đầu tiên gần Hà Nội, nơi hiện có số lượng sản phẩm bằng ngà được bày bán nhiều nhất tại Việt Nam trong năm 2015 mà chúng tôi được biết. Cả ngôi làng này lẫn nhiều ngôi làng khác đều không được đề cập đến trong Kế hoạch Hành Động Quốc gia về Ngà voi từ tháng 7/2014 đến tháng 7/2015 (CITES 2015).

Phần lớn ngà voi thô nhập lậu từ châu Phi đều được xử lý rất nhanh và theo số lượng lớn bằng máy móc để chế tạo nên những chiếc vòng tay và mặt dây chuyền trái phép nhằm đáp ứng nhu cầu tăng cao từ Trung Quốc. Khi các biện pháp hạn chế tình trạng buôn bán ngà voi ngày càng được thắt chặt, những kẻ buôn lậu người Trung Quốc đã chuyển hướng nguồn cung sang thị trường Việt Nam, dẫn đến nhu cầu về ngà voi thô và buôn bán ngà voi tăng cao tại miền Bắc Việt Nam, nơi lực lượng thực thi pháp luật còn yếu và mỏng.

Tại khu vực biên giới Việt - Trung, những thương lái Trung Quốc trở về từ Việt Nam rất ít khi bị bắt giữ tại hải quan cửa khẩu. Họ có thể dễ dàng di chuyển với những mặt hàng nhỏ được giấu trong hành lý (Liu 2015). Họ cũng có thể chọn cách đi qua các cửa khẩu không có trạm hải quan, gây khó khăn cho lực lượng hành pháp.

Theo ông Nguyễn Mạnh Hà, người đã có kinh nghiệm 15 năm làm việc tại cơ quan quản lý CITES tại Hà Nội về vấn đề buôn bán động thực vật hoang dã, Việt Nam chỉ là điểm trung chuyển ngà voi và sừng tê giác châu Phi kể từ năm 2009 với 90% lượng hàng được xuất khẩu sang Trung Quốc, nơi có nhu cầu lớn nhất đối với mặt hàng này (tháng 2/2016). Ông Hà cho biết thêm, nhiều người mua các sản phẩm bằng ngà chỉ vì mục đích phô trương thanh thế; họ là những người giàu mới nổi ở Việt Nam trong vòng vài năm trở lại đây, tuy nhiên, con số trên vẫn chưa là gì so với số lượng người giàu đang tăng lên nhanh chóng ở Trung Quốc đại lục. Mặc dù chỉ một bộ phận rất nhỏ người Việt Nam và Trung Quốc có nhu cầu và tiềm lực tài chính để mua các sản phẩm bằng ngà, nhưng đối với một quốc gia đông dân như Trung Quốc, đó vẫn là con số khá lớn.

Chính phủ Việt Nam đang dần quan tâm hơn đến mức độ nghiêm trọng của tình trạng buôn lậu ngà voi cũng

như những chỉ trích từ cộng đồng quốc tế. Điều này đã dẫn đến một số thay đổi về quy định.

Theo các cựu quan chức Việt Nam và đương nhiệm, công tác huấn luyện lực lượng công an nhằm đối phó với tình trạng buôn lậu động thực vật hoang dã, đặc biệt là ngà voi và sừng tê giác, đang được khẩn trương tiến hành. Các đơn vị hải quan, cảnh sát môi trường, công an kinh tế, cảnh sát chống buôn lậu, bộ đội biên phòng, cảnh sát biển và kiểm lâm đều tham gia phối hợp. Các biện pháp kiểm soát thị trường được thắt chặt, cùng với việc sử dụng thông tin tình báo một cách có hiệu quả (Hà, tháng 2/2016).

Ông Hà cho biết, mặc dù cơ quan chức năng đã rất nỗ lực trong thời gian qua, song nhiều lỗ hổng vẫn còn tồn tại (tháng 2/2016). Bên cạnh những tay buôn lậu, người mua và vận chuyển ngà voi cũng cần phải được đưa vào tầm kiểm soát. Trong khi các sân bay quốc tế của Việt Nam đều được tăng cường biện pháp an ninh thì các bến xe, nhà ga hay tuyến đường xuyên biên giới lại không được như vậy (Hà, tháng 2/2015).

Một vấn đề lớn đối với 2 nước đó là những thương lái mua hàng từ Việt Nam để bán sang thị trường Trung Quốc đại lục đang dần chuyển hướng hoạt động qua trao đổi trực tuyến. Cho đến nay, vẫn có rất ít biện pháp can thiệp hoặc ngăn chặn tình trạng này.

Những năm qua, nỗ lực tuyên truyền nâng cao ý thức chống lại nạn buôn bán trái phép động thực vật hoang dã đang dần thu được kết quả. Tuy nhiên, các chiến dịch ‘giảm nhu cầu’ tại Việt Nam chỉ tập trung chủ yếu vào sừng tê giác. Rất ít thông tin tuyên truyền nơi công cộng về nạn buôn bán trái phép ngà voi cũng như mức độ nghiêm trọng của tình hình. Không hề có biển hiệu hay áp-phích cảnh báo việc mua các sản phẩm làm từ ngà hay mang chúng ra nước ngoài là hành vi vi phạm pháp luật. Các tổ chức phi chính phủ đã khoanh vùng nhóm đối tượng cần được nâng cao hiểu biết về ‘giảm thiểu nhu cầu’ đối với sừng tê giác. Sau khi chứng minh được tính hiệu quả của mình, giờ đây, những thông tin này cũng có thể được sử dụng để giảm thiểu nhu cầu đối với ngà voi nhờ sự trợ giúp của các tổ chức quốc tế, cơ quan chính phủ, thương lái và người mua. Tại Trung Quốc đại lục, nơi ngày càng có nhiều chiến dịch và sự kiện phản đối hành vi mua bán trái phép ngà voi, phương pháp này cũng có thể được áp dụng và đem lại hiệu quả như ở Việt Nam. Việc mua bán ngà voi và sừng tê giác thường đi liền với nhau bởi các khách hàng thường muốn sở hữu những vật phẩm này như một biểu tượng đẳng cấp để khoa trương với bạn bè.

Việc giáo dục chống buôn bán trái phép động thực vật hoang dã chủ yếu hướng đến thế hệ trẻ là một chiến lược lâu dài bởi họ không phải là những khách hàng mua ngà voi ở thời điểm hiện tại. Trong khi các thông tin tuyên truyền xuất hiện phổ biến tại thành thị thì chỉ có 40% dân số Việt Nam sống tại đây. Vì vậy, cộng đồng nông thôn cần phải được tiếp cận nhiều hơn. Các phương tiện truyền thông cũng đã phần nào vào cuộc, song đây chỉ là những hoạt động ngắn hạn. Điều này dẫn đến rất ít sự thay đổi trong hành vi sử dụng ngà voi cũng như công tác ngăn chặn việc buôn lậu ngà voi từ Việt Nam sang Trung Quốc không đạt được thành quả như mong muốn.

Cách nhanh nhất để giảm thiểu nhu cầu tất nhiên vẫn phụ thuộc vào cơ quan chức năng, bao gồm việc nâng cao nhận thức về nguy cơ buôn bán và mua ngà voi. Cần phải nhanh chóng công khai các vụ bắt giữ ngà voi, sử dụng chó nghiệp vụ và tăng hình phạt đối với tội vi phạm quy định bảo vệ động thực vật hoang dã để nhanh chóng giảm thiểu nhu cầu của người dân đối với những sản phẩm làm từ ngà voi. Tất nhiên, vẫn cần phải áp dụng các biện pháp dài hạn nhằm thay đổi thái độ và nhận thức văn hóa. Sự phối hợp giữa các bên có liên quan nhằm giảm thiểu tình trạng buôn bán trái phép cũng là điều rất cần thiết, đặc biệt là khu vực có chung đường biên giới với Trung Quốc. Chiến lược tiếp cận cấp quốc gia nhằm đẩy mạnh nhận thức và củng cố lực lượng hành pháp vẫn còn sơ sài và chưa chặt chẽ. Nhiều tổ chức phi lợi nhuận và đoàn thể đang nỗ lực làm việc nhưng lại không có sự kết nối, dẫn đến

tình trạng các nguồn lực bị lãng phí bởi hoạt động không đồng nhất và không để lại hiệu quả. Những người Việt Nam có chung mối quan tâm đến tình trạng buôn bán trái phép động thực vật hoang dã đã phải đặt ra câu hỏi, 'Liệu cần có hay không một chiến lược quốc gia để chống lại nạn buôn bán động thực vật hoang dã và giảm thiểu nhu cầu? Một chương trình hợp tác giữa các ban ngành? Cần hay không sự tham gia hơn nữa của chính phủ? Chúng ta có cần xem xét tổng quan và đánh giá về những thất bại và lỗ hổng còn tồn đọng nhằm chuyển hướng đối tượng cũng như thay đổi cách tiếp cận?' (Hà, tháng 2/2016).

Từ đây có thể nhận thấy, chúng ta cần một phương thức tiếp cận hợp tác trên phạm vi trong nước và quốc tế. Ví dụ điển hình đó là ngà voi đã được buôn lậu trót lọt qua nhiều điểm trung chuyển trên hành trình tới Việt Nam. Đây không phải là trách nhiệm của riêng mình Việt Nam. Thái độ thờ ơ, nạn hối lộ và thiếu năng lực cơ quan chức năng, hoặc những người có trách nhiệm được trả tiền để nhắm mắt làm ngơ, là điều thường xuyên xảy ra trên chuỗi đường cung ứng. Việc vạch trần những 'ông trùm' tại châu Phi và Việt Nam là điều cấp thiết nhất để có thể ngăn chặn tội ác từ gốc đến ngọn. Về lâu dài, việc giáo dục thế hệ trẻ là điều quan trọng, nhưng trong thời gian ngắn, để ngăn chặn vẫn nạn buôn bán trái phép ngà voi đang ngày một tăng cao, cần phải triệt phá những băng nhóm tội phạm có tổ chức. Một dấu hiệu tích cực là nhìn chung, ngày càng có nhiều vụ buôn bán trái phép ngà voi được thanh tra tội phạm thụ lý.



Phương lái Trung Quốc vô tư mua những sản phẩm chế tác bằng ngà tại miền Bắc Việt Nam để mang về quê nhà do sự thiếu vắng lực lượng ch



Người bán tại Việt Nam thường không ngần ngại khẳng định với khách hàng rằng các sản phẩm của họ được chế tạo từ n

Kết luận

Kể từ năm 2008, Việt Nam đã trở thành một trong những quốc gia có hoạt động buôn bán trái phép ngà voi lớn nhất trên thế giới. Cơ lẽ không ở đâu mà tình trạng nhập khẩu ngà voi thô cũng như xuất khẩu lậu thành phẩm từ ngà lại sôi động như ở Việt Nam. Đặc biệt, kể từ năm 2008, kinh doanh ngà voi tại Việt Nam đã không ngừng mở rộng quy mô, phần lớn là bởi thị trường Trung Quốc nội địa, nơi nhập khẩu ít nhất 75% các sản phẩm làm bằng ngà, hầu hết là trang sức được sản xuất với số lượng lớn. Nguồn nhân công rẻ khiến giá thành của các sản phẩm ngà tại Việt Nam thấp hơn rất nhiều so với Trung Quốc. Cùng với việc chính phủ Việt Nam thúc đẩy việc sản xuất đồ thủ công xuất khẩu tại các ngôi làng xung quanh Hà Nội nhằm nâng cao danh tiếng, các nghệ nhân có thể tự do chế tác các mặt hàng được làm từ ngà voi mới săn trộm từ châu Phi. Luật pháp chưa đủ phân minh, mặc dù vẫn có lực lượng cảnh sát chức năng. Trên thực tế, hầu như tất cả lượng ngà voi thô đều mới được săn bắt trái phép, nhưng nếu những thương lái nói rằng ngà voi của họ có từ trước năm 1992, thì lại được phép chế tác và buôn bán. Quy định về ngà lấy từ voi nhà không rõ ràng đã tạo ra lỗ hổng pháp lý. Việc thu thập thông tin kém hiệu quả và lực lượng cảnh sát mỏng tại các trạm

Hải quan dọc theo khu vực biên giới Việt - Trung cho phép nhiều người Trung Quốc vận chuyển trái phép sản phẩm bằng ngà vì mục đích cá nhân hoặc buôn bán. Trong giai đoạn 2008 - 2014, không có một bản khảo sát chính thức nào về tình hình ngà voi tại Việt Nam, bất chấp những áp lực từ CITES vào năm 2013. Chính vì vậy, hiện chưa rõ liệu Việt Nam đang nằm ở đâu trong nhóm những trung tâm buôn bán ngà voi lớn nhất trên thế giới. Điều này dẫn đến việc chính phủ Việt Nam, các tổ chức phi chính phủ trong và ngoài nước chưa có những hành động hiệu quả trong cuộc chiến chống lại tệ nạn buôn bán trái phép này.

Thậm chí, có 2 ấn bản được phát hành vào năm 2015 song lại đưa thông tin hoàn toàn mâu thuẫn về mức độ kinh doanh ngà voi tại Việt Nam. Ấn phẩm thứ hai của tác giả Liu năm 2015 đồng nhất với kết quả điều tra của chúng tôi rằng Việt Nam đã trở thành một quốc gia trung chuyển hàng đầu và có tốc độ gia tăng buôn bán trái phép động thực vật hoang dã nhanh chóng. Chúng tôi kết luận, Việt Nam chính là một trong những điểm nóng nhất trên thế giới về nạn buôn bán trái phép ngà voi.

Bảng biểu

Bảng 1. Các cửa hàng bán lẻ và số lượng sản phẩm làm bằng ngà được bày bán tại TP HCM, cuối năm 2015

Cửa hàng	Số lượng cửa hàng	Tỷ lệ (%)	Số lượng sản phẩm	Bình quân sản phẩm
Trang sức	78	67	1,066	14
Đồ cổ	28	24	1,369	49
Thuốc bắc	4	3	429	107
Gỗ	4	3	173	43
Tôn giáo	2	2	61	30
Tổng	116	99	3,098	27

Table 2. Các sản phẩm làm bằng ngà được bày bán chủ yếu tại TP HCM, cuối năm 2015

Mặt hàng	Tỷ lệ (%)
Mặt dây chuyền	51
Vòng tay	10
Tượng nhỏ	7
Phù điêu	4
Dây chuyền, hạt	4
Đũa, đôi	3
Ấn triện	2
Tràng hạt	2
Xúc xắc	2
Khuyên tai, đôi	2
Các loại khác	13
Tổng	100

Bảng 3. Giá bán lẻ các sản phẩm làm bằng ngà chủ yếu tại TP HCM, cuối năm 2015

Mặt hàng	Kích cỡ (cm)	Mức giá (USD)	Giá trung bình (USD)
TRANG SỨC			
Vòng tay	1–2.5	222–1,200	540
Lắc tay trẻ em	0.25	13–50	30
Tràng hạt	1	340–700	497
Khuyên tai, đôi		50	50
Nút khuyên tai, đôi (cũ)	3	50–140	100
Dây chuyền	1	200–600	417
Mặt dây chuyền	2.5	22–45	121
Mặt dây chuyền	4–6	200–600	312
Nhẫn	0.25	22–60	36
Nhẫn	0.5–1	100–133	115
TƯỢNG NHỎ			
	2.5	30–58	39
	5	111–2,000	683
	10–15	700–800	775
(cũ)	15–25	2,500–10,000	4,100
(cũ)	40–45	2,500–8,000	5,167
CÁC LOẠI KHÁC			
Tẩu thuốc	10	100–200	122
Đũa, đôi	20	100–370	184
Ấn triện	2 x 6	250–356	319

1 USD = 22.500 VND

Bảng 4. Giá voi và các sản phẩm từ voi, bán buôn và bán lẻ, cuối năm 2015

Mặt hàng	Bán buôn (USD)	Bán lẻ (USD)
ĐỘNG VẬT		
Voi sống, không ngà	35,556	
Voi chết, không ngà	3,556–4,444	
Voi chết từ Lào, không ngà	5,333	
BỘ PHẬN		
Lông đuôi	5–9, av 7	15–20, av 17
Ngà voi miếng còn thừa, 100/g gói	22	31
Bột ngà voi còn thừa, 100/g gói	13	18–22
Xương chân, tối thiểu 120cm	36/kg	
Xương nhỏ	22–27/kg	
Răng hàm	66–144	
Da	133/kg	144/kg
THÀNH PHẨM		
Vòng tay, xương		20
Vòng tay, lông đuôi		131–133
Tràng hạt, xương		14–44
Tượng Phật, xương, 5cm		95
Đồ khắc từ xương, 15–20cm		380–480, trung bình 415
Đũa, xương, đôi		29
Tẩu thuốc, xương, 10cm		95
Lược		6
Ấn triện, xương, 1,5 x 6cm		95
Tràng hạt dài, xương, 1cm (108 hạt)		16–41, av 29
Tràng hạt trung bình, xương, 1cm		22
Dây đeo cổ, lông đuôi		80–208
Mặt dây chuyền, xương, 2,5 cm		11
Mặt dây chuyền, xương, 5 cm		19–30, trung bình 25
Nhẫn		2
Ví da		18

1 USD = 22.500 VND

Table 5. Các cửa hàng bán lẻ và số lượng sản phẩm làm bằng ngà được bày bán tại Buôn Ma Thuột, cuối năm 2015

Cửa hàng	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng sản phẩm	Bình quân sản phẩm
Trang sức	13	54	818	63
Lưu niệm	7	29	803	115
Khách sạn	4	17	344	86
Tổng	24	100	1,965	82

Table 6. Các sản phẩm làm bằng gỗ được bày bán chủ yếu tại Buôn Ma Thuật, cuối năm 2015

Mặt hàng	Tỷ lệ (%)
Nhẫn	39
Mặt dây chuyền	32
Vòng tay	14
Khuyên tai, đôi	7
Tượng nhỏ	2
Tràng hạt	2
Bùa	1
Các loại khác	3
Tổng	100

Table 7. Giá bán lẻ các sản phẩm làm bằng gỗ chủ yếu tại Buôn Ma Thuật, cuối năm 2015

Mặt hàng	Kích cỡ (cm)	Mức giá (USD)	Giá trung bình (USD)
TRANG SỨC			
Vòng tay	1–2.5	89–933	302
Lắc tay trẻ em	0.25	53	53
Tràng hạt	1	267–356	312
Khuyên tai, đôi	1	11–18	15
Dây chuyền, hạt	1	156–356	258
Mặt dây chuyền	2.5	31–120	62
Mặt dây chuyền	4–6	178–356	278
Nhẫn	0.25	9–73	29
CÁC LOẠI KHÁC			
Tẩu thuốc	10	67–71	69

1 USD = 22.500 VND

Table 8. Các sản phẩm làm bằng gỗ được bày bán chủ yếu ở làng du lịch gần Buôn Ma Thuật, cuối năm 2015

Mặt hàng	Tỷ lệ (%)
Mặt dây chuyền	52
Nhẫn	18
Khuyên tai, đôi	12
Lắc tay trẻ em	6
Tượng nhỏ	2
Các loại khác	10
Tổng	100

Table 9. Giá bán lẻ các sản phẩm làm bằng ngà tại làng du lịch gần Buôn Ma Thuột, cuối 2015

Mặt hàng	Kích cỡ (cm)	Mức giá (USD)	Giá trung bình (USD)
TRANG SỨC			
Lắc tay trẻ em	0.25	44–53	48
Tràng hạt	1–2	111–133	122
Khuyên tai, đôi	1	11–22	16
Mặt dây chuyền	2.5	13–67	36
Mặt dây chuyền	4–6	29–356	109
Nhẫn	0.25	16–44	29
CÁC LOẠI KHÁC			
Tẩu thuốc	6	29	29

1 USD = 22.500 VND

Table 10. Các cửa hàng bán lẻ và số lượng sản phẩm làm bằng ngà được bày bán tại Hà Nội, cuối 2015

Cửa hàng	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng sản phẩm	Bình quân sản phẩm
Trang sức	18	62	198	11
Đồ cổ	8	28	123	15
Khách sạn	2	7	47	23
Gỗ	1	3	3	3
Tổng	29	100	371	13

Bảng 11. Các sản phẩm làm bằng ngà được bày bán chủ yếu tại Hà Nội, cuối năm 2015

Mặt hàng	Tỷ lệ (%)
Mặt dây chuyền	44
Vòng tay	11
Tượng nhỏ, tôn giáo/người	8
Nhẫn	7
Ấn triện	6
Tràng hạt	5
Dây đeo cổ, hạt	3
Tượng, tôn giáo/người	2
Tẩu thuốc	2
Đũa, đôi	2
Lược	2
Khuyên tai, đôi	1
Vòng cổ, mặt dây	1
Tượng, động vật	1
Ngà khắc	1
Phù điêu	1
Các loại khác	3
Tổng	100

Bảng 12. Giá bán lẻ các sản phẩm làm bằng ngà chủ yếu tại Hà Nội, cuối năm 2015

Mặt hàng	Kích cỡ (cm)	Mức giá (USD)	Giá trung bình (USD)
TRANG SỨC			
Vòng tay	1–2.5	235–600	433
Dây đeo cổ, hạt	1	219–800	436
Mặt dây chuyền	2.5	65–80	72
Mặt dây chuyền	5	178–300	239
Nhẫn	0.25	67–150	96
TƯỢNG NHỎ			
	5–10	200–300	250
CÁC LOẠI KHÁC			
Đũa, đôi	20	44–400	222
Tẩu thuốc	10	144	144
Lược có tay cầm	15	103	103
Ấn triện	2 x 6	70–391	252

1 USD = 22.500 VND

Bảng 13. Các cửa hàng bán lẻ và số lượng sản phẩm làm bằng ngà được bày bán tại ngôi làng số 1, Nam Hà Nội, cuối năm 2015

Cửa hàng	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng sản phẩm	Bình quân sản phẩm
Ngà/gỗ	51	96	9,870	194
Quần áo	1	2	17	8
Tạp hóa	1	2	6	3
Tổng	53	100	9,893	187

Bảng 14. Các sản phẩm làm bằng ngà được bày bán chủ yếu tại ngôi làng số 1, Nam Hà Nội, cuối năm 2015

Mặt hàng	Tỷ lệ (%)
Mặt dây chuyền	39
Vòng tay	23
Nhẫn	14
Dây đeo cổ, hạt	9
Tràng hạt	4
Đũa, đôi	2
Tượng nhỏ	1
Cúc	1
Tẩu thuốc	1
Ấn triện	1
Hạt, gói	1
Các loại khác	4
Tổng	100

Bảng 15. Giá bán lẻ các sản phẩm làm bằng ngà chủ yếu tại ngôi làng số 1, Nam Hà Nội, cuối năm 2015

Mặt hàng	Kích cỡ (cm)	Mức giá (USD)	Giá trung bình (USD)
TRANG SỨC			
Vòng tay		178–356	256
Lắc tay trẻ em		22	22
Tràng hạt		111–178	145
Khuyên tai, đôi	1	13–22	18
Dây đeo cổ, hạt		133	133
Mặt dây chuyền	1–2.5	22–44	33
Mặt dây chuyền	0.25	44–133	79
Nhẫn	1	2–4	3
TƯỢNG NHỎ			
	5	22–67	37
	20	1,778	1,778
CÁC LOẠI KHÁC			
Đũa, đôi	20	111–120	115
Tẩu thuốc	10	44	44
Lược	10	10–111	60

1 USD = 22.500 VND

Bảng 16. Các sản phẩm làm bằng ngà được bày bán chủ yếu tại ngôi làng số 5, Bắc Hà Nội, cuối năm 2015

Mặt hàng	Tỷ lệ (%)
Mặt dây chuyền	36
Tượng nhỏ	22
Vòng tay	17
Nhẫn	14
Dây đeo cổ, hạt	7
Tràng hạt	3
Các loại khác	1
Tổng	100

Bảng 17. So sánh giá ngà voi thô tại Việt Nam từ tháng 12/1990 – 12/2015 (USD)

Thời gian	Giá ngà voi thô (USD/kg)
1990	100–200
2001	350–500
2003	Trung bình 350
2008	500–1,500
2014	1,262
2015	845–1,032
12/2015	889–1,334, trung bình 1,116

Nguồn: Martin 1992a; Martin và Stiles 2002; Stiles 2004; Stiles 2008; Liu 2015; bản điều tra được thực hiện vào tháng 12/2015

1 USD = 4.200 VND vào năm 1990; 14.450 vào năm 2001; 15.415 vào năm 2004; 16.100 vào năm 2008; 21.388 vào năm 2014; 21.310 vào tháng 9-10/2015; và 22.500 vào tháng 12/2015

Bảng 18. So sánh giá bán lẻ các sản phẩm ngà đạt tiêu chuẩn tại TP HCM và Hà Nội từ năm 1990 - 2015 (USD)

Mặt hàng	1990	2001	2008	2015
Vòng tay, trơn, 1cm	38	70–150	58–300	222–520
Đũa, đôi	33	36–95	40–200	44–400
Tẩu thuốc, 10cm	19	35–70	110–320	100–200
Khuyên tai, đôi, 1cm	1	25	50–100	50
Ấn triện, 5–8cm	–	25–30	55–200	70–391
Dây đeo cổ, hạt, trung	25–52	75–120	200–750	200–800
Mặt dây chuyền, 2,5–3cm	–	25–30	25–35	22–450
Mặt dây chuyền, 5–10cm	–		35–280	178–600
Nhẫn, 0,25 cm	2	10–20	10–50	22–150

Nguồn: 1990 Hà Nội (Martin 1992); 2001 Vietnam (Martin và Stiles 2002); 2008 TP HCM (Stiles 2008); bản điều tra được thực hiện vào năm 2015

1 USD = 4.200 VND vào năm 1990; 14.450 vào năm 2001; 16.100 vào năm 2008; và 22.500 vào tháng 12/2015

Bảng 19. Số cửa hàng bán lẻ và số sản phẩm ngà voi bày bán tại TP HCM và Hà Nội trong giai đoạn 2001-2015

Địa điểm	2001		2008		2015	
	Cửa hàng	Sản phẩm	Cửa hàng	Sản phẩm	Cửa hàng	Sản phẩm
Tp HCM	37	2.262	49	1.776	116	3.098
Hà Nội	13	777	10	407	29	371

Bảng 20. Số lượng cửa hàng bán lẻ và sản phẩm làm bằng ngà được khảo sát tại 6 địa điểm ở Việt Nam, cuối năm 2015

Địa điểm	Số lượng cửa hàng	Số lượng sản phẩm	Bình quân sản phẩm tại cửa hàng
TP HCM	116	3,098	27
Ngôi làng 1	53	9,893	187
Hà Nội	29	371	13
Buôn Ma Thuột	24	1,965	82
Làng du lịch	16	703	44
Ngôi làng 5	4	69	17
Tổng	242	16,099	67

Bảng 21. Dạng cửa hàng và số lượng sản phẩm bằng ngà khảo sát tại Việt Nam, cuối năm 2015

Mặt hàng	Số lượng cửa hàng	Số lượng sản phẩm
Trang sức	109	2,082
Chuyên về ngà/gỗ	60	10,115
Đồ cổ	36	1,492
Đồ lưu niệm	23	1,506
Khách sạn	6	391
Thuốc Đông y	4	429
Tâm linh	2	61
Quần áo	1	17
Tạp hóa	1	6
Tổng	242	16,099

Bảng 22. Tỷ lệ các sản phẩm làm bằng ngà chủ yếu được bày bán tại 6 địa điểm khảo sát ở Việt Nam, cuối năm 2015

Mặt hàng	TP HCM	Buôn Ma Thuột	Làng du lịch	Hà Nội	Ngôi làng 1	Ngôi làng 5
Mặt dây chuyền	51	32	52	44	39	36
Vòng đeo tay, người lớn	10	14	—	11	23	17
Tràng hạt	6	2	—	8	13	10
Khuyên tai, đôi	2	7	12	1	—	—
Nhẫn	—	39	18	7	14	14

Bảng 23. So sánh giá bán lẻ các sản phẩm ngà đạt tiêu chuẩn tại 6 địa điểm của Việt Nam, cuối năm 2015

Mặt hàng	TP HCM	Buôn Ma Thuột	Làng du lịch	Hà Nội	Ngôi làng 1	Ngôi làng 5
Vòng đeo tay	540	302	—	433	256	383
Lắc tay trẻ em	30	53	48	—	22	38
Tràng hạt	497	312	122	—	145	269
Khuyên tai, đôi	50	15	16	—	18	25
Dây đeo cổ, hạt	417	258	—	436	133	311
Mặt dây chuyền,	121	62	36	72	33	65
Mặt dây chuyền,	312	278	109	239	79	203
Nhẫn, nhỏ	36	29	29	96	3	39
Tẩu thuốc	122	69	—	144	44	95
Đũa, đôi	184	—	—	222	115	174
Ấn triện	319	—	—	252	—	286

Bảng 24. So sánh giá bán lẻ các sản phẩm ngà phổ biến Việt Nam và Trung Quốc (USD)

Mặt hàng	Việt Nam			Trung Quốc	
	TP HCM	Hà Nội	Ngôi làng 1	Bắc Kinh	Thượng Hải
Vòng đeo tay	540	453	256	1.933	971
Tẩu thuốc	122	144	44	623	749
Ấn triện	319	252	-	790	703
Dây đeo cổ	417	436	133	836	720
Mặt dây chuyền, lớn	278	239	79	757	715
Giá trung bình	335	305	128	988	772

Lưu ý: Đây là giá bán lẻ tại Việt Nam vào tháng 12/2015 và tại Trung Quốc vào tháng 05/2014; vào cuối năm 2015, giá bán lẻ tại Trung Quốc vẫn giữ nguyên mức này, theo nghiên cứu gần đây của chúng tôi (chưa công bố).

Lời cảm ơn

Các tác giả muốn gửi lời cảm ơn đến Elephant Crisis Fund (tạm dịch: Quỹ bảo tồn voi) đã tài trợ cho các hoạt động của tổ chức Save the Elephants tại Việt Nam.

Cảm ơn các cán bộ của Save the Elephants tại Kenya đã hỗ trợ và giúp đỡ chúng tôi. Cảm ơn nhà nghiên cứu Dan Stiles vì những lời chia sẻ đầy hữu ích.



Một bức tượng voi được khắc trên đá sa thạch vào thế kỷ 10 tại Việt Nam. Loài động vật này vẫn kiên cường tồn tại, bất chấp sức ép khủng khiếp từ con người tại Việt Nam và nhiều khu vực tại Châu Á.

Tài liệu tham khảo

- AFPa. 2015. Rhino horns, elephant tusks seized in Vietnam. 14 August.
- AFPb. 2015. Two tonnes of elephant tusks seized in Vietnam (Mozambique). 18 December.
- Duc N. 2015. Transforming Vietnam's economy into an efficiency-driven growth trajectory to avoid the middle income trap. *Vietnam's Socio-Economic Development* 82:13–18. July.
- CITES. 2015. National ivory action plan for Vietnam, SC66 Doc.29 Annex 11.
- Kane R. 1963. *Asia A to Z*. Doubleday & Co., Garden City, New York.
- Kunz G. 1916. *Ivory and the elephants in art, in archaeology, and in science*. Doubleday, Page and Co., Garden City, New York.
- Liu H. 2015. Trafficking market goes wild in Vietnam. <http://oxpeckers.org/2015/11>.
- Martin E. 1992a. Observations on the wildlife trade in Vietnam. *TRAFFIC Bulletin* 13(2):61–67.
- Martin E. 1992b. Going to market in Vietnam. *Wildlife Conservation* 95(4):16.
- Martin E, Stiles D. 2002. *The South and South East Asian ivory markets*. Save the Elephants, Nairobi and London.
- Maskell A. 1905. *Ivories*. GP Putnam's Sons, New York.
- Milliken T. 2013. Report of the 16th Meeting of the Conference of the Parties to CITES: Elephants. *TRAFFIC Bulletin* 25(2):60–61.
- Minh H. 2015. The small and medium enterprises development in Vietnam. *Vietnam's Socio-Economic Development* 82:19–30. July.
- Nguyen-Long K. 2013. *Arts of Vietnam 1009–1945*. Gioi Publishers, Hanoi.
- Nguyen N, Willemsen M. 2015. Assessment of the availability of ivory in the Vietnamese market. *TRAFFIC Bulletin* 27(2):59–65.
- Saturday Nation* (Nairobi). 2015. Mozambique ivory seized in Vietnam. 15 August.
- St Aubyn F. (ed.) 1987. *Ivory: an international history and illustrated survey*. Harry N. Abrams Inc., New York.
- Stiles D. 2004. Update on the ivory industry in Thailand, Myanmar and Viet Nam. *TRAFFIC Bulletin* 20(1):39–43.
- Stiles D. 2008. *An assessment of the illegal ivory trade in Viet Nam*. TRAFFIC Southeast Asia, Petaling Jaya, Selangor, Malaysia.
- Stiles D. 2009. The status of the ivory trade in Thailand and Viet Nam. *TRAFFIC Bulletin* 22(2):83–91.
- Stiles D, Martin E. 1995. Guest editorial: Economic boom leads to wildlife doom in Southeast Asia. *International Zoo News* 42(4):202–204.
- Thanh Nien News*. 2015. Vietnam seizes huge shipment of ivory, pangolin scales from Tanzania. 24 November.
- TRAFFIC. 2015. Spotlight on Da Nang as new conduit in global ivory trafficking (Viet Nam). 24 September, news release.
- Tu Nguyen. 2015. Vietnam seizes 2.3 tons of elephant tusks inside Nigerian wood shipment. *Thanh Nien News*. 22 August.
- Vietnam, Socialistic Republic of. 2015. *Statistical Yearbook of Vietnam 2014*. General Statistics Office, Statistical Publishing House, Hanoi.
- Vietnamese News Agency. 1991. *The Nation* (Bangkok). 10 January.
- Vietnam News*. 2015. Police seize 387 kg of smuggled elephant tusks (Vietnam). 3 July.
- Vigne L, Martin E. 2014. *China faces a conservation challenge: The expanding elephant and mammoth ivory trade in Beijing and Shanghai*. Save the Elephants and The Aspinall Foundation, Nairobi and Kent, UK.
- Vigne L, Martin E. 2016. High prices for rhino horn continue to drive poaching. *Swara* 40(3). July–Sept.
- Vira V, Ewing T, Miller J. 2014. *Out of Africa: mapping the global trade in illicit elephant ivory*. Born Free and C4ADS, USA.
- Xinhua*. 2015. Fighting illegal wildlife trade at China–Vietnam border. 4 December.



Tình trạng ngà voi được tán thành bột tại miền Bắc Việt Nam, chủ yếu là cho thị trường Trung Quốc đại lục, đã không ngừng gia tăng kể từ n

Các tác giả

Lucy Vigne

Lucy Vigne đến Kenya lần đầu tiên trong chuyến thám hiểm của Hiệp hội địa lý Hoàng gia Anh/ Đại học Oxford vào năm 1981 để nghiên cứu về hành vi sử dụng công cụ của loài kền kền Ai Cập (do Chris Thouless của tổ chức Save the Elephants dẫn đầu). Bà quay lại Nairobi vào năm 1983 để làm việc cho nhóm chuyên gia về voi châu Phi và tê giác của Tổ chức Bảo tồn thiên nhiên quốc tế (IUCN) do David Western đứng đầu. Suốt thập niên 90, Lucy đã cùng Esmond Martin nghiên cứu về nạn buôn bán ngà voi và xuất bản nhiều công trình, chủ yếu về tình hình ngà voi ở châu Phi. Đến những năm 2000, bà đã thực hiện các cuộc khảo sát ở châu Phi và châu Á để thu thập dữ liệu về tình trạng buôn bán ngà voi và được đăng tải trên nhiều tạp chí. Thời

gian gần đây, hoạt động khảo sát thực địa của bà được tài trợ bởi tổ chức Save the Elephants.

Dưới sự tài trợ của tổ chức Save the Elephants, bà đã nghiên cứu thực địa tại Trung Quốc (Bắc Kinh và Thượng Hải) và Hồng Kông cùng với tác giả Esmond Martin và công bố kết quả hai công trình nghiên cứu vào năm 2014 (Trung Quốc) và năm 2015 (Hồng Kông).

Lucy, người sáng lập nên khoa Động vật da dày cho IUCN vào năm 1984, hiện vẫn đảm nhiệm công việc biên tập tài liệu về voi và tê giác. Từ năm 1992, bà là một thành viên của ban biên tập Kenya Past and Present, một ấn bản thường niên của Bảo tàng quốc gia Kenya. Bà cũng là một thành viên của nhóm chuyên gia voi châu Phi tại IUCN

Esmond Martin

Esmond Martin bắt đầu nghiên cứu nạn buôn bán ngà voi kể từ cuối những năm 1960 khi ông thực hiện một bản khảo sát về việc buôn bán trái phép các sản phẩm từ động vật hoang dã tại khu vực bờ biển Đông Phi. Sang đầu thập niên 70, ông đã đi đến nhiều quốc gia nằm ven biển Ấn Độ Dương để tìm hiểu về những đoàn thuyền buôn lậu tại đây. Cuối những năm 1970 và 1980, ông tiến hành nhiều nghiên cứu về thị trường ngà nội địa ở châu Phi. Ông đến Việt Nam lần đầu vào năm 1990 để tìm hiểu về hoạt động mua bán ngà voi, động vật hoang dã và các sản phẩm từ chúng như

tắc kè (bồi bổ tăng cường sinh lực), cu li nhỏ (chữa ung thư) và báo gấm (tiêu bản trưng bày). Kể từ đó Esmond tiếp tục thực hiện khảo sát thực địa về vấn nạn buôn bán ngà voi trên toàn cầu.

Esmond đã đóng góp thời gian và công sức cho nhiều tổ chức về bảo tồn loài voi. Ông là một thành viên của nhóm chuyên gia voi châu Phi tại IUCN và nhóm tư vấn kỹ thuật hệ thống thông tin mua bán voi của CITES. Ông là thành viên ban quản lý Hiệp hội thiên nhiên hoang dã Đông Phi và ban biên tập cho tạp chí Swara và Động vật da dày.





SAVE THE ELEPHANTS

拯救大象

PO Box 54667
Nairobi 00200, Kenya

ISBN 978-9966-096-76-0



9 789966 096760